

SYNODE DES ÉVÊQUES
XIII^{ème} ASSEMBLÉE GÉNÉRALE ORDINAIRE

*THƯỢNG HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC
ĐẠI HỘI THƯỜNG KỶ LẦN THỨ XIII*

**LA NOUVELLE ÉVANGÉLISATION
POUR LA TRANSMISSION DE LA FOI
CHRÉTIENNE**

***TÂN PHÚC ÂM HOÁ ĐỂ TRUYỀN BÁ
ĐỨC TIN KITÔ GIÁO***

**LINEAMENTA
(ĐỀ CƯƠNG)**

Websites

http://www.vatican.va/roman_curia/synod/documents/rc_synod_doc_20110202_lineamenta-xiii-assembly_fr.html (*tiếng Pháp*)

http://www.vatican.va/roman_curia/synod/documents/rc_synod_doc_20110202_lineamenta-xiii-assembly_en.html (*tiếng Anh*)

**CITÉ DU VATICAN – 2011
VATICAN - 2011**

TABLE DES MATIÈRES

Avant-Propos

INTRODUCTION

1. L'urgence d'une nouvelle évangélisation
2. Le devoir d'évangéliser
3. Évangélisation et discernement
4. Évangéliser dans le monde d'aujourd'hui, à partir de ses défis

Questions

CHAPITRE I

LE TEMPS D'UNE « NOUVELLE ÉVANGÉLISATION »

5. «Nouvelle évangélisation». Signification d'une définition
6. Les scénarios de la nouvelle évangélisation
7. En chrétiens face à ces nouveaux scénarios
8. «Nouvelle évangélisation» et besoin de spiritualité
9. Nouvelles façons d'être Église
10. Première évangélisation, *sollicitude pastorale, nouvelle évangélisation*

Questions

CHAPITRE II

PROCLAMER L'ÉVANGILE DE JÉSUS-CHRIST

11. La rencontre et la communion avec le Christ : but de la transmission de la foi
12. L'Église transmet la foi qu'elle vit elle-même
13. Parole de Dieu et transmission de la foi
14. La pédagogie de la foi
15. Les Églises locales, sujets de la transmission
16. Rendre raison : le style de la proclamation
17. Les fruits de la transmission *de la foi*

Questions

CHAPITRE III

INITIER À L'EXPÉRIENCE CHRÉTIENNE

18. L'initiation chrétienne, processus évangélisateur
19. Première annonce en tant qu'exigence de nouvelles formes du discours sur Dieu
20. Initier à la foi, éduquer à la vérité
21. L'objectif d'une « écologie de la personne humaine »
22. Évangélisateurs et éducateurs, parce que témoins

Questions

CONCLUSION

23. Le fondement de la «nouvelle évangélisation» dans la Pentecôte
24. La «nouvelle évangélisation», vision pour l'Église d'aujourd'hui et de demain
25. La joie d'évangéliser

NỘI DUNG

Lời Tựa

NHẬP ĐỀ

1. Tính cấp bách của cuộc tân phúc âm hoá
2. Bối cảnh rao giảng Tin Mừng
3. Rao giảng Tin Mừng và việc phân định
4. Rao giảng Tin Mừng trong thế giới hôm nay, bắt đầu từ những thách thức

Câu hỏi

CHƯƠNG I

THỜI ĐIỂM CHO MỘT CUỘC “TÂN PHÚC ÂM HOÁ”

5. “Tân phúc âm hoá”. Ý nghĩa của một định nghĩa
6. Bối cảnh của cuộc tân phúc âm hoá
7. Người Kitô hữu đứng trước bối cảnh mới này
8. “Tân phúc âm hoá” và nhu cầu linh đạo
9. Các cách thức mới để “là Hội Thánh”
10. Phúc âm hoá ban đầu, chăm sóc mục vụ và cuộc tân phúc âm hoá

Câu hỏi

CHƯƠNG II

CÔNG BỐ TIN MỪNG CHÚA GIÊSU KITÔ

11. Gặp gỡ và kết hợp mật thiết với Đức Kitô: mục đích của truyền bá đức tin
12. Hội Thánh truyền bá đức tin mình đang sống
13. Lời Thiên Chúa và việc truyền bá đức tin
14. Khoa sư phạm đức tin
15. Các Giáo Hội địa phương: chủ thể truyền bá đức tin
16. Lý giải: Phong cách rao giảng
17. Các kết quả của việc truyền bá đức tin

Câu hỏi

CHƯƠNG III

KHAI TÂM VÀO KINH NGHIỆM KITÔ GIÁO

18. Khai tâm Kitô giáo, tiến trình rao giảng Tin Mừng
19. Loan báo ban đầu và các hình thức mới cần có để nói về Thiên Chúa
20. Khai tâm đức tin; giáo dục sự thật
21. Mục đích của một “khoa sinh thái nhân vị”
22. Người rao giảng Tin Mừng và người giáo dục: vì là chứng nhân

Câu hỏi

KẾT LUẬN

23. Lễ Hiện Xuống: Nền tảng của cuộc “tân phúc âm hoá”
24. “Tân phúc âm hoá”, tầm nhìn cho Hội Thánh hôm nay và ngày mai
25. Niềm vui rao giảng Tin Mừng

AVANT-PROPOS

« Allez donc, de toutes les nations faites des disciples, les baptisant au nom du Père et du Fils et du Saint Esprit, et leur apprenant à observer tout ce que je vous ai prescrit » (Mt 28, 19-20). Avant de monter au ciel et de s'asseoir à la droite de Dieu le Père (cf. Ep 1, 20), Jésus-Christ a envoyé ses disciples proclamer la Bonne Nouvelle au monde entier. Ils représentaient un petit groupe de témoins de Jésus de Nazareth, de sa vie ici-bas, de son enseignement, de sa mort et, surtout, de sa résurrection (cf. Ac 1, 22). C'était une tâche immense, au-dessus de leurs possibilités. Pour les encourager, le Seigneur promet la venue du Paraclet, que le Père enverra en son nom (cf. Jn 14, 26) et qui les « introduira dans la vérité tout entière » (Jn 16, 13). En outre, il assure qu'il sera constamment présent : « Et voici que je suis avec vous pour toujours jusqu'à la fin du monde » (Mt 28, 20).

Après l'événement de la Pentecôte, lorsque le feu de l'amour de Dieu s'est posé sur les apôtres (cf. Ac 2, 3) réunis en prière « avec quelques femmes, dont Marie mère de Jésus » (Ac 1, 14), le mandat du Seigneur Jésus a commencé à se réaliser. À l'origine de l'Église – missionnaire par sa nature –, il y a l'Esprit Saint que Jésus-Christ donne en abondance (cf. Jn 3, 34). En effet, tout de suite après avoir reçu l'onction de l'Esprit Saint, saint Pierre Apôtre « alors, debout [...] éleva la voix » (Ac 2, 14) proclamant le salut au nom de Jésus, que « Dieu [...] a fait Seigneur et Christ » (Ac 2, 36). Transformés par le don de l'Esprit, les disciples se sont dispersés dans le monde connu à l'époque, et ont diffusé l'«Évangile de Jésus-Christ, Fils de Dieu » (Mc 1, 1). Leur annonce a atteint les régions du bassin de la Méditerranée, de l'Europe, de l'Afrique et de l'Asie. Guidés par l'Esprit, don du Père et du Fils, leurs successeurs ont poursuivi cette mission, qui reste actuelle jusqu'à la fin des siècles. Tant qu'elle existe, l'Église doit annoncer l'Évangile de la venue du Royaume de Dieu, l'enseignement de son Maître et Seigneur et, surtout, la personne de Jésus-Christ.

Le mot « Évangile », τὸ εὐαγγέλιον, était déjà utilisé à l'époque de l'Église naissante. Saint Paul l'emploie souvent pour indiquer la prédication de l'Évangile, que Dieu lui a confiée (cf. 1 Te 2, 4) « au milieu d'une lutte pénible » (1 Te 2, 2), et toute la nouvelle économie du salut (cf. 1 Te 1, 5 et suiv.; Ga 1, 6-9 et suiv.). Outre que par Marc (cf. Mc 1, 14.15; 8, 35; 10, 29; 13, 10; 14, 9; 16, 15), le mot Évangile – la Bonne Nouvelle – est aussi utilisé par l'évangéliste Matthieu, souvent dans la combinaison spécifique « l'Évangile du Royaume » (Mt 9, 35; 24, 14; cf. 26, 13). Saint Paul emploie aussi l'expression εὐαγγελίσασθαι, cf. 2 Co 10, 16), que l'on retrouve également dans les Actes des Apôtres (cf. en particulier Ac 8, 4.12.25.35.49) et dont l'usage s'est largement développé dans l'histoire de l'Église.

Dans les temps plus récents, le mot évangélisation se réfère à l'activité ecclésiale dans son ensemble. L'Exhortation apostolique [Evangelii nuntiandi](#), publiée le 8 décembre 1975, comprend dans cette catégorie la prédication, la catéchèse, la liturgie, la vie sacramentelle, la piété populaire et le témoignage de la vie chrétienne (cf. EN 17, 21, 48 et suiv.). Dans cette Exhortation, le Serviteur de Dieu [Paul VI](#), a regroupé les résultats de la Troisième Assemblée Générale Ordinaire du Synode des Évêques, qui s'était tenue du 27 septembre au 26 octobre sur le thème L'évangélisation dans le monde moderne. Le document a imprimé un dynamisme notable à l'action évangélisatrice de l'Église au cours des décennies suivantes, action accompagnée d'une authentique promotion humaine (cf. EN 29, 38,70).

Dans le vaste contexte de l'évangélisation, une attention particulière a été réservée à l'annonce de la Bonne Nouvelle aux personnes et aux peuples qui ne connaissent pas encore l'Évangile de Jésus-Christ. C'est à eux que s'adresse la *missio ad gentes* qui a caractérisé

LỜI TỰA

“VẬY anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, dạy bảo họ tuân giữ những điều Thầy đã truyền cho anh em. Và đây, Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế” (Mt 28:19-20). Trước khi lên trời ngự bên hữu Thiên Chúa Cha (x. Ep 1, 20), Đức Giêsu Kitô đã sai các môn đệ đi loan báo Tin Mừng cho toàn thế giới. Họ là một nhóm người làm chứng về Đức Giêsu Nadarét, về cuộc sống trần thế của Người, các lời giảng dạy, cái chết và nhất là sự phục sinh của Người (x. Cv 1:22). Đây là một nhiệm vụ quá lớn, vượt trên khả năng của họ. Để khích lệ họ, Người hứa Đấng Bảo Trợ do Chúa Cha gửi đến sẽ đến nhân danh Người (x. Ga 14:26) để “dẫn [họ] ... tới sự thật toàn vẹn” (Ga 16:13). Hơn nữa, Người bảo đảm sự hiện diện thường hằng của Người với họ: “Và đây Thầy ở với anh em mọi ngày cho đến tận thế” (Mt 28:20).

Sau biến cố Hiện Xuống, khi ngọn lửa tình yêu của Thiên Chúa đổ xuống trên các tông đồ (x. Cv 2:3) đang tụ tập cầu nguyện “cùng với mấy người phụ nữ, với bà Maria thân mẫu Đức Giêsu, và với anh em của Đức Giêsu” (Cv 1:14), lệnh truyền của Chúa Giêsu bắt đầu được thực hiện. Thánh Thần được Đức Giêsu Kitô ban tặng dồi dào (x. Ga 3:34) đã có mặt ngay từ khởi đầu của Hội Thánh mang bản chất là truyền giáo. Thật vậy, ngay sau khi lãnh nhận dầu xức của Chúa Thánh Thần, Thánh Phêrô Tông Đồ “đứng dậy... lên tiếng” (Cv 2:36) công bố ơn cứu độ nhân danh Đức Giêsu, Đấng mà “Thiên Chúa đã đặt làm Đức Chúa và làm Đấng Kitô” (Cv 2:36). Được ơn Chúa Thánh Thần biến đổi, các môn đệ phân tán đi khắp nơi trên thế giới được biết đến thời bấy giờ, và đã truyền bá “Tin Mừng Đức Giêsu, Con Thiên Chúa” (Mc 1:1). Lời loan báo của họ lan tới tận các vùng Địa Trung Hải, Châu Âu, Châu Phi và Châu Á. Dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần do Chúa Cha và Chúa Con ban tặng, những người kế vị các tông đồ đã theo đuổi sứ mạng này, một sứ mạng vẫn còn tiếp tục cho đến ngày tận thế. Bao lâu còn tồn tại, Hội Thánh phải loan báo Tin Mừng về Nước Chúa đến, loan báo những lời dạy của Thầy và Chúa của mình, và nhất là con người Đức Giêsu Kitô.

Từ “Tin Mừng” hay “Phúc Âm”, τὸ εὐαγγέλιον, đã được sử dụng ngay từ thời Hội Thánh vừa mới khai sinh. Thánh Phaolô thường xuyên dùng từ này để chỉ về toàn thể nhiệm vụ cứu độ mới (x. 1 Tx 1:5 tt.; Gl 1:6-9 tt.) và việc rao giảng Tin Mừng mà Thiên Chúa đã uỷ thác cho ngài (x. 1 Tx 2:24) và ngài đã thực hiện “giữa muôn vàn chống đối và khích bác” (1 Tx 2:2). Không chỉ một mình Máccô sử dụng (x. Mc 1:14.15; 8:35; 10:29; 13:10; 14:9; 16:15), từ “Tin Mừng” còn được tác giả Tin Mừng Mátthêu sử dụng, thường là trong cụm từ kết hợp đặc biệt “Tin Mừng Nước Trời” (Mt 9:35; 24:14; x. 26:13). Thánh Phaolô cũng sử dụng động từ “εὐαγγελίσασθαι” (“rao giảng Tin Mừng” hay “phúc âm hoá - x. 2 Co 10:16) mà ta còn gặp thấy trong sách Công Vụ Tông Đồ (x. đặc biệt Cv 8, 4.12.25.35.49) và cách dùng này đã được phát triển rộng rãi trong suốt lịch sử của Hội Thánh.

Vào thời gần đây, thuật ngữ “rao giảng Tin Mừng” hay “phúc âm hoá” chỉ về mọi khía cạnh hoạt động của Hội Thánh. Tông Huấn *Evangelii nuntiandi* (EN), công bố ngày 8-12-1975, nói rằng phúc âm hoá bao gồm việc giảng thuyết, huấn giáo, phụng vụ, đời sống bí tích, việc đạo đức bình dân và chứng tá đời sống Kitô giáo (x. EN 17.21.48 tt.). Trong Tông Huấn này, Tội Tớ Chúa, Đức Thánh Cha Phaolô VI đã vạch ra những kết quả của Đại Hội Thường Kỳ lần thứ III của Thượng Hội Đồng Giám Mục được tổ chức từ 27 tháng 9 đến 26 tháng 10, 1974, để bàn về chủ đề rao giảng Tin Mừng trong thế giới hiện đại. Trong các thập niên sau đó, văn kiện này đã cung cấp một lực đẩy mạnh cho hoạt động rao giảng Tin Mừng của Hội Thánh, và hoạt động này đồng thời đã dẫn đến một sự thăng tiến con người đích thực (x. EN 29.38.70).

l'activité constante de l'Église, même si elle a connu des moments privilégiés à certaines périodes de l'histoire. Il suffit de penser à l'épopée missionnaire sur le continent américain ou, par la suite, aux missions en Afrique, en Asie et en Océanie. Avec le Décret [Ad gentes](#), le [Concile Vatican II](#) a souligné la nature missionnaire de toute l'Église. Selon le mandat donné par son fondateur Jésus-Christ, non seulement les chrétiens doivent, par la prière et matériellement, soutenir les missionnaires, c'est-à-dire les personnes qui se consacrent à l'annonce aux non-chrétiens, mais ils sont aussi eux-mêmes appelés à contribuer à la diffusion du Royaume de Dieu dans le monde, chacun à sa manière et selon sa propre vocation. Un tel devoir devient particulièrement urgent au cours de la phase actuelle de mondialisation dans laquelle, pour différentes raisons, nombreuses sont les personnes qui ne connaissent pas Jésus-Christ et immigrent dans les pays de vieille tradition chrétienne, venant à se trouver en contact avec les chrétiens, témoins du Seigneur ressuscité dans son Église, et plus spécialement dans sa Parole et dans les sacrements.

Au cours de ses 45 années, le Synode des Évêques a traité le thème de la missio ad gentes lors de différentes Assemblées. D'une part, il a tenu présent la nature missionnaire de toute l'Église et, d'autre part, les indications du [Concile Œcuménique Vatican II](#) qui, dans le Décret conciliaire [Ad gentes](#), a parlé une nouvelle fois du souci missionnaire comme étant un objectif important de l'activité même du Synode des Évêques : « La charge d'annoncer l'Évangile par toute la terre étant en premier lieu l'affaire du corps épiscopal, le Synode des Évêques ou 'Conseil stable d'Évêques pour l'Église universelle' doit avoir, parmi les affaires d'importance générale, un souci spécial de l'activité missionnaire, qui est une charge très importante et très sacrée de l'Église » (AG 29).

Au cours des dernières décennies, on a aussi parlé de l'urgence de la nouvelle évangélisation. Tenant compte de l'évangélisation comme l'horizon ordinaire de l'activité de l'Église, ainsi que l'action d'annoncer l'Évangile ad gentes, qui nécessite la formation de communautés locales ou Églises particulières – dans les Pays missionnaires de première évangélisation –, la nouvelle évangélisation s'adresse plutôt à ceux qui se sont éloignés de l'Église dans les Pays de vieille tradition chrétienne. Hélas, ce phénomène existe aussi – à des degrés différents – dans les Pays où la Bonne Nouvelle a été annoncée dans les siècles récents mais où elle n'a pas encore été suffisamment accueillie au point de transformer la vie personnelle, familiale et sociale des chrétiens. Une évidence qui a aussi été soulignée par les Assemblées Spéciales du Synode des Évêques au niveau continental, célébrées en préparation de l'Année Sainte 2000. C'est là un défi important pour l'Église universelle. C'est pourquoi, après avoir consulté ses frères dans l'épiscopat, le Saint-Père [Benoît XVI](#) a décidé de convoquer la XIII^{ème} Assemblée Générale Ordinaire du Synode des Évêques sur le thème La nouvelle évangélisation pour la transmission de la foi chrétienne, qui se tiendra du 7 au 28 octobre 2012. Reprenant la réflexion réalisée jusqu'à aujourd'hui sur l'argument, l'Assemblée synodale aura pour but d'examiner l'actuelle situation dans les Églises particulières pour pouvoir tracer ensuite, en communion avec le Saint-Père [Benoît XVI](#), évêque de Rome et Pasteur universel de l'Église, des manières et des expressions inédites de la Bonne Nouvelle à transmettre à l'homme d'aujourd'hui, avec un nouvel enthousiasme – caractéristique des saints, témoins joyeux du Seigneur Jésus-Christ, Celui qui était, qui est et qui vient (cf. Ap 4, 8). Il s'agit là d'un défi de tirer, comme le scribe devenu disciple du Royaume des cieux, des choses nouvelles et des choses anciennes à partir du trésor précieux de la Tradition (cf. Mt 13, 52).

Les Lineamenta que nous présentons ici, élaborés avec l'aide du Conseil Ordinaire de la Secrétairerie Générale du Synode des Évêques, constituent une étape importante dans la

Trong bối cảnh rộng hơn của việc rao giảng Tin Mừng, một sự chú ý đặc biệt được dành cho việc công bố Tin Mừng cho những con người và những dân tộc mà cho đến nay vẫn chưa được biết đến Tin Mừng của Chúa Giêsu Kitô. Sứ mạng rao giảng Tin Mừng cho các dân tộc (*missio ad gentes*) này đã làm nổi bật nét đặc trưng của hoạt động hiện nay của Hội Thánh, bao gồm một số thời điểm quan trọng trong lịch sử Hội Thánh, chẳng hạn như các cố gắng truyền giáo tại Châu Mỹ, và tiếp đến là tại Châu Phi, Châu Á và Châu Đại Dương. Trong Sắc Lệnh *Ad gentes* (AG), Công Đồng Vaticanô II đã nhấn mạnh bản chất truyền giáo của toàn thể Hội Thánh. Tuân theo lệnh truyền của Đức Giêsu Kitô, Đấng Sáng Lập của mình, những người Kitô giáo không những phải hỗ trợ bằng kinh nguyện và giúp đỡ vật chất cho các vị truyền giáo, cách riêng những người rao giảng Tin Mừng cho những người ngoài Kitô giáo, mà chính họ cũng được kêu gọi góp phần vào việc truyền bá Nước Thiên Chúa trên thế giới, mỗi người tùy theo ơn gọi và khả năng riêng của mình. Nhiệm vụ này đặc biệt trở nên cấp bách trong giai đoạn toàn cầu hoá hiện nay, khi mà vì lý do này hay lý do khác, nhiều người chưa từng biết đến Đức Giêsu Kitô nay đang di dân đến các nước có truyền thống Kitô giáo kỳ cựu và vì thế có điều kiện tiếp xúc với người Kitô giáo là những chứng nhân của Chúa Phục Sinh, luôn hiện diện trong Hội Thánh của Người, đặc biệt trong Lời của Người và các bí tích.

Kể từ khi được thiết lập 45 năm về trước, Thượng Hội Đồng Giám Mục (THĐGM) đã từng khai triển đề tài *missio ad gentes* trong nhiều đại hội khác nhau của mình. Vào các dịp như thế, các giám mục một mặt xem xét về bản chất truyền giáo của Hội Thánh, và mặt khác xét đến các giáo huấn của Công Đồng Vaticanô II, trong đó Sắc Lệnh *Ad gentes* đã gán cho Thượng Hội Đồng Giám Mục một đặc tính truyền giáo chuyên biệt: “Vi nhiệm vụ loan báo Tin Mừng cho toàn thể giới trước hết là việc của Giám Mục Đoàn, nên THĐGM, tức “Hội Đồng Giám Mục thường trực để lo cho toàn Giáo Hội”, giữa những công tác có tầm quan trọng tổng quát khác, phải đặc biệt lưu tâm đến hoạt động truyền giáo, một nhiệm vụ rất quan trọng và rất thánh thiện của Hội Thánh.” (*)

Những thập niên gần đây, người ta nói nhiều về tính cấp bách của cuộc tân phúc âm hoá. Vì rao giảng Tin Mừng là nét đặc trưng của hoạt động bình thường của Hội Thánh và vì việc loan báo Tin Mừng *ad gentes* đòi hỏi việc thành lập cộng đoàn địa phương và các Giáo Hội địa phương tại những xứ truyền giáo trong cuộc phúc âm hoá lần đầu, nên cuộc tân phúc âm hoá chủ yếu nhắm tới những người đã rời xa Hội Thánh tại những nước đã có truyền thống Kitô giáo lâu đời. Không may, hiện tượng này đang tồn tại ở những mức độ khác nhau ngay tại những nước mà Tin Mừng đã được loan báo vào những thế kỷ trước, nhưng nay không còn được đón nhận đủ để biến đổi những con người, gia đình và xã hội theo tinh thần Kitô giáo. Mặc dù các tình hình này đã được thảo luận thích hợp trong các Đại Hội Đặc Biệt của các Thượng Hội Đồng Giám Mục cấp châu lục và cấp vùng được tổ chức nhân dịp chuẩn bị mừng Năm Thánh 2000, nhưng đề tài này vẫn còn là một thách thức lớn cho toàn thể Hội Thánh. Vì lý do này, Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI, sau khi tham khảo ý kiến các giám mục, đã quyết định triệu tập Đại Hội Thường Kỳ lần thứ XIII của THĐ Giám Mục từ ngày 7 đến 28 tháng 10, 2012 để thảo luận đề tài: *Tân Phúc Âm hoá để truyền bá Đức Tin Kitô giáo*. Tiếp nối những suy tư đã có từ trước đến nay về đề tài này, mục tiêu của đại hội Thượng Hội Đồng sẽ là xem xét tình hình hiện nay tại các Giáo Hội địa phương và cùng với Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI, Giám Mục Rôma và Mục Tử của Hội Thánh hoàn vũ, vạch ra các cách thức và phương tiện để truyền bá Tin Mừng cho con người trong thời đại chúng ta hôm nay

(*) *Ad Gentes*, Sắc lệnh về Truyền Giáo số 29. Các trích dẫn Công Đồng Vaticanô II lấy từ bản dịch tiếng Việt của Giáo Hoàng Học Viện Thánh Piô X, Đà Lạt, 1972. — Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch tiếng Việt của Nhóm CGKPV, 1999.

*préparation de l'Assemblée Synodale. À la fin de chaque chapitre, des questions sont proposées pour faciliter la discussion au niveau de l'Église universelle. En effet, les Lineamenta sont envoyés aux Synodes des Évêques des Églises Orientales Catholiques sui iuris, aux Conférences Épiscopales, aux Dicastères de la Curie Romaine et à l'Union des Supérieurs Généraux, organismes avec lesquels la Secrétairerie Générale du Synode des Évêques entretient des rapports officiels. Ils entendent faciliter la réflexion sur le document, dans leurs structures respectives : diocèses, secteurs pastoraux, paroisses, congrégations, associations, mouvements, etc. Les réponses de ces organismes devront être résumées par les responsables des Conférences Épiscopales, des Synodes des Évêques, ainsi que des autres organismes mentionnés, et renvoyées à la Secrétairerie Générale du Synode des Évêques avant le **1^{er} novembre 2011**, Solennité de la Toussaint. Avec l'aide du Conseil Ordinaire, ces réponses seront soumises à une analyse attentive avant d'être intégrées dans l'Instrumentum laboris, le document de travail de la prochaine Assemblée Synodale.*

En remerciant d'ores et déjà pour l'aimable collaboration, qui constitue un précieux échange de dons, d'intérêts et de soucis pastoraux, nous confions le déroulement de la XIII^{ème} Assemblée Générale Ordinaire du Synode des Évêques à la maternelle protection de la Bienheureuse Vierge Marie, Étoile de la Nouvelle Évangélisation. Que son intercession obtienne pour l'Église la grâce de se renouveler dans l'Esprit Saint pour pouvoir aujourd'hui mettre en pratique, avec un nouvel élan, le commandement du Seigneur ressuscité : « Allez dans le monde entier, proclamez l'Évangile à toute la création » (Mc 16, 15).

*Cité du Vatican, le 2 février 2011
en la fête de la Présentation du Seigneur au Temple*

*+ Nikola ETEROVIĆ
Archevêque titulaire de Cibale
Secrétaire Général*

với sự nhiệt tình của các thánh, những chứng nhân hân hoan của Chúa Giêsu Kitô, “Đấng đã có, hiện có và đang đến” (Kh 4:8). Đây chính là rút ra một thách thức giống như viên kính sư trở thành môn đệ của Nước Trời đã biết rút ra những cái mới và những cái cũ từ kho tàng châu báu của Truyền Thống (x. Mt 13:52).

Bản Đề Cương Lineamenta này đã được soạn thảo với sự trợ giúp của Hội Đồng Thường Trực thuộc Văn Phòng Tổng Thư Ký Thượng Hội Đồng Giám Mục, và là một giai đoạn quan trọng trong tiến trình chuẩn bị cho đại hội này của Thượng Hội Đồng. Cuối mỗi chương sẽ có những câu hỏi nhằm gợi ý thảo luận ở mọi cấp của Hội Thánh. Nhằm mục đích ấy, Lineamenta này được gửi tới các Thượng Hội Đồng Giám Mục tự chủ (*sui iuris*) của các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương, các Hội Đồng Giám Mục, các ban của giáo triều Rôma và Hiệp Hội các Bề Trên Tổng Quyền là những cơ quan có quan hệ chính thức với Văn Phòng Tổng Thư Ký của Thượng Hội Đồng Giám Mục. Các cơ quan nêu trên cần khuyến khích thảo luận về văn kiện này trong các lãnh vực thuộc thẩm quyền của họ: các giáo phận, các giáo hạt mục vụ, các giáo xứ, các tu hội, các hiệp hội, các phong trào, v.v... Sau đó, các Hội Đồng Giám Mục, các Thượng Hội Đồng Giám Mục và các cơ quan nói trên sẽ tóm tắt các nhận xét và gửi bản tường trình về cho Văn Phòng Tổng Thư Ký trước ngày 1 tháng 11, 2011, Đại Lễ Các Thánh. Với sự trợ giúp của Hội Đồng Thường Trực, các phản hồi này sẽ được phân tích kỹ và đúc kết để trở thành công cụ làm việc *Instrumentum laboris*, là văn bản làm việc cho đại hội của Thượng Hội Đồng.

Trong khi bày tỏ lòng biết ơn của tôi đối với cố gắng hợp tác này, một biểu thị của sự trao đổi quý báu các khả năng, sự quan tâm và lo lắng mục vụ, tôi xin phó thác mọi khía cạnh của Đại Hội Thường Kỳ lần thứ XIII này của Thượng Hội Đồng Giám Mục cho sự bảo trợ từ mẫu của Đức Trinh Nữ Maria, Ngôi Sao của cuộc Tân Phúc Âm Hoá. Nhờ sự chuyển cầu của Người, xin cho Hội Thánh được ơn canh tân trong Thánh Thần, để với lòng nhiệt thành, Hội Thánh có thể đem ra thực hành trong thời đại chúng ta lệnh truyền của Chúa Phục Sinh: “Anh em hãy đi khắp thế giới rao giảng Tin Mừng cho mọi tạo vật” (Mc 16:15).

Nikola ETEROVIĆ

Tổng Giám Mục Hiệu Toà Cibale
Tổng Thư Ký

Thành Phố Vatican, ngày 2 tháng 2, 2011
Lễ dâng Chúa và Đền Thờ

INTRODUCTION

« J'ai été trouvé par ceux qui ne me cherchaient pas,
je me suis manifesté à ceux qui ne m'interrogeaient pas » (Rm 10, 20).

1. L'urgence d'une nouvelle évangélisation

[En clôturant les travaux de l'Assemblée Spéciale du Synode des Évêques pour le Moyen-Orient, le Saint-Père Benoît XVI](#) a mis clairement le thème de la nouvelle évangélisation à la première place dans le programme de notre Église. « Le besoin urgent d'une nouvelle évangélisation, même pour le Moyen-Orient, a souvent été évoqué. Il s'agit d'un thème très répandu, surtout dans les Pays qui ont une christianisation ancienne. La création récente du [Conseil Pontifical pour la Promotion de la Nouvelle Évangélisation](#) répond aussi à ce besoin profond. C'est pourquoi, après avoir consulté l'épiscopat du monde entier et après avoir entendu le Conseil Ordinaire de la Secrétairerie Générale du Synode des Évêques, j'ai décidé de dédier la prochaine Assemblée Générale Ordinaire, en 2012, au thème : '*Nova evangelizatio ad christianam fidem tradendam*' – La nouvelle évangélisation pour la transmission de la foi chrétienne ». [1]

Comme il le rappelle lui-même, la décision de consacrer cette Assemblée au thème de la nouvelle évangélisation doit être lue dans le cadre d'un dessein unitaire, dont les étapes récentes sont la création d'un Dicastère *ad hoc* [2] et la publication de l'Exhortation apostolique post-synodale [Verbum Domini](#); [3] un dessein qui fonde ses racines dans l'engagement d'une action évangélisatrice renouvelée qui a animé le magistère et le ministère apostolique des papes [Paul VI](#) et [Jean-Paul II](#). Du [Concile Vatican II](#) à aujourd'hui, la nouvelle évangélisation a été proposée avec toujours plus de lucidité comme l'instrument permettant de se mesurer aux défis d'un monde en transformations toujours plus rapides, et comme la voie pour vivre aujourd'hui le don d'être rassemblés par l'Esprit Saint pour faire l'expérience du Dieu qui est notre Père, en témoignant et en proclamant à tous la Bonne Nouvelle – l'Évangile – de Jésus-Christ.

2. Le devoir d'évangéliser

L'Église qui annonce et transmet la foi imite Dieu-même dans son action de se communiquer à l'humanité en donnant son Fils, de vivre dans la communion trinitaire, d'effuser l'Esprit Saint, pour communiquer avec l'humanité. Et pour que l'évangélisation reflète cette communication divine, l'Église doit se laisser modeler par l'action de l'Esprit, et se conformer au Christ crucifié, qui révèle au monde entier le visage de l'amour et de la communion de Dieu. Elle retrouve ainsi sa vocation d'*Ecclesia mater* qui engendre au Seigneur des enfants, en transmettant la foi et en enseignant l'amour qui donne vie à des enfants et les nourrit.

Au cœur de l'annonce, il y a Jésus-Christ, source de croyance et de témoignage. Transmettre la foi signifie essentiellement transmettre les Écritures – et principalement l'Évangile – qui permettent de connaître Jésus, le Seigneur.

En relançant la priorité de l'évangélisation, c'est justement le pape [Paul VI](#) qui rappelait à tous les fidèles : « Il se serait pas inutile que chaque chrétien et chaque évangéliste approfondisse dans la prière cette pensée : les hommes pourront se sauver aussi par d'autres

NHẬP ĐỀ

“Những kẻ không tìm Ta lại được gặp Ta;
những kẻ không hỏi Ta, Ta đã xuất hiện cho chúng thấy.” (Rm 10:20)

1. Sự cấp bách của việc “tân phúc âm hoá”

Vào lúc bế mạc Đại Hội Đặc Biệt của Thượng Hội Đồng cho vùng Trung Đông, ĐTC Bênêđictô XVI đã rõ ràng đặt đề tài tân phúc âm hoá lên vị trí hàng đầu trong nghị trình của Hội Thánh. “Trong các khoá họp của Thượng Hội Đồng, vấn đề thường xuyên được nhấn mạnh là nhu cầu công hiến Tin Mừng một cách mới mẻ cho những người không biết rõ Tin Mừng hay thậm chí những người đã rời xa Hội Thánh. Thượng Hội Đồng cũng thường xuyên nhắc đến nhu cầu của một cuộc Tân phúc âm hoá cho vùng Trung Đông nữa. Đây là một chủ đề khá phổ biến, đặc biệt tại các nước mà Kitô giáo từ lâu đã ăn rễ sâu ròi. Việc thiết lập Hội Đồng Giáo Hoàng Cổ Vũ Việc Tân Phúc Âm Hoá mới đây cũng đáp ứng nhu cầu sâu xa này. Vì vậy, sau khi tham khảo ý kiến các giám mục trên toàn thế giới và lắng nghe Hội Đồng Thường Trục của Văn Phòng Tổng Thư Ký của Thượng Hội Đồng Giám Mục, tôi đã quyết định dành cho Đại Hội Thường Kỳ năm 2012 tới đây chủ đề này: “*Nova evangelizatio ad christianam fidem tradendam* — Tân phúc âm hoá để truyền bá đức tin Kitô giáo.”¹

Đức Thánh Cha lưu ý rằng quyết định chọn đề tài này cho Đại Hội Thường Kỳ sắp tới của Thượng Hội Đồng Giám Mục là một phần của một kế hoạch thống nhất bao gồm việc thiết lập mới đây một uỷ ban chuyên trách² tại giáo triều Roma và việc công bố Tông Huấn hậu-Thượng Hội Đồng *Verbum Domini*.³ Kế hoạch này đã phát sinh từ quyết tâm của Hội Thánh trong việc canh tân hoạt động rao giảng Tin Mừng, vốn là một nét nổi bật của Quyền Giáo Huấn và tông đồ vụ của cả hai Đức Giáo Hoàng Phaolô VI và Gioan Phaolô II. Ngay từ Công Đồng Vaticanô, việc tân phúc âm hoá đã ngày càng tỏ ra là một công cụ thích hợp và đúng lúc để đối diện với các thách thức của thế giới đang thay đổi mau lẹ, và là cách thức đáp lại lòng quảng đại của Thiên Chúa trong việc chúng ta được Chúa Thánh Thần qui tụ lại với nhau để cảm nghiệm về Thiên Chúa như là Cha của tất cả chúng ta, để làm chứng và rao giảng cho mọi người Tin Mừng của Đức Giêsu Kitô.

2. Bốn phận rao giảng Tin Mừng

Khi rao giảng và truyền bá đức tin, Hội Thánh noi gương Thiên Chúa, Đấng tự truyền thông qua việc ban tặng cho nhân loại Con của Người, là Đấng sống trong sự hiệp thông của Thiên Chúa Ba Ngôi và tuôn đổ Thánh Thần để thực hiện cuộc đối thoại với loài người. Để việc rao giảng Tin Mừng có thể phản chiếu sự truyền thông này, Hội Thánh phải để cho mình được uốn nắn bởi Thánh Thần và trở nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô chịu đóng đinh, Đấng mặc khải cho thế giới những đặc tính của tình thương và sự hiệp thông của Thiên Chúa. Bằng cách này, Hội Thánh sẽ tái khám phá ơn gọi của mình như là *Ecclesia mater*, Mẹ Hội Thánh, người mẹ sinh ra cho Chúa những người con bằng việc truyền đạt đức tin và dạy cho họ biết tình yêu đã sinh ra và nuôi dưỡng các con cái mình.

Tâm điểm của việc rao giảng là Đức Giêsu Kitô, Đấng được người ta tin và làm chứng. Truyền đạt đức tin có nghĩa cơ bản là truyền đạt Kinh Thánh, trên hết là Tin Mừng, để tạo cơ hội cho người ta biết Đức Giêsu là Chúa.

chemins, grâce à la miséricorde de Dieu, même si nous ne leur annonçons pas l'Évangile ; mais nous, pouvons-nous nous sauver si par négligence, par peur, par honte – ce que saint Paul appelait '*rougir de l'Évangile*' – ou par suite d'idées fausses nous omettons de l'annoncer ? ». [4] Cette question, avec laquelle se termine *Evangelii nuntiandi*, résonne à nos oreilles comme une exégèse originale du texte de saint Paul dont nous sommes partis et elle nous aide à nous situer immédiatement au cœur du thème que nous voulons affronter dans ce texte: la centralité absolue du devoir d'évangéliser qu'a l'Église aujourd'hui. Vérifier notre vécu, notre aptitude à évangéliser est utile à un niveau fonctionnel, pour améliorer nos pratiques et nos stratégies d'annonce. Plus en profondeur, elle est la voie pour nous interroger aujourd'hui sur la qualité de notre foi, sur notre façon de nous percevoir et d'être chrétiens, disciples de Jésus-Christ envoyés pour l'annoncer au monde, pour être des témoins qui, remplis de l'Esprit Saint (cf. *Lc* 24, 48 et suiv.; *Ac* 1, 8), sont appelés à faire des disciples des hommes de toutes les nations (cf. *Mt* 28, 19 et suiv.).

La parole des disciples d'Emmaüs (cf. *Lc* 24, 13-35) est emblématique de la possibilité qu'échoue l'annonce du Christ, parce qu'incapable de transmettre la vie. Les deux disciples annoncent un mort (cf. *Lc* 24, 21-24), racontent leur frustration et leur espérance perdue. Ils parlent de la possibilité, pour l'Église de tout temps, d'une annonce qui ne donne pas la vie mais retient dans la mort le Christ annoncé, les annonceurs et les destinataires de l'annonce. La question sur la transmission de la foi – qui n'est ni individualiste ni solitaire, mais un événement communautaire et ecclésial – ne doit pas orienter les réponses dans le sens de la recherche de stratégies efficaces de communication, ni se centrer de façon analytique, sur les destinataires – les jeunes, par exemple – ; elle doit se décliner comme une question concernant le sujet chargé de cette opération spirituelle. Elle doit devenir une question de l'Église sur elle-même. Ce qui permet de poser le problème de façon non extrinsèque mais correcte, puisqu'elle met en cause toute l'Église dans son essence et dans sa vie. De cette manière, il peut être possible aussi de comprendre le fait que le problème de l'infécondité de l'évangélisation aujourd'hui, de la catéchèse des temps modernes, est un problème ecclésiologique, qui concerne la capacité ou l'incapacité de l'Église de se configurer en une communauté réelle, en une authentique fraternité, en un corps, et non en une machine ou une entreprise.

« Par nature, l'Église, durant son pèlerinage sur terre, est missionnaire ». [5] Cette affirmation du *Concile Vatican II* résume simplement et intégralement la Tradition ecclésiale : l'Église est missionnaire, du fait qu'elle tire son origine de la mission de Jésus-Christ et de celle de l'Esprit-Saint, selon le dessein de Dieu le Père. [6] En outre, l'Église est missionnaire parce qu'elle assume cette origine personnellement, se faisant annonciatrice et témoin de cette Révélation de Dieu et sauvant le peuple de Dieu de la dispersion, afin que puisse se réaliser la prophétie d'Isaïe que les Pères de l'Église ont lue comme s'adressant à elle : « *Élargis l'espace de ta tente, déploie sans lésiner les toiles qui t'abritent, allonge tes cordages, renforce tes piquets, car à droite et à gauche tu vas éclater, ta race va déposséder des nations et repeupler les villes abandonnées* » (*Is* 54, 2-3). [7]

Ainsi, les affirmations de l'apôtre Paul « *Annoncer l'Évangile en effet n'est pas pour moi un titre de gloire; c'est une nécessité qui m'incombe. Oui, malheur à moi si je n'annonçais pas l'Évangile !* » (*1 Co* 9, 16) peuvent être appliquées et déclinées pour l'Église dans son ensemble. Comme nous le rappelle le Pape *Paul VI* : « évangéliser tous les hommes constitue la mission essentielle de l'Église [...]. Évangéliser est, en effet, la grâce et la vocation propre de l'Église, son identité la plus profonde. Elle existe pour évangéliser ». [8]

Đức Thánh Cha Phaolô VI không ngừng nhấn mạnh cho các tín hữu vị trí tối thượng của việc rao giảng Tin Mừng. Ngài nói: “Rất hữu ích khi mỗi Kitô hữu và mỗi người rao giảng cầu nguyện theo ý này: nhờ ơn Chúa, xin cho mọi người có thể đạt được ơn cứu độ không chỉ nhờ việc chúng ta rao giảng Tin Mừng cho họ, mà còn bằng nhiều cách khác nữa; nhưng đối với chính chúng ta, liệu chúng ta có thể được cứu độ hay không, nếu vì sự lười biếng, sợ hãi, xấu hổ—điều mà Thánh Phaolô gọi là ‘cắt xén Tin Mừng’—hay vì những ý tưởng sai lạc, chúng ta không rao giảng Tin Mừng?”⁴ Câu hỏi này ở đoạn kết của *Evangelii nuntiandi* có thể là một lời chú giải cho câu nói của Thánh Phaolô được dẫn ở phần đầu. Nó cũng cho phép chúng ta đi thẳng vào tâm điểm của chủ đề này, đó là, vị trí trung tâm tuyệt đối của nhiệm vụ rao giảng Tin Mừng đối với Hội Thánh hôm nay. Một sự đánh giá lại các kinh nghiệm và thái độ của chúng ta trong việc rao giảng Tin Mừng sẽ giúp cải thiện lối thực hành và phương pháp rao giảng của chúng ta, không chỉ đơn thuần ở bình diện thực tế. Ở một bình diện sâu hơn, tiến trình này sẽ cho phép chúng ta xác nhận chất lượng đức tin của mình, xác định ý thức mình “cảm thấy” và “sống” tư cách của người Kitô hữu và môn đệ Chúa Kitô, những con người được sai đi để loan báo Người cho thế giới, và là những chứng nhân được tràn đầy Thánh Thần (x. Lc 24:28tt. Cv 1:8) và được gọi để làm cho muôn dân trở thành môn đệ (x. Mt 28:19tt.).

Những lời kể của các môn đệ trên đường Emmau (x. Lc 24:13-35) minh họa cho trường hợp việc loan báo Đức Kitô có thể thất bại: những lời của họ không có khả năng thông truyền sự sống. Khi kể lại nỗi ê chề thất vọng của mình, hai môn đệ đã rao giảng về một con người đã chết (x. Lc 24:21-24). Đối với Hội Thánh trong mọi thời đại, những lời họ kể nói đến khả năng có một sự rao giảng không đem lại sự sống nhưng lại cột chặt cả người rao giảng lẫn người nghe vào cái chết của Đức Kitô mà họ rao giảng. Câu hỏi về việc thông truyền đức tin không bao giờ là một công việc cá nhân, đơn lẻ, nhưng là một biến cố tập thể, giáo hội. Câu hỏi này không được hướng các câu trả lời tới chỗ tìm kiếm một chương trình truyền thông hiệu quả, càng không thể tập trung một cách phân tích vào người nghe, như giới trẻ chẳng hạn. Nó cũng không thể là một câu hỏi liên quan đến người được gọi để thi hành công việc thiêng liêng này. Nó phải trở thành một câu hỏi của Hội Thánh về chính bản chất của mình. Như thế, vấn đề không phải được nhìn từ bên ngoài nhưng được đặt đúng bối cảnh của nó và được xử lý đúng, nghĩa là toàn thể Hội Thánh trong tất cả bản chất và hoạt động của mình được đưa vào tâm điểm thảo luận. Có lẽ đây là cách để có thể hiểu ra rằng vấn đề kém hiệu quả trong việc rao giảng Tin Mừng và huấn giáo thời nay là một vấn đề giáo hội học, liên quan tới việc Hội Thánh có khả năng nhiều hay ít trong việc trở thành một cộng đoàn thực thụ, một tình huynh đệ đích thực, một thân thể, chứ không phải một cái máy hay một công trình.

“Hội Thánh tự bản chất là truyền giáo.”⁵ Khẳng định này của Công Đồng Vaticanô II tóm lược một cách đơn sơ và đầy đủ Truyền Thống của Hội Thánh. Hội Thánh là truyền giáo, vì Hội Thánh bắt nguồn từ sứ mạng của Chúa Giêsu và sứ mạng của Chúa Thánh Thần, theo ý định của Thiên Chúa Cha.⁶ Hơn nữa, Hội Thánh là truyền giáo bởi vì Hội Thánh trở về và sống lại thời kỳ đầu của mình qua việc rao giảng và làm chứng mặc khải này của Thiên Chúa và qua việc qui tụ lại Dân Thiên Chúa tản mác khắp nơi, để nhờ đó Hội Thánh có thể hoàn thành lời tiên tri của ngôn sứ Isaia mà các Giáo Phụ đã áp dụng vào cho Hội Thánh: “Hãy nói rộng lều ngươi đang ở, căng các tấm bạt ra, đừng hẹp lòng hẹp dạ. Nói đây thừng dài thêm, đóng cọc lều cho chắc,³ vì ngươi sẽ tràn ra hai bên tả hữu, dòng dõi ngươi sẽ thừa kế các dân tộc và đến ở trong các thành bỏ hoang.” (Is 54:2-3).⁷

Các lời của Thánh Phaolô Tông Đồ, “Thật vậy, đối với tôi, rao giảng Tin Mừng không phải là lý do để tự hào, mà đó là một sự cần thiết bắt buộc tôi phải làm. Khốn thân tôi nếu tôi không rao giảng Tin Mừng!” (1 Cr 9:16) có thể chỉ về toàn thể Hội Thánh và áp dụng vào Hội Thánh. Đức Phaolô VI khẳng định: “... rao giảng cho muôn dân chính là sứ mạng cốt

Dans cette double dynamique missionnaire et évangélisatrice, l'Église ne revêt donc pas seulement le rôle d'acteur, de sujet de la proclamation, mais aussi celui réfléchi d'être à l'écoute et de se faire disciple. Évangélisatrice, l'Église commence par s'évangéliser elle-même.^[9] Elle sait qu'elle est un fruit visible de l'œuvre ininterrompue d'évangélisation que l'Esprit guide tout au long de l'histoire, pour que le peuple de ceux qui ont été sauvés témoigne de la mémoire vivante du Dieu de Jésus-Christ. Et nous pouvons affirmer aujourd'hui cette certitude avec une plus grande conviction du fait que nous venons d'une histoire qui nous a fait don de pages extraordinaires de courage, de dévouement, d'audace, d'intuition et de raison; des pages qui nous ont laissé de nombreux échos et traces dans des textes, des prières, des modèles et des méthodes pédagogiques, des itinéraires spirituels, des chemins d'initiation à la foi, des œuvres et des institutions d'éducation.

3. Évangélisation et discernement

En plus de la raison que nous venons d'indiquer – remercier et contempler les *mirabilia Dei* –, il existe une seconde raison qui fait qu'il est important pour l'Église reconnaître cette dimension d'écoute et de disciple inscrite dans l'œuvre d'évangélisation. Elle se reconnaît comme l'agent, mais aussi le fruit de cette évangélisation, car elle est convaincue que ce n'est pas elle qui gère tout ce processus, mais bien Dieu, qui la guide dans l'histoire grâce à son Esprit. Comme saint Paul le laisse bien entendre dans le texte qui donne l'accès à cette introduction, l'Église sait que l'organisation de l'action évangélisatrice ressort de l'Esprit Saint ; c'est à Lui qu'elle s'en remet pour reconnaître les instruments, les temps et les espaces de cette annonce qu'elle est appelée à vivre. Saint Paul le savait, lui qui, à une époque de mutation profonde comme celle des origines de l'Église, reconnaît non seulement « théoriquement », mais aussi « pratiquement » cette primauté de Dieu dans l'organisation et dans le déroulement de l'évangélisation ; et il parvient à documenter les raisons de cette primauté en se référant aux Écritures, et plus précisément aux prophètes.

L'apôtre Paul reconnaît à l'Esprit cette primauté de l'action dans le cadre d'un moment très intense et significatif pour l'Église naissante : en effet, les croyants ont le sentiment que les chemins à entreprendre sont bien différents; les premiers chrétiens se montrent incertains face à certains choix de fond à assumer. Le processus d'évangélisation se transforme en un processus de discernement; l'annonce veut qu'existe d'abord un moment d'écoute, de compréhension, d'interprétation.

En cela, notre époque apparaît semblable à celle de la situation vécue par saint Paul : nous aussi, nous nous trouvons en tant que chrétiens plongés dans une période de profonds changements historiques et culturels, comme nous aurons l'occasion de mieux le voir plus en avant. Pour nous aussi, l'action évangélisatrice exige en même temps une action de discernement analogue, symétrique et contemporaine. Quarante ans plus tôt déjà, le [Concile Vatican II](#) affirmait : « Le genre humain vit aujourd'hui un âge nouveau de son histoire, caractérisé par des changements profonds et rapides qui s'étendent peu à peu à l'ensemble du globe ».^[10] Ces changements dont nous parle le Concile se sont multipliés dans la période qui a suivi sa célébration et, à la différence de ces années, ils n'induisent pas seulement à espérer et ne suscitent pas uniquement des attentes utopiques, mais ils engendrent également des craintes et sèment le scepticisme. La première décennie aussi de ce nouveau siècle/millénaire a été le théâtre de transformations qui ont marqué l'histoire des hommes de façon indélébile et, dans plusieurs cas, d'une manière dramatique.

yếu của Hội Thánh. Nhiệm vụ và sứ mạng này đặc biệt cấp bách vì những thay đổi sâu rộng trong xã hội ngày nay. Thật vậy, rao giảng Tin Mừng là ân sủng và ơn gọi riêng của Hội Thánh, là căn tính nổi nhất của Hội Thánh. Hội Thánh hiện hữu là để rao giảng Tin Mừng..”⁸

Trong hoạt lực kép vừa truyền giáo vừa phúc âm hoá này, Hội Thánh không chỉ thể hiện vai trò tích cực của mình như là người rao giảng mà cả vai trò suy tư của người nghe và người môn đệ. Trong vai trò phúc âm hoá, Hội Thánh bắt đầu bằng việc phúc âm hoá chính mình.⁹ Hội Thánh biết rằng mình là kết quả rõ ràng của công trình phúc âm hoá liên tục này được Thánh Thần hướng dẫn trong suốt lịch sử, để tập thể những người được cứu độ có thể làm chứng cho ký ức sống động về Thiên Chúa của Đức Giêsu Kitô. Và hôm nay chúng ta có thể khẳng định với sự chắc chắn và xác tín lớn lao về sự thật là chúng ta phát sinh từ một lịch sử đã ban cho chúng ta những trang sách kỳ diệu về lòng can đảm, tận tụy, gan dạ, trực giác và lý trí; những trang sử đã để lại cho chúng ta rất nhiều tiếng vang và dấu vết trong các bản văn, các lời nguyện, các mẫu mực và các phương pháp sư phạm, các hành trình thiêng liêng, các chặng đường khai tâm vào đức tin, các công cuộc và các tổ chức giáo dục.

3. Phúc âm hoá và việc phân định

Ngoài lý do vừa kể—tạ ơn và chiêm ngắm những kỳ công của Chúa (*mirabilia Dei*)—còn có một lý do thứ hai cho thấy tầm quan trọng của việc Hội Thánh phải nhận ra khía cạnh lắng nghe và tư cách môn đệ được ghi tạc trong công việc rao giảng Tin Mừng. Hội Thánh nhận ra mình là người rao giảng, nhưng cũng là kết quả của việc rao giảng, vì Hội Thánh xác tín rằng không phải tự mình thực hiện tất cả tiến trình này nhưng là Thiên Chúa, Đấng hướng dẫn Hội Thánh trong lịch sử nhờ Thánh Thần. Như Thánh Phaolô diễn tả rõ trong đoạn văn trích ở phần nhập đề này, Hội Thánh biết rằng việc tổ chức hoạt động rao giảng Tin Mừng là công trình của Chúa Thánh Thần; Hội Thánh dựa vào chính Người để nhận ra các công cụ, các thời điểm và địa điểm của việc loan báo mà Hội Thánh được kêu gọi để sống. Thánh Phaolô biết rõ điều này, bởi vì sống vào một thời kỳ biến động sâu xa như thời kỳ khởi đầu của Hội Thánh, ngài đã nhận ra không chỉ “trên lý thuyết” mà cả “trong thực hành” địa vị tối thượng của Thiên Chúa trong việc tổ chức và trong diễn tiến của việc rao giảng Tin Mừng, và ngài đã có thể viết ra những lý do của địa vị tối thượng này dựa vào Kinh Thánh, chính xác là dựa vào các lời Ngôn Sứ.

Thánh Phaolô nhận ra vai trò tối thượng của hành động của Chúa Thánh Thần vào một thời điểm đặc biệt quyết liệt và ý nghĩa đối với Hội Thánh vừa mới khai sinh. Thật vậy, một số tín hữu cảm thấy rằng phải chọn những con đường khác; số khác thì tỏ ra do dự khi đứng trước một số chọn lựa cơ bản phải thực hiện. Tiến trình rao giảng Tin Mừng đã trở thành một tiến trình phân định. Rao giảng trước tiên đòi hỏi những giai đoạn lắng nghe, hiểu và giải thích.

Về nhiều phương diện, thời chúng ta đang sống cũng giống như thời Thánh Phaolô đã sống. Là Kitô hữu, chúng ta cũng cảm thấy mình ngập chìm trong một thời kỳ thay đổi quan trọng về văn hoá và lịch sử mà chúng ta sẽ có dịp bàn đến chi tiết hơn ở phần sau. Hoạt động rao giảng Tin Mừng đòi chúng ta thực hiện một hoạt động phân định tương ứng và đúng lúc giống như thế. Mô tả của Công Đồng Vaticanô II về tình hình của 40 năm trước cũng có thể được áp dụng cho thời đại chúng ta hôm nay: “Nhân loại ngày nay đang sống ở một giai đoạn mới trong lịch sử của mình. Đó là giai đoạn chắt chứa những đổi thay sâu xa và mau chóng đang dần dần lan rộng tới toàn thế giới.”¹⁰ Kể từ sau Công Đồng, những thay đổi này ngày càng tăng theo năm tháng, và không giống như ở thời ấy, những thay đổi bây giờ không chỉ mang theo những hi vọng và hoài bão mà cả những nỗi sợ và hoài nghi. Thập niên đầu của

Nous nous trouvons à vivre un moment historique, riche en changements et en tensions, en perte d'équilibres et de références. Cette époque nous pousse à vivre en étant toujours plus immergés dans le présent et dans le provisoire, ce qui rend toujours plus difficiles l'écoute et la transmission de la mémoire historique, ainsi que le partage de valeurs sur lesquels construire le futur des nouvelles générations. Dans un cadre semblable, la présence des chrétiens et les œuvres de leurs institutions sont perçues moins naturellement, et avec davantage de suspicion ; pendant les dernières décennies, on a vu se multiplier les questions critiques à l'égard de l'Église et des chrétiens, au visage de Dieu que nous annonçons. De sorte que le devoir d'évangéliser se trouve face à de nouveaux défis, qui mettent en discussion les pratiques affermiées et affaiblissent les parcours habituels et désormais standardisés ; en un mot, ils obligent l'Église à se poser de nouvelles questions sur le sens de ses actions quant à l'annonce et à la transmission de la foi. Toutefois, celle-ci ne se trouve pas dépourvue face à ce défi, qui a déjà été examiné au cours des Assemblées que le Synode des Évêques a consacré spécialement au thème de l'annonce et de la transmission de la foi, comme en témoignent les Exhortations Apostoliques de clôture – [*Evangelii nuntiandi*](#) et [*Catechesi tradendae*](#). Ces deux événements ont été dans la vie de l'Église un moment significatif de révision et de revitalisation de son mandat évangélisteur.

4. Évangéliser dans le monde d'aujourd'hui, à partir de ses défis

Le texte de saint Paul qui nous guide dans cette introduction nous aide ainsi à comprendre le sens et les raisons de la prochaine Assemblée Générale Ordinaire du Synode des Évêques à laquelle nous nous préparons. En une période aussi longue et aussi diversifiée quant aux changements et aux transformations, il est utile – pour l'Église – d'instituer des espaces et des occasions d'écoute et de confrontation réciproque, afin de conserver un niveau élevé de qualité à l'exercice de discernement requis par l'action évangélisteur que nous sommes appelés à vivre en tant qu'Église. La prochaine Assemblée Générale Ordinaire voudrait être un moment privilégié, une étape significative de ce parcours de discernement. À partir des Assemblées sur l'évangélisation et sur la catéchèse, le contexte socioculturel s'est mesuré à des changements significatifs, et en même temps imprévus, dont les effets – comme dans le cas de la crise économique et financière – sont encore bien visibles et agissants dans nos réalités locales respectives. L'Église elle-même a été touchée directement par ces changements, en étant contrainte d'affronter des questions, des phénomènes à comprendre, des pratiques à corriger, des voies et des réalités auxquelles communiquer l'espérance évangélisteur d'une manière nouvelle. Un tel contexte nous pousse tout naturellement vers la prochaine Assemblée synodale. De l'écoute et de la confrontation réciproques, nous ressortirons tous enrichis et prêts à identifier les chemins qu'à travers son Esprit Dieu est en train d'élaborer pour se manifester et se faire trouver par les hommes, selon l'image du prophète Isaïe (cf. *Is* 40, 3; 57, 14; 62, 10).

En soi, le discernement exige d'identifier des objets et des thèmes sur lesquels faire converger notre regard, et à partir desquels donner vie à l'écoute et à la confrontation réciproques. Avec, pour but, de soutenir l'action évangélisteur et les changements qui la concernent, notre exercice de discernement est appelé à mettre au centre de notre écoute les chapitres essentiels de cette pratique ecclésiale : la naissance, la diffusion et l'affirmation progressive d'une « nouvelle évangélisation » au sein de nos Églises ; les modalités suivant lesquelles l'Église fait sien et vit aujourd'hui le devoir de transmettre la foi ; le visage et la déclinaison concrète qu'assument, dans notre présent, les instruments dont dispose l'Église pour engendrer à la foi (initiation chrétienne, éducation), et les défis auxquels ils sont appelés à se mesurer. Ces chapitres sont la trace du présent texte. Le but en est de donner naissance à l'écoute et à la

thế kỷ/thiên niên kỷ mới này đã chứng kiến những sự phát triển ghi dấu ấn lịch sử không thể phai nhòa và ảnh hưởng ghê gớm tới lịch sử về nhiều phương diện.

Chúng ta đang sống trong một thời kỳ lịch sử đặc biệt quan trọng với những thay đổi, căng thẳng, mất cân bằng và mất phương hướng. Thời đại này đang ngày càng buộc chúng ta sống chìm ngập trong những sự việc hiện tại và nhất thời khiến chúng ta khó lắng nghe, khó truyền đạt một sự đánh giá đối với quá khứ và chia sẻ những giá trị để xây dựng các thể hệ tương lai. Trong bối cảnh này, sự hiện diện Kitô giáo và việc làm của các tổ chức của Hội Thánh không dễ được nhận thấy và nhiều khi bị nhìn vào với nghi kỵ. Trong những thập niên qua, đã có nhiều chỉ trích liên tục nhắm vào Hội Thánh, vào người Kitô hữu và vào Thiên Chúa mà chúng ta rao giảng. Hậu quả là việc rao giảng Tin Mừng đang phải đối diện với những thách thức mới đặt vấn đề về những việc thực hành quen thuộc và đang làm suy yếu những cách hành động truyền thống. Tất một lời, tình hình hiện nay đang đòi Hội Thánh suy xét một cách hoàn toàn mới mẻ xem mình rao giảng và truyền đạt đức tin như thế nào. Tuy nhiên, Hội Thánh không đối diện với những thách thức này mà không có sự sửa soạn trước gì cả. Hội Thánh có sẵn những kết quả của các kỳ đại hội trước của Thượng Hội Đồng Giám Mục được dành đặc biệt cho chủ đề rao giảng và truyền bá đức tin, cách riêng là hai Tông Huấn *Evangelii nuntiandi* và *Catechesi tradendae*. Trong hai kỳ đại hội ấy của Thượng Hội Đồng, Hội Thánh đã trải qua một thời điểm quan trọng trong việc đánh giá chính mình và tái tạo sinh lực cho sứ mạng rao giảng Tin Mừng.

4. Rao giảng Tin Mừng trong thế giới hôm nay, bắt đầu với những thách thức của nó

Câu trích của Thánh Phaolô, giống như một điệp khúc trong phần nhập đề này, giúp chúng ta hiểu rõ mục đích và ý nghĩa của Đại Hội Thường Kỳ sắp tới của Thượng Hội Đồng Giám Mục đang được chuẩn bị. Sau một thời gian dài với nhiều thay đổi và những sự kiện cách mạng, Hội Thánh muốn lợi dụng cơ hội này để lắng nghe và tham gia thảo luận, để đảm bảo có một chất lượng cao trong việc phân định cần thiết trong hoạt động rao giảng Tin Mừng mà chúng ta là Hội Thánh được kêu gọi thực hiện. Đại Hội Thường Kỳ sắp tới có ý là một thời điểm ưu việt và một giai đoạn đầy ý nghĩa trong tiến trình phân định này. Kể từ sau các đại hội của Thượng Hội Đồng về rao giảng Tin Mừng và huấn giáo, các nền văn hoá và các xã hội đã trải qua những thay đổi quan trọng và đôi khi bất ngờ, và những hiệu ứng của chúng—như trong trường hợp cuộc khủng hoảng kinh tế-tài chính—vẫn đang được thấy rõ và tác động mạnh trong các hoàn cảnh của mỗi địa phương của chúng ta. Chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi những thay đổi này, Hội Thánh có những vấn đề phải xét đến, những hiện tượng phải tìm hiểu, những việc thực hành phải chỉnh đốn và những chương trình và tình huống sống thực phải thẩm nhần một cách mới mẻ Tin Mừng của hi vọng. Hôm nay, một tập hợp các tình huống tương tự đang thôi thúc chúng ta một cách hoàn toàn tự nhiên đi vào con đường dẫn tới đại hội Thượng Hội Đồng sắp tới. Qua việc lắng nghe và trao đổi, tất cả chúng ta sẽ bước ra phong phú hơn và sẵn sàng nhận ra những con đường mà Thiên Chúa đang khai mở nhờ Thánh Thần của Người để mặc khải về Người và làm cho loài người tìm thấy Người, theo hình ảnh của Ngôn Sứ Isaia (x. Is 40:3; 57:14; 62:10).

Tự nó việc phân định đòi phải nhận diện rõ các đối tượng và các chủ đề để chúng ta tập trung nhìn vào, từ đó làm cho việc lắng nghe và trao đổi trở nên sinh động. Để nâng đỡ hoạt động rao giảng Tin Mừng của Hội Thánh và thực hiện những thay đổi cần thiết, việc phân định của chúng ta phải đặt vào tâm điểm suy xét của chúng ta những khía cạnh cơ bản của nhiệm vụ giáo hội này: đó là sự phát sinh, tăng trưởng và tiến bộ của cuộc “tân phúc âm hoá” trong các Giáo Hội của chúng ta; cách thức Hội Thánh đảm nhận và thực thi trách nhiệm và nhiệm vụ truyền đạt đức tin hôm nay; và các phương tiện Hội Thánh đang có để sử dụng trong thế giới hôm nay, để làm phát sinh đức tin (khai tâm Kitô giáo, giáo dục) và đáp ứng

confrontation, pour repousser les frontières du discernement qui est déjà à l'œuvre dans notre Église, et lui assurer ainsi une résonance et un écho encore plus catholiques et universels.

Questions

Le discernement dont nous parlons est, par sa nature, toujours historique et déterminé : il part d'un fait concret et se structure en tant que réaction à un événement donné. Tout en partageant généralement le même espace culturel, dans ce parcours de discernement nos Églises locales ont, pendant les dernières décennies, vécu des étapes et des épisodes uniques et caractéristiques de leur contexte et de leur histoire.

1. Quels sont, parmi ces épisodes, ceux qu'il est utile de faire connaître aux autres Églises locales ?
2. Parmi ces exercices de discernement historique, quels sont ceux qu'il convient de partager au sein de la catholicité de l'Église, pour qu'à partir de l'écoute réciproque de ces événements l'Église universelle puisse reconnaître les voies que lui indique l'Esprit Saint pour réaliser son œuvre évangélisatrice ?
3. Le thème de la « nouvelle évangélisation » a désormais connu une diffusion capillaire dans nos Églises locales. Comment a-t-il été assumé et décliné ? À quels processus d'interprétation a-t-il donné origine ?
4. Quelles sont les actions pastorales qui ont bénéficié plus particulièrement du fait d'avoir assumé le thème de la « nouvelle évangélisation » ? Quelles sont celles qui ont connu un changement et un nouvel élan significatifs ? Et quelles autres, au contraire, ont développé des formes de résistance et de recul à l'égard d'un tel thème ?

những thách thức hôm nay. Những khía cạnh này cung cấp cấu trúc cho tài liệu này, với mục đích khởi sự một tiến trình lắng nghe và hiểu biết và mở rộng phạm vi phân định đang diễn ra trong các Giáo Hội của chúng ta. Bằng cách này, việc phân định sẽ trở nên sắc bén và thậm chí tăng thêm chất “công giáo” và “hoàn vũ”.

Câu hỏi

Tự bản chất, việc phân định này luôn luôn bị chi phối bởi lịch sử và một ý hướng nhất định. Nói khác đi, tiến trình phân định bắt đầu với những yếu tố lấy từ đời sống thực và phát biểu một câu trả lời cho một tình huống nhất định. Đại để, các Giáo Hội của chúng ta chia sẻ chung một nền văn hoá Công Giáo, nhưng trong những thập niên gần đây đã trải nghiệm những biến cố và những giai đoạn trong tiến trình phân định mỗi nơi mỗi khác, được xác định bởi những môi trường và hoàn cảnh lịch sử khác nhau.

1. Quý vị thấy những kinh nghiệm nào trong quá khứ liên quan đến vấn đề này cần phải chia sẻ với các Giáo Hội địa phương khác?
2. Trong tiến trình phân định các sự kiện trong lịch sử, điều gì phải được chia sẻ với Hội Thánh hoàn vũ, để nhờ lắng nghe nhau về những sự kiện này, Hội Thánh hoàn vũ có thể nhận biết Chúa Thánh Thần đang dẫn đưa Hội Thánh đi đến đâu trong công cuộc rao giảng Tin Mừng?
3. Đến nay, chủ đề “tân phúc âm hoá” đã được biết đến khá rõ trong các Giáo Hội địa phương của chúng ta. Nó đã được thực hiện và vạch ra như thế nào? Nó có hình thức nào?
4. Hoạt động mục vụ chuyên biệt nào được hưởng lợi từ việc thực hiện cuộc “tân phúc âm hoá”? Kể ra những thay đổi trong các chương trình mục vụ này hay những đổi mới quan trọng về hoạt động. Mặt khác, mô tả những trở ngại hay căng thẳng có thể xảy ra về phương diện này.

CHAPITRE I

LE TEMPS D'UNE « NOUVELLE ÉVANGÉLISATION »

« ... Comment l'invoquer sans d'abord croire en lui ?

Et comment croire sans d'abord l'entendre ?

Et comment entendre sans prédicateur? » (Rm 10, 14)

5. « Nouvelle évangélisation ». Signification d'une définition

Bien que le terme « nouvelle évangélisation » soit certainement répandu et suffisamment assimilé, il reste une expression apparue récemment dans l'univers de la réflexion ecclésiale et pastorale, de sorte que sa signification n'est pas toujours claire et établie. C'est le Pape [Jean-Paul II](#) qui a introduit le terme « nouvelle évangélisation » dans un premier temps – sans aucune emphase, et presque sans laisser présager le rôle qu'il aurait assumé par la suite – lors de son Voyage apostolique en Pologne,^[11] terme qu'il a repris par la suite et relancé surtout dans son Magistère à l'intention des Églises d'Amérique latine. S'il a recours à ce terme, c'est pour en faire un instrument de lancement; il l'introduit comme un moyen pour communiquer des énergies en vue d'une nouvelle ferveur missionnaire et évangélistrice. Aux évêques d'Amérique latine, il s'adresse ainsi : « La commémoration du nouveau millénaire d'évangélisation aura tout son sens si elle signifiera votre engagement en tant qu'évêque, avec vos prêtres et vos fidèles ; un engagement non pas à ré-évangéliser, certes, mais pour une nouvelle évangélisation. Nouvelle dans son ardeur, dans ses méthodes, dans ses expressions ».^[12] Il ne s'agit pas de refaire quelque chose qui a été mal fait ou qui ne fonctionne pas, de sorte que la nouvelle évangélisation serait un jugement implicite sur l'échec de la première. La nouvelle évangélisation n'est pas une nouvelle version de la première, une simple répétition mais elle est le courage d'oser de nouvelles voies, face aux nouvelles conditions au sein desquelles l'Église est appelée à vivre aujourd'hui l'annonce de l'Évangile. À cette époque, le continent latino-américain devait se mesurer à de nouveaux défis (la diffusion de l'idéologie communiste, l'apparition des sectes); la nouvelle évangélisation est l'action qui suit le processus de discernement selon lequel l'Église en Amérique latine est appelée à lire et à évaluer la situation dans laquelle elle se trouve.

C'est dans ce sens que le terme est repris et relancé dans le Magistère du Pape [Jean-Paul II](#) à l'intention de l'Église universelle. « L'Église doit affronter aujourd'hui d'autres défis, en avançant vers de nouvelles frontières tant pour la première mission *ad gentes* que pour la nouvelle évangélisation de peuples qui ont déjà reçu l'annonce du Christ. Il est aujourd'hui demandé à tous les chrétiens, aux Églises particulières et à l'Église universelle le même courage que celui qui animait les missionnaires du passé, la même disponibilité à écouter la voix de l'Esprit ».^[13] La nouvelle évangélisation est une action spirituelle avant tout, la capacité de faire nôtres dans le présent le courage et la force des premiers chrétiens, des premiers missionnaires. Elle est donc une action qui exige en premier lieu un processus de discernement quant à la santé du christianisme, au chemin parcouru et aux difficultés rencontrées. Le Pape [Jean-Paul II](#) précisera encore par la suite : « L'Église doit faire aujourd'hui *un grand pas en avant* dans l'évangélisation, elle doit entrer dans *une nouvelle étape historique* de son dynamisme missionnaire. En un monde où ont été éliminées les distances et qui se fait plus petit, les communautés ecclésiales doivent s'unir entre elles, échanger leurs énergies et leurs moyens, s'engager ensemble dans l'unique et commune mission d'annoncer et de vivre l'Évangile. 'Les Églises qu'on appelle jeunes Églises - ont déclaré les Pères du Synode - ont besoin de la force des Églises anciennes, et en même temps celles-ci ont besoin du témoignage et de la poussée des jeunes Églises, de sorte que chacune de ces Églises puise aux richesses des autres' ».^[14]

CHƯƠNG I

THỜI ĐIỂM CHO CUỘC “TÂN PHÚC ÂM HOÁ”

“... Làm sao họ kêu cầu Đấng họ không tin? Làm sao họ tin Đấng họ không được nghe? Làm sao mà nghe, nếu không có ai rao giảng?” (Rm 10:14)

5. “Tân phúc âm hoá”: Ý nghĩa của một định nghĩa

Tuy được biết đến nhiều và chắc chắn là một trong nhiều kế hoạch của Hội Thánh, “tân phúc âm hoá” (“new evangelization”) vẫn còn là một thuật ngữ và khái niệm tương đối mới mẻ trong các giới giáo hội học và mục vụ. Hậu quả là ý nghĩa của nó không phải luôn luôn rõ ràng và chính xác. Thuật ngữ này được Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II sử dụng lần đầu tiên trong chuyến tông du của ngài tới Ba Lan¹¹ mà không có sự nhấn mạnh hay ý tưởng chuyên biệt nào về vai trò của nó trong tương lai; nhưng sau đó nó đã được sử dụng lại và mặc lấy một sinh khí mới trong Huấn Quyền của Đức Thánh Cha cho các Giáo Hội tại Châu Mỹ Latinh. Đức Gioan Phaolô II dùng thuật ngữ này để đánh thức và khơi dậy lại những cố gắng canh tân trong một công cuộc mới về truyền giáo và rao giảng Tin Mừng tại châu lục này. Về phương diện này, ngài nói với các giám mục tại Châu Mỹ Latinh: “Việc kỷ niệm một nửa thiên niên kỷ rao giảng Tin Mừng tại đây hôm nay sẽ có đầy đủ ý nghĩa nếu các anh em giám mục, cùng với các linh mục và giáo dân, chọn nó làm mối cam kết của mình; không phải một cam kết về một cuộc tái-phúc âm hoá, mà là một cuộc phúc âm hoá mới: mới về nhiệt huyết, phương pháp và cách biểu hiện của nó.”¹² Cho nên, “tân-phúc âm hoá” không phải là làm lại một cái gì đã làm không đầy đủ hay không đạt mục đích của nó, như thể hoạt động mới này là một sự phê phán mặc nhiên về thất bại của cuộc phúc âm hoá thứ nhất. Tân-phúc âm hoá cũng không phải là lại tiếp tục cuộc phúc âm hoá thứ nhất, hay đơn giản là lặp lại quá khứ. Ngược lại, đây là sự dũng cảm mở ra những con đường mới để đáp lại những hoàn cảnh và điều kiện thay đổi mà Hội Thánh đang đối diện trong việc thực thi ơn gọi loan báo và sống Tin Mừng hôm nay. Trong quá khứ, Châu Mỹ Latinh đã từng đối diện với những thách thức mới (sự lan rộng của ý thức hệ cộng sản, sự xuất hiện của các giáo phái). Cuộc tân phúc âm hoá đã ra đời sau một tiến trình phân định được Hội Thánh tại Châu Mỹ Latinh thực hiện để xem xét và đánh giá toàn bộ tình hình.

Chính theo nghĩa này mà Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã lấy lại thuật ngữ này và đưa vào các giáo huấn của ngài cho Hội Thánh hoàn vũ. “Ngày nay Hội Thánh phải đối diện với các thách thức khác và phải lao tới những biên cương mới, cả trong việc loan báo ban đầu *ad gentes* cũng như trong việc tân-phúc âm hoá những dân tộc đã từng được nghe loan báo Đức Kitô. Ngày nay tất cả các Kitô hữu, các Giáo Hội địa phương và Hội Thánh hoàn vũ đều được kêu gọi có cùng một lòng dũng cảm đã từng gọi hứng cho các vị truyền giáo xưa kia, và cùng một lòng sẵn sàng lắng nghe tiếng Chúa Thánh Thần.”¹³ Cuộc tân phúc âm hoá chủ yếu là một hoạt động thiêng liêng có khả năng lấy lại vào thời đại chúng ta lòng dũng cảm và hăng say của các Kitô hữu tiên khởi và các vị truyền giáo tiên khởi. Vì vậy nó đòi hỏi trước hết một tiến trình phân định về sức sống Kitô giáo và một sự duyệt xét lại những thành tựu và những khó khăn nó đã gặp. Về sau, Đức Gioan Phaolô II đã làm sáng tỏ ý tưởng của ngài về việc tân phúc âm hoá: “Hội Thánh hôm nay phải tiến *một bước khổng lồ* về phía trước trong nỗ lực tân phúc âm hoá của mình, và đi vào *một giai đoạn mới của lịch sử* trong hoạt lực truyền giáo của mình. Trong một thế giới mà khoảng cách được thu hẹp làm cho thế giới ngày càng trở nên nhỏ bé hơn, cộng đoàn Hội Thánh phải cùng cố sợi dây nối kết giữa các thành viên của mình, trao đổi các nghị lực và phương tiện sống, và dần thân với tư cách tập thể cho một sứ mạng chung và độc đáo là loan báo và sống Tin Mừng. ‘Các Giáo Hội được

Nous sommes désormais capables de saisir le fonctionnement dynamique ressortant du concept de « nouvelle évangélisation » : on y a recours pour indiquer l'effort de renouvellement que l'Église est appelée à faire pour être à la hauteur des défis que le contexte social et culturel contemporain pose à la foi chrétienne, à son annonce et à son témoignage, suite aux profonds changements en cours. À ces défis, l'Église répond non pas en se résignant ou en se refermant sur elle-même, mais en lançant une opération de revitalisation de son corps avec, en son centre, la figure de Jésus-Christ, sa rencontre avec Lui, qui donne l'Esprit et les énergies pour annoncer et proclamer l'Évangile suivant des voies nouvelles pouvant parler aux cultures d'aujourd'hui.

Ainsi formulé, le concept de « nouvelle évangélisation » est adopté et relancé dans les Assemblées Synodales Continentales, célébrées en préparation du Jubilé de l'An 2000, se confirmant désormais en tant que synonyme de relance spirituelle de la vie de foi dans les Églises locales, point de départ sur le parcours de discernement des changements qui touchent la vie chrétienne dans les différentes sphères culturelles et sociales, relecture de la mémoire de foi, prise en charge de nouvelles responsabilités et de nouvelles énergies en vue d'une proclamation joyeuse et contagieuse de l'Évangile de Jésus-Christ.^[15] Les mots adressés par le Pape [Jean-Paul II](#) à l'Église en Europe sont suffisamment synthétiques et exemplaires : « [...] étaient apparues l'urgence et la nécessité de la 'nouvelle évangélisation', dans la certitude que 'l'Europe ne doit pas purement et simplement en appeler aujourd'hui à son héritage chrétien antérieur: il lui faut trouver la capacité de décider à nouveau de son avenir dans la rencontre avec la personne et le message de Jésus Christ' ». ^[16]

Mais malgré cette diffusion et cette notoriété, le terme ne parvient pas à se faire accueillir pleinement dans le débat ni dans l'Église ni dans la culture. Il reste encore des réserves à son égard, comme si, avec lui, l'intention était d'élaborer un jugement de désaveu et la suppression de plusieurs pages du passé récent de la vie des Églises locales. Certains pensent que la « nouvelle évangélisation » couvre ou cache l'intention de nouvelles actions de prosélytisme de la part de l'Église, en particulier à l'égard des autres fois chrétiennes.^[17] On a tendance à penser qu'avec cette définition se réalise un changement dans l'attitude de l'Église envers ceux qui ne croient pas, transformés en objets à persuader et non plus considérés comme des interlocuteurs dans le cadre d'un dialogue qui nous voit réunis dans une même humanité et une même recherche de la vérité de notre être. Le Pape [Benoît XVI](#) a voulu, au cours de son [Voyage Apostolique en République Tchèque](#), traiter ce souci et y donner une réponse : « Il me vient à l'esprit une parole que Jésus reprend du prophète Isaïe, c'est-à-dire que le temple devait être une maison de prière pour tous les peuples (cf. *Is* 56, 7; *Mc* 11, 17). Il pensait à ce que l'on appelle la maison de prière pour toutes les nations, qu'il désencombrait des activités extérieures pour qu'il y ait une place libre pour les païens qui voulaient prier là le Dieu unique, même s'ils ne pouvaient pas prendre part au mystère, auquel l'intérieur du temple était réservé. Un espace de prière pour tous les peuples - on pensait avec cela à des personnes qui ne connaissent Dieu, pour ainsi dire, que de loin; qui sont insatisfaites de leurs dieux, de leurs rites et de leurs mythes; qui désirent le Saint et le Grand, même si Dieu reste pour eux le 'Dieu inconnu' (cf. *Ac* 17, 23). Ils devaient pouvoir prier le Dieu inconnu, mais cependant être ainsi en relation avec le vrai Dieu, malgré des zones d'ombre de natures diverses. Je pense que l'Église devrait aujourd'hui aussi ouvrir une sorte de 'parvis des Gentils', où les hommes puissent d'une certaine manière s'accrocher à Dieu, sans le connaître et avant d'avoir trouvé l'accès à son mystère, au service duquel se trouve la vie interne de l'Église ». ^[18]

gọi là các Giáo Hội trẻ cần đến sức mạnh của các Giáo Hội già và các Giáo Hội già cần đến chúng ta và sức bật của các Giáo Hội trẻ, để mỗi Hội Thánh nhận được sự phong phú của các Giáo Hội khác.”¹⁴

Từ nay, trong tiến trình duyệt lại hoạt năng của việc “tân phúc âm hoá”, thuật ngữ này bây giờ có thể được chỉ về những nỗ lực canh tân của Hội Thánh để đáp ứng những thách thức mà xã hội và các nền văn hoá hôm nay, qua các thay đổi quan trọng của chúng, đang đặt ra cho đức tin Kitô giáo, cho việc loan báo và làm chứng đức tin ấy. Đối diện với những thách thức này, Hội Thánh không đầu hàng hay thu mình lại; ngược lại, Hội Thánh thực hiện một kế hoạch tái tạo sinh lực cho mình. Hội Thánh đặt Con Người Chúa Giêsu Kitô và sự gặp gỡ với Người vào tâm điểm suy tư của mình, vì biết rằng Người sẽ ban Thánh Thần của Người và công hiến sức mạnh để loan báo và rao giảng Tin Mừng bằng những cách mới mẻ để có thể nói với các nền văn hoá hôm nay.

Hiểu theo cách này, khái niệm “tân phúc âm hoá” một lần nữa đã được lấy lại và giới thiệu trong các đại hội của các Thượng Hội Đồng Giám Mục của các châu lục, được cử hành để chuẩn bị mừng Năm Thánh 2000. Lúc ấy, thuật ngữ này đã được chấp nhận trong tư tưởng mục vụ và giáo hội học tại các Giáo Hội địa phương, và được hiểu như đồng nghĩa với những cố gắng canh tân thiêng liêng về đời sống đức tin trong các Giáo Hội địa phương, bắt đầu bằng một tiến trình phân định những thay đổi trong các khung cảnh văn hoá và xã hội khác nhau và tác động của những thay đổi này đối với đời sống Kitô hữu, đọc lại ký ức đức tin và đảm lãnh những trách nhiệm mới cũng như phát sinh những nghị lực mới để rao giảng Tin Mừng Đức Giêsu Kitô một cách hân hoan và thuyết phục.¹⁵ Về phương diện này, những lời của Đức Gioan Phaolô II nói với Hội Thánh tại Châu Âu rất rõ ràng và súc tích: “... một nhu cầu cấp bách đã nảy sinh cho việc ‘tân phúc âm hoá’, khi chúng ta ý thức rằng ‘Châu Âu hôm nay không thể chỉ dựa vào di sản Kitô giáo trước kia của mình: Nó phải có khả năng quyết định về tương lai của mình phù hợp với con người và sứ mạng của Đức Giêsu Kitô’.”¹⁶

Tuy thuật ngữ này đã trở nên phổ biến trong Hội Thánh, nó đã không được chấp nhận đầy đủ và trọn vẹn trong các cuộc thảo luận trong Hội Thánh cũng như trong thế giới văn hoá. Một số người ngại sử dụng thuật ngữ này vì cho rằng nó có vẻ là một sự phê phán tiêu cực về quá khứ của Hội Thánh và có vẻ muốn loại bỏ một số trang trong lịch sử thời gần đây của các Giáo Hội địa phương. Một số khác, đặc biệt giữa những giáo phái Kitô khác, nghi ngờ rằng “tân phúc âm hoá” có thể là một sự nguy trang của Hội Thánh nhằm chiêu nạp tín đồ.¹⁷ Lại có một số khác nữa có khuynh hướng cho rằng thuật ngữ này có thể dẫn tới một sự thay đổi trong thái độ của Hội Thánh đối với những người không có tín ngưỡng, những người này bị coi là những đối tượng để thuyết phục chứ không phải là những người cùng nói chuyện trong khuôn khổ một cuộc đối thoại muốn nhìn thấy chúng ta qui tụ lại trong cùng một nhân loại trên con đường tìm kiếm sự thật về hiện hữu của chúng ta. Trong cuộc Tông Du đến Cộng Hoà Séc của ngài, Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI đã muốn xua tan mối lo này và đưa ra một câu trả lời: “Tôi sực nhớ đến một lời mà Chúa Giêsu đã trích từ ngôn sứ Isaia, đó là đền thờ phải là nhà cầu nguyện cho mọi dân tộc (x. Is 56:7; Mc 11:17). Chúa Giêsu đang nghĩ đến ‘Sân của Dân Ngoại’ mà Người đã dọn sạch khỏi hoạt động bên ngoài để nó có thể trở thành nơi yên tĩnh cho những người Dân Ngoại nào muốn đến đó cầu nguyện với vị Thiên Chúa độc nhất, mặc dù họ không thể tham dự những mầu nhiệm chỉ được cử hành bên trong Đền Thờ. Nơi cầu nguyện cho mọi dân tộc, Chúa Giêsu nghĩ đến những người có thể nói là chỉ biết Thiên Chúa từ đằng xa; những người không hài lòng với các thần của họ, các lễ nghi và các thần thoại của họ; những người khao khát Đấng Tinh Tuyền và Đấng Cao Cả, mặc dù Thiên Chúa đối với họ vẫn còn là vị ‘Thần Vô Danh’ (x. Cv 17:23). Họ buộc phải cầu nguyện với vị Thần vô danh, nhưng bằng cách này họ đã phần nào chạm tới Thiên Chúa thật, mặc dù họ còn rất mù mờ về Người. Tôi nghĩ hôm nay Hội Thánh cũng phải mở ra một thứ ‘Sân của Dân Ngoại’ nào đó để người ta có thể một cách nào đó chạm tới Thiên Chúa đang

Nous, chrétiens, nous devons avoir à cœur également les personnes qui se considèrent comme agnostiques ou athées. Elles sont sans doute effrayées lorsqu'on parle de nouvelle évangélisation, comme si elles devaient devenir des objets de mission. Toutefois, la question concernant Dieu reste présente pour elles aussi. La recherche de Dieu a été la raison principale de la naissance du monachisme occidental et, avec lui, de la culture occidentale. Le premier pas de l'évangélisation consiste à s'efforcer de maintenir en vie cette recherche. Il est nécessaire de continuer à dialoguer non seulement avec les religions, mais aussi avec les personnes qui considèrent la religion comme quelque chose d'étranger.

L'image du « parvis des Gentils » nous est remise comme un élément ultérieur de la réflexion sur la « nouvelle évangélisation », qui indique l'audace des chrétiens à ne jamais renoncer, à rechercher positivement toutes les voies pour ériger des formes de dialogue susceptibles de saisir les attentes les plus profondes des hommes et leur soif de Dieu. Cette audace permet de situer dans ces contextes, en partageant leur expérience de recherche et en parlant de la rencontre avec l'Évangile de Jésus-Christ comme d'un don. Une telle capacité, une telle attitude exigent d'effectuer en premier lieu une vérification et une purification de soi afin de reconnaître les traces de peur, de fatigue, d'étourdissement, de repli sur soi qui ont pu être engendrés en nous par la culture dans laquelle nous vivons. Dans un second temps, l'urgence sera celle de l'élan, de la mise en marche, grâce au soutien de l'Esprit Saint, vers cette expérience de Dieu en tant que Père, que la rencontre vécue avec le Christ nous permet d'annoncer à tous les hommes. Ces moments ne constituent pas des étapes temporelles successives, mais plutôt des modes spirituels qui se succèdent, sans solution de continuité à l'intérieur de la vie chrétienne. L'apôtre Paul les rapporte lorsqu'il décrit l'expérience de la foi comme une libération de « *l'empire des ténèbres* » et une entrée « *dans le royaume de son Fils bien-aimé, en qui nous avons la rédemption, la rémission des péchés* » (Col 1, 13-14 ; cf. aussi Rm 12, 1-2). De même, cette audace n'est pas quelque chose d'absolument nouveau ou de totalement inédit pour le christianisme, puisqu'il existe déjà des traces de cette attitude dans la littérature patristique.[\[19\]](#)

6. Les scénarios de la nouvelle évangélisation

La nouvelle évangélisation est donc une attitude, un style audacieux. Elle est la capacité, de la part du christianisme, de savoir lire et déchiffrer les nouveaux scénarios qui, au cours des dernières décennies, se sont créés dans l'histoire des hommes, pour les habiter et les transformer en des lieux de témoignage et d'annonce de l'Évangile. Ces scénarios ont été identifiés et décrits à maintes reprises;[\[20\]](#) ce sont des scénarios sociaux, culturels, économiques, politiques et religieux.

Le tout premier est le scénario culturel de base. Notre époque est une époque de profonde sécularisation, qui a perdu la capacité d'écouter et de comprendre la parole évangélique comme un message vivant et vivifiant. Enracinée plus particulièrement dans le monde occidental, fruit d'épisodes et de mouvements sociaux et de pensée qui ont marqué en profondeur son histoire et son identité, la sécularisation se présente aujourd'hui dans nos cultures à travers l'image positive de la libération, de la possibilité d'imaginer la vie du monde et de l'humanité sans se référer à la transcendance. Au cours des dernières années, elle n'assume plus autant la forme publique des discours directs et forts contre Dieu, la religion et le christianisme, même si, dans certains cas, ces tons anti-chrétiens, anti-religieux et anti-cléricaux se sont aussi fait entendre. Elle a plutôt adopté un ton humble qui a permis à cette forme culturelle d'envahir la vie quotidienne des personnes et de développer une mentalité dans laquelle Dieu est absent, en tout ou en partie, de l'existence et de la conscience humaine. Cette modalité a permis à la sécularisation d'entrer dans la vie des chrétiens et des

khi còn chưa biết Người và chưa đi vào được mâu nhiệm của Người, là mâu nhiệm được cử hành bởi đời sống bên trong của Hội Thánh. Ngày nay, ngoài việc đối thoại liên tôn, cần phải có một cuộc đối thoại với những người mà tôn giáo đối với họ là một cái gì xa lạ, những người không biết Thiên Chúa nhưng không muốn sống là người vô thần, trái lại muốn được lôi kéo đến gần Người, mặc dù họ không biết Người.”¹⁸

Là tín hữu, chúng ta cũng phải quan tâm đến những người theo thuyết bất khả tri và cả những người tự xưng mình là vô thần; những người này thường tỏ ra lo sợ khi nghe chúng ta nói đến “tân phúc âm hoá”, họ nghĩ rằng hoạt động truyền giáo của Hội Thánh nhằm đến họ như là mục tiêu hàng đầu. Dù sao, ngay cả những người này cũng phải suy nghĩ về vấn đề Thiên Chúa. Việc tìm kiếm Thiên Chúa đã làm phát sinh hệ thống đan tu ở phương Tây và cùng với nó là văn hoá phương Tây. Bước đầu tiên này của việc phúc âm hoá cố gắng giữ cho việc tìm kiếm Thiên Chúa luôn sinh động và duy trì cuộc đối thoại không chỉ với những người tuyên xưng một tôn giáo, mà cả với những người không coi tôn giáo là một phần thiết yếu của cuộc đời.

Hình ảnh về “Sân của Dân Ngoại” cho chúng ta thêm một yếu tố trong suy tư về việc “tân phúc âm hoá” bằng cách cho thấy rằng người Kitô hữu không bao giờ được từ bỏ sự bạo dạn trong việc loan báo Tin Mừng và tìm kiếm mọi phương thức tích cực để mở ra những con đường đối thoại, ở đó chúng ta có thể thảo luận về những mong đợi thâm sâu nhất của con người và lòng khát khao Thiên Chúa của họ. Sự bạo dạn này cho phép chúng ta đặt đúng bối cảnh vấn đề về Thiên Chúa qua việc chia sẻ những kinh nghiệm cá nhân của mỗi người trong việc tìm kiếm Thiên Chúa và kể lại ân huệ được ban không trong cuộc gặp gỡ cá nhân với Tin Mừng của Chúa Giêsu Kitô. Việc này trước hết đòi hỏi sự tự đánh giá và thanh tẩy, để nhận ra những dấu vết của sự sợ hãi, mệt mỏi, hoang mang hay khép kín do tác động của các nhân tố văn hoá. Bước đi này phải được tiếp nối ngay lập tức bởi những cố gắng và sáng kiến mới, dựa vào ơn sủng của Chúa Thánh Thần, trong việc cảm nghiệm Thiên Chúa là Cha, và nhờ đó có thể truyền đạt kinh nghiệm này cho người khác nhờ sự gặp gỡ cá nhân của chúng ta với Đức Kitô. Đây không phải là những giai đoạn tiếp nối nhau theo thời gian; đúng hơn, đó là những hình thái thiêng liêng của đời sống Kitô giáo. Thánh Phaolô nói về những cách thái này khi ngài mô tả kinh nghiệm đức tin như là một sự giải phóng “khỏi quyền lực bóng tối” và là một công dẫn vào “... vương quốc Thánh Tử chí ái; trong Thánh Tử, ta được ơn cứu chuộc, được thứ tha tội lỗi.” (Cl 1:13.14; cũng xem Rm 12:1.2). Đồng thời sự bạo dạn này không phải một cái gì hoàn toàn mới hay chưa từng được nghe nói trong Kitô giáo, bởi vì những dấu chỉ về sự bạo dạn này đã hiện diện trong các văn bản của các giáo phụ rồi.¹⁹

6. Các bối cảnh của cuộc tân phúc âm hoá

Tân phúc âm hoá là một thái độ, một phong cách hành động dũng cảm. Nó là khả năng của Kitô giáo giúp ta biết cách đọc và cắt nghĩa các tình hình mới trong lịch sử loài người mà những thập niên gần đây đã trở thành những nơi đề rao giảng và làm chứng cho Tin Mừng. Các viễn tượng này đã được nhận ra và phân tích vào nhiều dịp khác nhau;²⁰ chúng liên quan đến xã hội, các nền văn hoá, đời sống chính trị, dân sự và tôn giáo.

Bối cảnh thứ nhất của tân phúc âm hoá là văn hoá. Ngày nay, chúng ta thấy mình đang sống trong một kỷ nguyên thối nát chủ nghĩa tục hoá khiến con người mất đi khả năng nghe và hiểu những lời của Tin Mừng như là một thông điệp sống động và ban sự sống. Điều này đặc biệt đúng ở thế giới phương Tây, nơi mà các biến cố, các thay đổi trong xã hội và các lối suy nghĩ tác động sâu xa đối với lịch sử và căn tính của nó. Chủ nghĩa tục hoá xuất hiện trong các nền văn hoá của chúng ta hôm nay qua hình ảnh tích cực của sự giải phóng, của khả năng quan niệm về đời sống của thế giới và của nhân loại mà không cần đến thế giới siêu

communautés ecclésiales, en devenant désormais pas seulement une menace externe pour les croyants, mais aussi une arène de confrontation quotidienne.[21] Ce sont des expressions d'une culture dite du relativisme. En outre, il existe de graves implications anthropologiques en acte, qui mettent en discussion l'expérience élémentaire humaine elle-même, comme le rapport homme-femme, et le sens de la génération et de la mort.

Les caractéristiques d'une compréhension sécularisée de la vie marquent le comportement quotidien de nombreux chrétiens, qui se montrent souvent influencés – pour ne pas dire conditionnés – par la culture de l'image, avec ses modèles et ses poussées contradictoires. La mentalité hédoniste et consumériste dominante induit en eux une dérive vers la superficialité et un égocentrisme auxquels il est difficile de s'opposer. La « mort de Dieu » que nombre d'intellectuels annonçaient dans les dernières décennies cède la place à un culte stérile de la personne. Il existe un danger réel de perdre aussi les éléments fondamentaux de la grammaire de la foi, avec, pour conséquence, la possibilité de tomber dans une atrophie spirituelle et un vide du cœur ou, au contraire, dans des formes substitutives d'appartenance religieuse ou de spiritualisme flou. Dans un tel scénario, la nouvelle évangélisation se présente comme l'encouragement dont ont besoin les communautés fatiguées pour redécouvrir la joie de l'expérience chrétienne, retrouver « *l'amour d'antan qui s'est perdu* » (Ap 2, 4), et réitérer la nature de la liberté dans la recherche de la Vérité.

Par ailleurs, dans d'autres régions du monde on assiste à une renaissance religieuse prometteuse. Nombreux sont les aspects positifs de la redécouverte de Dieu et du sacré dans différentes religions, qui sont obscurcis par des phénomènes de fondamentalisme qui, souvent, manipule la religion pour justifier la violence et jusqu'au terrorisme. C'est là un abus grave. « On ne peut pas utiliser la violence au nom de Dieu ».[22] De plus, la prolifération des sectes constitue un défi permanent.

À côté de ce premier scénario culturel, il est possible d'en identifier un second, de caractère plus social : l'important phénomène migratoire qui pousse toujours plus de personnes à quitter leur pays d'origine et à vivre dans des contextes urbanisés, en modifiant la géographie ethnique de nos villes, de nos pays et de nos continents. Il entraîne une rencontre et un mélange des cultures que nos sociétés ne connaissaient pas depuis des siècles. On constate la production de formes de contamination des cultures et d'émiettement des références fondamentales de la vie, des valeurs pour lesquelles s'engager, des liens mêmes selon lesquels les personnes structurent leur identité et accèdent au sens de la vie. L'aboutissement culturel de ces processus est un climat de fluidité et de « liquidité » extrêmes qui laisse toujours moins de place aux grandes traditions, y compris celles religieuses, et à la tâche qui est la leur de structurer objectivement le sens de l'histoire et les identités des sujets. Le phénomène qui porte le nom de mondialisation – une réalité difficile à déchiffrer – est lié à ce scénario social, un phénomène qui exige des chrétiens un important travail de discernement. La mondialisation peut être lue comme un phénomène négatif si c'est une interprétation déterministe de cette réalité qui prévaut, interprétation liée uniquement à la dimension économique et productive ; elle peut être lue comme un moment de croissance, où l'humanité apprend à développer de nouvelles formes de solidarité et de nouvelles voies pour partager le développement de tous au bien.[23] Dans un tel cadre, la nouvelle évangélisation nous permet d'apprendre que la mission n'est plus un mouvement Nord-Sud ou Ouest-Est, parce qu'il faut s'affranchir des frontières géographiques. Aujourd'hui, la mission est dans les cinq continents. Nous devons nous aussi apprendre à connaître les secteurs et les sphères étrangers à la foi, parce qu'ils ne l'ont jamais rencontrée et pas seulement parce qu'ils s'en sont éloignés. S'affranchir des frontières géographiques signifie avoir les énergies pour poser la question de

việt. Mặc dù đôi khi cũng có những ám chỉ về thái độ chống Kitô giáo, chống tôn giáo và chống giáo hội, nhưng chủ nghĩa tục hoá trong thời gian gần đây không mang tính chất phủ nhận Thiên Chúa, tôn giáo hay Kitô giáo một cách trực tiếp, thẳng thừng. Ngược lại, phong trào tục hoá đã có một màu sắc tinh tế hơn với những hình thức văn hoá thâm nhập vào đời sống hằng ngày của con người và nuôi dưỡng một não trạng gạt bỏ Thiên Chúa hoàn toàn hay một phần trong đời sống và ý thức con người. Bằng cách này, chủ nghĩa tục hoá đã xâm nhập đời sống Kitô hữu và các cộng đồng Hội Thánh, và đã trở thành không chỉ là một mối đe dọa bên ngoài đối với các tín hữu, mà còn là một cái gì phải đối diện từng ngày trong cuộc đời.²¹ Đó là những biểu hiện khác nhau của cái gọi là văn hoá của chủ nghĩa tương đối. Hơn nữa, xu hướng này đang có những hệ lụy nhân văn nghiêm trọng, nó đặt thành vấn đề cả các kinh nghiệm nhân văn cơ bản như mối quan hệ nam-nữ, ý nghĩa của sự sinh sản và của sự chết.

Các dấu chỉ của cái nhìn tục hoá về cuộc đời có thể được thấy trong đời sống hằng ngày của các Kitô hữu, những người nhiều khi chịu ảnh hưởng, thậm chí bị chi phối hoàn toàn, bởi văn hoá hình ảnh với các khuôn mẫu và sức mạnh chống đối của nó. Không dễ thoát khỏi những cám dỗ về tính hời hợt và vị kỷ phát sinh từ một não trạng theo chủ nghĩa khoái lạc và hưởng thụ. “Cái chết của Thiên Chúa” mà nhiều nhà trí thức lo âu báo mấy thập niên trước đây đã mở đường cho một sự tôn thờ cá nhân vô bổ. Có nguy cơ thực sự là người ta đánh mất cả những yếu tố cơ bản của đức tin, đưa họ rơi vào tình trạng thui chột thiêng liêng và tâm hồn trống rỗng, hay ngược lại, chọn những hình thức thay thế tôn giáo và thái độ tâm linh mơ hồ. Trong một khung cảnh như thế, việc tân phúc âm hoá là một sự cố vũ cần thiết cho những cộng đồng mệt mỏi để khám phá lại niềm vui của kinh nghiệm Kitô giáo, tìm lại “*tình yêu ban đầu đã mất*” (Kh 2:4), và lấy lại ý nghĩa đích thực của tự do trong cuộc tìm kiếm sự thật.

Trong khi ấy, tại những vùng khác trên thế giới, người ta nhận thấy một sự hồi sinh tôn giáo đầy hứa hẹn. Có rất nhiều khía cạnh tích cực trong việc tái khám phá Thiên Chúa và sự linh thánh trong các tôn giáo khác nhau, những khía cạnh này bị lu mờ bởi những hiện tượng của chủ nghĩa cực đoan muốn lợi dụng tôn giáo để biện minh cho bạo lực và đi tới mức khủng bố. Đó là một sự lạm dụng nghiêm trọng. “Không được phép sử dụng bạo lực nhân danh Thiên Chúa”.²² Hơn nữa, con số các giáo phái đua nhau xuất hiện là một thách thức liên tục.

Sau khi vấn đề đặt ra khung cảnh văn hoá trên đây, bây giờ chúng ta tập trung bàn đến khung cảnh xã hội, trong đó hiện tượng di dân đại trà đang ngày càng buộc người ta rời bỏ quê hương của mình để đến những vùng đô thị, do đó làm thay đổi bản đồ sắc tộc của các thành phố, các quốc gia và các châu lục của chúng ta. Bởi thế, các xã hội của chúng ta đang trải nghiệm một sự gặp gỡ và pha trộn văn hoá chưa từng có trước đây, dẫn đến những hình thức làm suy đồi, xói mòn các tiêu chuẩn nền tảng cho đời sống, huỷ hoại các giá trị mà chúng ta tìm kiếm, và làm xấu đi chính những mối quan hệ nhân bản mà chúng ta dùng để xác định mình và tạo ý nghĩa cho đời sống chúng ta. Trong tiến trình này, văn hoá trở nên rất linh hoạt và “trôi nổi”, không còn dành nhiều chỗ cho những truyền thống lớn của đời sống, gồm cả các truyền thống tôn giáo, cũng như nhiệm vụ của các truyền thống ấy là cống hiến khách quan cho ý nghĩa của lịch sử và căn tính của các cá nhân. Gắn liền với khung cảnh xã hội này là hiện tượng gọi là toàn cầu hoá, một hiện tượng không dễ hiểu, vì vậy đòi hỏi người Kitô hữu phải ra sức cố gắng trong việc phân định. Nếu chỉ xét đến khía cạnh kinh tế và sản xuất, thì toàn cầu hoá là một hiện tượng tiêu cực. Tuy nhiên, theo nghĩa tích cực, toàn cầu hoá có thể được coi như một cơ hội để tăng trưởng, ở đó loài người có thể học phát triển những hình thức liên đới mới và những cách thức mới để chia sẻ sự phát triển mọi sự vì lợi ích lớn hơn cho mọi người.²³ Trong tình hình ấy, tân phúc âm hoá có thể cống hiến cơ hội để không còn nhìn sứ mạng của Hội Thánh như là một hoạt lực bắc-nam hay đông-tây, nhưng là một hoạt lực vượt qua các ranh giới địa lý của các hoạt động truyền giáo trong quá khứ. Ngày nay, cả 5 châu lục đều là những cánh đồng truyền giáo. Chúng ta cũng phải tìm cách hiểu

Dieu dans tous ces processus de rencontre, de brassage, de reconstruction des tissus sociaux actuellement en œuvre dans chacun de nos contextes locaux.

Ce mélange profond des cultures constitue le fond sur lequel intervient un troisième scénario qui marque de façon toujours plus déterminante la vie des personnes et la conscience collective. Il s'agit du défi des moyens de communication sociale, qui offrent aujourd'hui d'immenses possibilités et constituent l'un des grands défis que l'Église doit affronter. Le scénario que nous présentons ici – qui, au début, caractérisait uniquement le monde industrialisé – est capable, aujourd'hui, d'influencer aussi de larges parties des pays en voie de développement. De nos jours, il n'existe aucun lieu au monde qui ne puisse être atteint et, donc, être influencé par la culture médiatique et numérique qui se structure toujours plus comme étant le « lieu » de la vie publique et de l'expérience sociale. La diffusion de cette culture porte en soi des bénéfices certains : un plus grand accès aux informations, davantage de possibilités de connaissance et d'échanges, de nouvelles formes de solidarité, de capacité de construire une culture toujours plus de dimension mondiale, faisant des valeurs et des meilleures expressions de la pensée et de l'expression humaine le patrimoine de tous. Toutefois, ces potentialités ne peuvent cacher les risques qu'engendre déjà la diffusion excessive d'une telle culture. On constate une concentration égocentrique profonde sur soi et sur les besoins individuels uniquement ; l'affirmation d'une exaltation de la dimension émotive dans la structuration des rapports et des liens sociaux. On assiste à la perte de valeur objective de l'expérience de la réflexion et de la pensée qui, dans de nombreux cas, se trouve réduite à un simple lieu de confirmation du sentiment de chacun ; ainsi qu'à la diffusion d'une aliénation progressive de la dimension éthique et politique de la vie qui réduit l'altérité au rôle fonctionnel de miroir et de spectateur des actions de la personne. L'aboutissement auquel ces risques peuvent conduire est ce qui est appelé la culture de l'éphémère, de l'immédiat, de l'apparence, c'est-à-dire une société incapable d'avoir une mémoire et un futur. Dans un tel contexte, la nouvelle évangélisation demande aux chrétiens qu'ils aient l'audace d'habiter ces « nouveaux aréopages », en trouvant les instruments et les itinéraires permettant de pouvoir faire entendre aussi dans ces lieux ultramodernes le patrimoine éducatif et de sagesse conservé par la tradition chrétienne.[\[24\]](#)

Un quatrième scénario dont les changements marquent l'action évangélisatrice de l'Église est la scène économique. D'innombrables fois, le Magistère des Souverains Pontifes a dénoncé les déséquilibres croissants entre le Nord et le Sud du monde quant à l'accès et à la distribution des ressources, ou encore les dommages à la création. La crise économique dans laquelle nous nous trouvons – une crise toujours en acte – signale le problème de l'utilisation des forces matérielles, qui ne parvient pas à trouver les règles d'un marché mondial capable de protéger une vie en commun plus juste.[\[25\]](#) Bien que la communication médiatique quotidienne réserve toujours moins de place à une lecture de ces problèmes à partir de la voix des pauvres, on attend encore beaucoup des Églises en termes de sensibilisation et d'action concrète.

Un cinquième scénario est celui de la recherche scientifique et technologique. Nous vivons à une époque qui ne s'est pas encore remise de l'étonnement que suscitent les nombreux objectifs que la recherche a su surmonter dans ces domaines. Nous pouvons tous, dans la vie quotidienne, faire l'expérience des bénéfices qu'apportent ces progrès ; et nous dépendons toujours plus de ces bénéfices. De sorte que la science et la technologie courent le risque de devenir les nouvelles idoles du présent. Dans un contexte numérisé et mondialisé, il est facile de faire de la science notre nouvelle religion, à laquelle adresser des questions de vérité et d'attente de signification, tout en sachant qu'elle ne peut fournir que des réponses partielles et

những khung cảnh và địa điểm trong cuộc sống mà đức tin vắng bóng, không chỉ vì nó bị cắt đứt với môi trường ấy, mà cũng vì nó chưa bao giờ có cuộc gặp gỡ. Vượt qua các biên giới địa lý của các hoạt động truyền giáo trong quá khứ có nghĩa là có khả năng nêu lên câu hỏi về Thiên Chúa vào mọi lúc trong cuộc gặp gỡ được tạo ra bởi sự pha trộn và xây dựng lại cấu trúc xã hội, một hiện tượng đang diễn ra hầu như ở mọi vùng trên thế giới.

Sự pha trộn sâu rộng của các nền văn hoá là cái nền để chúng ta tìm hiểu về khung cảnh lớn thứ ba, là khung cảnh ngày càng quyết định ảnh hưởng trên cuộc đời của các cá nhân và ý thức tập thể, đó là các phương tiện truyền thông xã hội, tuy đang công hiến những khả thể to lớn cho Hội Thánh hôm nay, nhưng chúng cũng đặt ra một trong những thách thức lớn nhất đối với Hội Thánh. Các phương tiện truyền thông này, mặc dù ở giai đoạn đầu chỉ giới hạn vào thế giới công nghiệp, nhưng nay đã có thể ảnh hưởng rộng rãi tới mọi khu vực của các nước đang phát triển. Ngày nay, không một nơi nào trên thế giới mà các phương tiện truyền thông và văn hoá kỹ thuật số không thể vươn tới và tạo ảnh hưởng. Các phương tiện truyền thông xã hội đã mau chóng trở thành “diễn đàn” của đời sống công cộng và sự tương tác xã hội. Chắc hẳn rằng sự phổ biến văn hoá truyền thông này có những lợi ích lớn, gồm việc tiếp cận rộng rãi các thông tin; nhiều cơ hội hơn để hiểu biết, trao đổi và có những hình thức liên đới mới và khả năng xây dựng một “thế giới văn hoá” ngày càng lớn hơn, nhờ đó chúng ta có một di sản chung về các giá trị và một sự phát triển mạnh hơn về tư tưởng và cách diễn tả của con người. Tuy nhiên các tiềm năng này không thể che giấu những nguy cơ nội tại khi người ta đẩy loại văn hoá này tới một thái cực, đó là thái độ tập trung ích kỷ vào bản thân mình và các nhu cầu cá nhân; thái độ quá đề cao các khía cạnh cảm xúc của các mối quan hệ và các ràng buộc xã hội; sự mất đi các giá trị khách quan của kinh nghiệm, suy tư và tư tưởng, những giá trị này nhiều khi bị giản lược vào việc xác nhận các cảm nghĩ cá nhân; sự tha hoá dần dần các chiều kích đạo đức và xã hội của đời sống khiến người ta coi những người khác chỉ như là cái gương hay khán giả của các hành động của bản thân mình; và sau cùng là sự hình thành của một nền văn hoá tập trung vào những cái mới lạ nhất thời, giây phút hiện tại và những vẻ hào nhoáng bề ngoài, trên thực tế là một xã hội không có khả năng nhớ lại quá khứ và không có ý thức về tương lai. Trong khung cảnh này, tân phúc âm hoá có nghĩa là các Kitô hữu cần phải chứng tỏ sự bạo dạn trong những “đấu trường mới” (*aeropaghi*) này, là nơi họ sống hằng ngày, và tìm ra những phương tiện và cách thức để bảo đảm rằng di sản giáo dục và tri thức của Hội Thánh được bảo tồn bởi truyền thống Kitô giáo phải đóng một vai trò trong những môi trường siêu-hiện đại này.²⁴

Khung cảnh thứ tư mà những thay đổi đòi hỏi hoạt động phúc âm hoá của Hội Thánh là lãnh vực kinh tế. Rất nhiều lần các giáo huấn của nhiều vị Giáo Hoàng đã lên tiếng tố giác tình trạng mất cân đối ngày càng tăng giữa bắc và nam bán cầu trong việc tiếp cận các nguồn tài nguyên và việc phân phối chúng, cũng như sự huỷ hoại môi trường. Tình trạng khủng hoảng kinh tế trường kỳ ngày nay cho thấy vấn đề sử dụng các nguồn lực vật chất vẫn chưa tìm ra được những nguyên tắc cho một thị trường toàn cầu có khả năng bảo vệ sự công bằng nhiều hơn trong các mối quan hệ giữa các dân tộc.²⁵ Mặc dù các phương tiện truyền thông ít nhấn mạnh các vấn đề này, nhưng xuất phát từ tiếng kêu của người nghèo, Hội Thánh phải ngày càng ý thức hơn về những mối quan tâm này và có những biện pháp cụ thể để giải quyết chúng.

Khung cảnh thứ năm là lãnh vực nghiên cứu khoa học và kỹ thuật. Chúng ta đang sống ở thời kỳ mà người ta vẫn chưa hết kinh ngạc trước những tiến bộ liên tục về nghiên cứu khoa học và kỹ thuật. Tất cả chúng ta đều kinh nghiệm được những lợi ích của sự tiến bộ này trong đời sống hằng ngày của chúng ta, và chúng ta đang trở nên ngày càng bị lệ thuộc vào chúng. Hậu quả là khoa học và kỹ thuật có nguy cơ trở thành những thần tượng mới ngày nay. Trong một thế giới số và toàn cầu hoá, khoa học có thể dễ dàng được coi như một tôn giáo mới mà chúng ta tìm đến với những câu hỏi liên quan đến sự thật và ý nghĩa, mặc dù chúng ta biết

inadéquates. Nous nous trouvons face à la naissance de nouvelles formes de gnoses, qui assument la technique comme une forme de sagesse, à la recherche d'une organisation magique de la vie qui puisse fonctionner comme savoir et comme sens. Nous assistons à l'affirmation de nouveaux cultes. Ceux-ci finalisent, de façon thérapeutique, les pratiques religieuses que les hommes sont disposés à vivre, en se structurant en tant que religions de la prospérité et de la gratification instantanée.

Enfin, le sixième scénario est celui de la politique. Depuis le [Concile Vatican II](#) et jusqu'à nos jours, les mutations survenues peuvent, à juste titre, être qualifiées d'historiques. Le monde occidental n'est plus divisé en deux blocs, à partir de la crise de l'idéologie communiste. Ce qui a facilité la liberté religieuse et la possibilité, pour les Églises historiques, de se réorganiser. L'arrivée sur la scène mondiale de nouveaux acteurs de l'économie, de la politique et de la religion – comme le monde islamique, le monde asiatique – a donné naissance à une situation inédite et totalement inconnue, riche en potentialités mais aussi en risques et en nouvelles tentations de domination et de pouvoir. Et c'est sur cette scène que doivent se mouvoir l'engagement pour la paix, le développement et la libération des peuples ; l'amélioration des formes de gouvernement mondial et national ; la construction de formes possibles d'écoute, de vie en commun, de dialogue et de collaboration entre les différentes cultures et religions ; la sauvegarde des droits de l'homme et des peuples, en particulier ceux des minorités ; la promotion des plus faibles ; la protection de la création et l'engagement pour l'avenir de notre planète : tels sont les thèmes et les secteurs que doit éclairer la lumière de l'Évangile.

7. En chrétiens face à ces nouveaux scénarios

Face à de tels changements, il est naturel que la première réaction soit une réaction d'égarement et de peur, lorsque nous nous trouvons confrontés à des transformations qui interpellent notre identité et notre foi, déjà dans leurs fondements. Il devient naturel d'assumer cette attitude critique de discernement maintes fois rappelé par le Pape [Benoît XVI](#), lorsqu'il nous invite à développer une relecture du présent à partir de la perspective d'espérance que le christianisme apporte comme un don.^[26] En réapprenant ce qu'est l'espérance, les chrétiens pourront apprendre dans le contexte de leurs connaissances et de leurs expériences, en dialoguant avec les autres hommes, en identifiant ce qu'ils peuvent apporter au monde, ce qu'ils peuvent partager, ce qu'ils peuvent assumer pour exprimer mieux encore cette espérance, et sur quels éléments, au contraire, il est juste de ne pas céder. Les nouveaux scénarios avec lesquels nous sommes appelés à nous confronter exigent de développer une critique des styles de vie, des structures de pensée et de valeur, des langages élaborés en vue de la communication. Cette critique devra en même temps aussi fonctionner en tant qu'autocritique du christianisme moderne, qui doit constamment réapprendre à se comprendre soi-même à partir de ses racines.

C'est là que l'instrument de la nouvelle évangélisation trouve sa spécificité et sa force : il faut considérer ces scénarios et ces phénomènes en sachant dépasser le niveau émotionnel du jugement défensif et de peur, pour saisir objectivement les signes de la nouveauté avec, en même temps, les défis et les fragilités. « Nouvelle évangélisation » signifie donc agir dans nos Églises locales pour construire des itinéraires permettant une lecture des phénomènes indiqués précédemment, capable de traduire l'espérance de l'Évangile en des termes réalisables. Ce qui signifie que l'Église se construit en acceptant de se mesurer à ces défis, en devenant toujours plus l'auteur de la civilisation de l'amour.

rằng những câu trả lời chỉ phiến diện và không hoàn toàn làm chúng ta thoả mãn. Đang xuất hiện những hình thức “ngộ đạo” mới, coi kỹ thuật như là một dạng minh triết giúp tìm ra một cơ cấu tổ chức phù phép của đời sống cung cấp cho ta sự hiểu biết và ý nghĩa. Những dạng tôn giáo mới này cứ tăng lên từng ngày và cuối cùng dẫn tới chỗ làm cho việc thực hành tôn giáo trở thành một thứ liệu pháp đem lại sự thịnh vượng và thoả mãn tức thời.

Sau cùng, khung cảnh thứ sáu là đời sống dân sự và chính trị. Có thể mô tả một cách chính xác rằng những thay đổi diễn ra từ sau Công Đồng Vaticanô II là những thay đổi lịch sử. Sự sụp đổ của thế giới cộng sản đã kết thúc thời kỳ thế giới phương Tây bị chia thành hai khối, tạo điều kiện cho sự phát triển tự do tôn giáo và cho các Giáo Hội kỷ cựu tái lập vị thế và cơ cấu của mình. Các lực lượng kinh tế, chính trị và tôn giáo mới đang xuất hiện trong nền chính trị toàn cầu từ những vùng như Châu Á và thế giới Ả Rập. Nó đã tạo ra một tình hình chưa từng có và hoàn toàn không được biết đến, giàu tiềm năng nhưng cũng đầy những nguy cơ và cám dỗ mới về sự thống trị và quyền lực. Trong khung cảnh này, Tin Mừng phải được loan báo bằng những nỗ lực theo các hướng sau đây: bốn phạm tìm kiếm hoà bình; sự phát triển và giải phóng các dân tộc; sự cải thiện thể chế các guồng máy chính quyền quốc tế và quốc gia; việc xây dựng các mô hình giúp cho sự lắng nghe, chung sống, đối thoại và hợp tác giữa các nền văn hoá và tôn giáo khác nhau; sự bảo vệ các quyền của con người, của các dân tộc, và trên hết, của các nhóm thiểu số; nâng đỡ những thành phần dễ bị tổn thương nhất trong xã hội; bảo vệ môi trường và tham gia hoạt động cho tương lai của hành tinh chúng ta.

7. Người Kitô hữu đứng trước tình hình mới này

Một phản ứng tự nhiên trước những thay đổi này có thể là sự hoang mang và sợ hãi, vì những lúc giao thời này khiến chúng ta đặt câu hỏi về căn tính của mình và về chính nền tảng của đức tin chúng ta. Tuy nhiên, vào những lúc như thế, thái độ hợp lý sẽ là nghe theo những lời kêu gọi thường được Đức Bênêđictô XVI gióng lên, đó là tham gia vào một cuộc phân định có phê phán về tình hình và đọc lại thời điểm hiện tại trong ánh sáng đức cậy Kitô giáo.²⁶ Học lại ý nghĩa đức cậy giúp cho người Kitô hữu khám phá ra họ có thể cống hiến gì trong thế giới họ đang sống qua những cuộc gặp gỡ, chia sẻ kinh nghiệm và đối thoại với người khác; có thể chia sẻ gì trong tiến trình này và có thể diễn tả đức cậy này thế nào cho hiệu quả hơn để dẫn tới lòng kiên trì. Các khung cảnh mới mà chúng ta được mời gọi đối diện cũng đòi chúng ta phát triển một sự phê bình đối với những phong cách sống, những cơ cấu tư tưởng và giá trị, những ngôn ngữ được khai thác cho hoạt động truyền thông. Sự phê bình này đồng thời cũng phải là một sự tự phê bình về Kitô giáo ngày nay, vốn cần phải liên tục học lại để hiểu chính mình từ những nền tảng của mình.

Hoạt động trên tạo cho cuộc tân phúc âm hoá một sắc thái và sức mạnh riêng. Cuộc tân phúc âm hoá này phải xét đến những bối cảnh hiện nay của đời sống, quan sát những gì đang diễn ra và biết cách vượt qua một phản ứng tự vệ và sợ hãi ban đầu để thu thập những dấu chỉ về những điều gì là mới cùng với những thách thức và những điểm yếu tiềm tàng trong chúng. Vì vậy, một cuộc tân phúc âm hoá có nghĩa là làm việc trong các Giáo Hội địa phương của chúng ta để soạn ra một kế hoạch đánh giá những hiện tượng nói trên thế nào để có thể truyền bá Tin Mừng hi vọng một cách thực tế. Trong tiến trình này, Hội Thánh tự xây dựng mình bằng cách chấp nhận những thách thức và ngày càng trở thành những người kiến tạo văn minh của tình thương.

Một cuộc “tân phúc âm hoá” cũng có nghĩa là dũng cảm nêu vấn đề về Thiên Chúa trong bối cảnh của những vấn đề này, nhờ đó thoả mãn tính chuyên biệt của sứ mạng Hội Thánh và chúng tỏ rằng viễn tượng Kitô giáo soi sáng cho những vấn đề lớn của lịch sử một cách độc đáo như thế nào. Tân phúc âm hoá kêu gọi chúng ta đi vào đối thoại với những bối cảnh này,

Plus encore, « nouvelle évangélisation » signifie avoir l'audace de mettre la question sur Dieu au sein de ces problèmes, en réalisant la spécificité de la mission de l'Église et en mettant ainsi en évidence la façon dont la perspective chrétienne illumine les grands problèmes de l'histoire d'une manière inédite. La nouvelle évangélisation nous demande de nous confronter à ces scénarios en ne restant pas enfermés dans les limites de nos communautés et de nos institutions, mais en acceptant le défi de pénétrer dans ces phénomènes, pour prendre la parole et apporter notre témoignage du dedans. C'est là la forme qu'assume la *martyria* chrétienne dans le monde moderne, en acceptant la confrontation avec aussi les récentes formes d'athéisme agressif ou de sécularisme extrême, qui entend éliminer de la vie de l'homme la question de Dieu.

Dans un tel contexte, « nouvelle évangélisation » signifie, pour l'Église, soutenir avec conviction l'effort de voir tous les chrétiens unis pour montrer au monde la force prophétique et transformatrice du message évangélique. La justice, la paix, la vie des peuples en commun, la protection de la création sont des mots qui ont marqué l'itinéraire œcuménique de ces dernières décennies. Tous les chrétiens réunis les offrent au monde comme des lieux où mettre en évidence la question de Dieu dans la vie des hommes. En effet, ces mots prennent leur sens le plus authentique uniquement à la lumière et sur l'arrière-plan de la parole d'amour que Dieu a eue pour nous, dans son Fils Jésus-Christ.

8. « Nouvelle évangélisation » et besoin de spiritualité

Cet effort d'insérer la question de Dieu parmi les problèmes de l'homme d'aujourd'hui intercepte le retour du besoin religieux et de spiritualité qui ressort avec une force renouvelée, à partir des jeunes générations. Les changements de scénarios que nous avons analysés jusqu'ici ne pouvaient pas ne pas influencer aussi la façon dont les hommes donnent voix et corps à leur sentiment religieux. L'Église catholique elle-même est touchée par ce phénomène, qui offre des ressources et des occasions d'évangélisation inespérées il y a quelques décennies. Les grands rassemblements mondiaux de la jeunesse, les pèlerinages vers des lieux anciens et nouveaux de dévotion, le printemps des mouvements et des associations ecclésiales sont des signes visibles d'un sentiment religieux qui ne s'est pas éteint. Dans ce contexte, la « nouvelle évangélisation » demande à l'Église qu'elle sache discerner les signes de l'Esprit à l'œuvre, en orientant et en éduquant ses expressions en vue d'une foi adulte et consciente « *qui réalise la plénitude du Christ* » (Ep 4, 14).^[27] Outre les groupes récemment créés – fruit prometteur de l'Esprit Saint – l'une des tâches importantes dans la nouvelle évangélisation concerne la vie consacrée, dans ses formes anciennes et nouvelles. Il faut rappeler que tous les grands mouvements d'évangélisation des deux mille ans du christianisme sont liés à des formes de radicalisme évangélique.

C'est dans ce contexte que vient s'insérer la rencontre et le dialogue avec les grandes traditions religieuses, en particulier celles orientales, que l'Église a appris à vivre dans les dernières décennies et qu'elle continue d'intensifier. Cette rencontre se propose comme une occasion prometteuse pour apprendre à connaître et à confronter la forme et les langages du besoin religieux telle qu'elle se présente dans d'autres expériences religieuses. Elle permet au catholicisme de comprendre plus en profondeur les façons dont la foi chrétienne écoute et assume le besoin religieux de chaque homme.

9. Nouvelles façons d'être Église

Ces nouvelles conditions de la mission nous laissent percevoir qu'en fin de compte le terme « nouvelle évangélisation » indique l'exigence d'identifier de nouvelles expressions de l'évangélisation permettant d'être Église dans les contextes sociaux et culturels actuels en grand changement. Les figures traditionnelles et affirmées –conventionnellement indiquées

không bó gọn trong các cộng đoàn và các tổ chức của mình, nhưng chấp nhận thách thức dự phần vào những hiện tượng này để nói và làm chứng trong các bối cảnh này với tư cách những người trong cuộc. Đây là hình thức “chứng tá” (*martyria*) Kitô giáo trong thế giới hôm nay, bằng cách chấp nhận đối chất cả với những hình thức mới của chủ nghĩa vô thần hay chủ nghĩa thể tục cực đoan muốn loại bỏ vấn đề Thiên Chúa ra khỏi đời sống con người.

Trong một bối cảnh như thế, “tân phúc âm hoá” đối với Hội Thánh có nghĩa là duy trì một cách thuyết phục sự cố gắng của mình là làm cho mọi Kitô hữu hiệp nhất với nhau để làm chứng cho thế giới thấy sức mạnh tiên tri và biến đổi của sứ điệp Tin Mừng. Công lý, hoà bình, cuộc sống chung giữa các dân tộc và sự bảo vệ môi trường là những nét đặc trưng đã đánh dấu hành trình đại kết của mấy thập niên qua. Hiệp nhất cùng nhau, các Kitô hữu cống hiến cho thế giới những điều ấy như là những nơi để chúng ta làm rõ vấn đề về Thiên Chúa trong đời sống con người. Thật vậy, những điều này chỉ có được ý nghĩa đích thực nhất của chúng trong ánh sáng và dựa trên cơ sở của lời tình yêu mà Thiên Chúa ban cho chúng ta trong Con của Người là Đức Giêsu Kitô.

8. “Tân phúc âm hoá” và nhu cầu linh đạo

Cố gắng nêu vấn đề về Thiên Chúa trong bối cảnh những vấn đề của con người thời nay một lần nữa đưa chúng ta tới sự ý thức về nhu cầu tôn giáo và linh đạo. Sự ý thức này đã bắt đầu xuất hiện với một sức mạnh mới, bắt đầu với những thế hệ trẻ. Những thay đổi trong các bối cảnh vừa nêu trên ảnh hưởng một cách tất yếu tới cách người ta nói và thực hành ý thức tôn giáo của họ. Chính Hội Thánh Công Giáo cũng chịu ảnh hưởng bởi hiện tượng này, nó cống hiến các nguồn lực và cơ hội cho việc rao giảng Tin Mừng đã được xét đến từ mấy thập niên trước. Các đại hội quốc tế giới trẻ, các cuộc hành hương đến các thánh điện xưa và nay và sự nở rộ các phong trào và các hiệp hội của Hội Thánh là những dấu hiệu rõ ràng về một cảm thức tôn giáo luôn luôn hiện hữu. Trong bối cảnh này, việc “tân phúc âm hoá” đòi Hội Thánh biết cách nhận ra những dấu chỉ của Chúa Thánh Thần đang hoạt động, hướng dẫn và giáo dục dân chúng theo những biểu hiện của Thánh Thần để đạt tới một đức tin sáng suốt và trưởng thành, “cho đến khi tất cả chúng ta đạt tới sự hiệp nhất trong đức tin và trong sự nhận biết Con Thiên Chúa, tới tình trạng con người trưởng thành, tới tâm vóc viên mãn của đức Kitô.” (Ep 4:13).²⁷ Ngoài những nhóm mới được hình thành và là hoa quả đầy triển vọng của Thánh Thần, đời sống thánh hiến theo kiểu truyền thống và theo kiểu mới cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc tân phúc âm hoá, đặc biệt khi chúng ta nhớ lại rằng trong lịch sử hai ngàn năm của Kitô giáo, tất cả các phong trào lớn về rao giảng Tin Mừng đều được gắn liền với các hình thức sống tinh thần triệt để của Tin Mừng.

Cũng nằm trong cùng bối cảnh này là các cuộc gặp gỡ và đối thoại với các truyền thống tôn giáo lớn, đặc biệt các tôn giáo phương Đông, các hoạt động này đã được Hội Thánh thực hiện trong những thập niên gần đây và còn đang tiếp tục được tăng cường. Sự đối thoại này là một cơ hội đầy triển vọng để học và so sánh để thấy cho thế giới các tôn giáo khác quan niệm vấn đề tôn giáo như thế nào, nhờ đó Kitô giáo có thể hiểu biết sâu hơn về những cách thức mà đức tin Kitô giáo có thể lắng nghe và đáp lại cảm thức tôn giáo của mỗi người.

9. Các phương thức mới để “là Hội Thánh”

Các hoàn cảnh mới này trong sứ mạng của Hội Thánh làm chúng ta nhận ra rằng, rốt cuộc, thành ngữ “tân phúc âm hoá” đòi phải tìm ra những phương thức mới để rao giảng Tin Mừng hầu có thể “là Hội Thánh” trong những tình hình xã hội và văn hoá không ngừng thay đổi hôm nay. Kiểu phân chia truyền thống đã có từ lâu về sự phân chia thế giới thành “các nước Kitô giáo” và “các xứ truyền giáo”, mặc dù nó cho chúng ta một khái niệm rõ ràng,

par « pays de chrétienté » et « terres de mission » –, d'un concept clair, laissent désormais percevoir leurs limites. Elles sont trop simples et se réfèrent à un contexte sur le point d'être dépassé, pour pouvoir fonctionner en tant que modèles de référence pour la construction des communautés chrétiennes d'aujourd'hui. Il faut que la pratique chrétienne guide la réflexion dans un lent travail de construction d'un nouveau modèle d'être Église, qui évite les écueils du sectarisme et de « la religion civile » et permette – dans un contexte post-idéologique comme celui d'aujourd'hui – de continuer à garder la forme d'une Église missionnaire. Autrement dit, dans le cadre de la variété de ses figures, l'Église a besoin de ne pas perdre le visage d'Église « domestique, populaire ». Dans des contextes de minorité et de discrimination aussi, l'Église ne peut pas perdre sa capacité d'être proche de la vie quotidienne des personnes, pour annoncer à partir de là le message vivifiant de l'Évangile. Comme l'affirmait le Pape [Jean-Paul II](#), « nouvelle évangélisation » signifie refaire le tissu chrétien de la société humaine, en recomposant le tissu des communautés chrétiennes elles-mêmes;[\[28\]](#) cela signifie aider l'Église à toujours être présente « au milieu des maisons de ses fils et de ses filles »,[\[29\]](#) pour animer leur vie et l'orienter vers le Royaume qui vient.

Dans ce travail de discernement, une aide importante peut venir des Églises catholiques orientales et de toutes les communautés chrétiennes qui, dans un passé récent, ont vécu ou vivent encore l'expérience de la clandestinité, de la persécution, de la marginalisation, qui sont victimes de l'intolérance ethnique, idéologique ou religieuses. Leur témoignage de foi, leur ténacité, leur capacité de résistance, la solidité de leur espérance, l'intuition de certaines de leurs pratiques pastorales sont des dons à partager avec ces communautés chrétiennes qui, bien qu'ayant derrière elles un passé glorieux, vivent un présent fait de difficultés et de dispersion. Pouvoir écouter des expériences qui leur insufflent cette confiance indispensable à l'élan qu'exige la nouvelle évangélisation constitue certainement un don pour les Églises peu habituées à vivre leur foi dans des situations de minorité.

Le temps d'une nouvelle évangélisation est venu aussi pour l'Occident, où nombreux sont ceux qui, tout en ayant été baptisés, vivent totalement en-dehors de la vie chrétienne et toujours plus de personnes conservent, certes, quelques liens avec la foi, mais qui en connaissent peu ou mal les fondements. Souvent, l'image que l'on a de la foi chrétienne est déformée par la caricature et par les lieux communs diffusés par la culture, dans une attitude de détachement indifférent, sinon de contestation ouverte. Le temps d'une nouvelle évangélisation est venu pour cet Occident où « des pays et des nations entières – où la religion et la vie chrétienne étaient autrefois on ne peut plus florissantes et capables de faire naître des communautés de foi vivante et active – sont désormais mis à dure épreuve et parfois même radicalement transformés par la diffusion incessante de l'indifférence religieuse, de la sécularisation et de l'athéisme. Il s'agit en particulier des pays et des nations de ce qu'on appelle le Premier Monde, où le bien-être économique et la course à la consommation, même s'ils côtoient des situations effrayantes de pauvreté et de misère, inspirent et alimentent une vie vécue comme si Dieu n'existait pas ».[\[30\]](#)

Les communautés chrétiennes doivent savoir – de façon responsable et courageuse – assumer ce besoin de renouveau que le changement du contexte culturel et social pose à l'Église. Elles doivent apprendre à habiter et à gérer cette longue transition de figure, en ayant toujours comme point de référence le commandement d'évangéliser.

10. Première évangélisation, sollicitude pastorale, nouvelle évangélisation

Le devoir missionnaire par lequel se termine l'Évangile (cf. *Mc* 16, 15 et suiv.; *Mt* 28, 19 et suiv.; *Lc* 24, 48 et suiv.) est bien loin d'être terminé ; il est entré dans une nouvelle étape. Le

nhưng bây giờ được coi là hạn hẹp, quá đơn sơ và không còn áp dụng được cho tình hình hiện nay, nên không thể dùng làm tiêu chuẩn trong việc xây dựng các cộng đồng Kitô giáo nữa. Ngược lại, đời sống và việc thực hành Kitô giáo phải hướng dẫn suy tư này trong một tiến trình kiên trì để xây dựng những mô hình mới để “là Hội Thánh”, sao cho tránh được nguy cơ của chủ nghĩa bè phái và một “tôn giáo dân sự”, và giúp cho Hội Thánh, trong kỷ nguyên hậu-ý thức hệ hôm nay, có thể tiếp tục giữ vững căn tính của mình như là một Hội Thánh truyền giáo. Nói khác đi, giữa các mô hình khác nhau của mình, Hội Thánh không được đánh mất hình ảnh của mình như là “người nhà” và “Dân của Thiên Chúa”. Cả ở những nơi mà Hội Thánh chỉ là một thiểu số hay bị kỳ thị, Hội Thánh không được đánh mất khả năng giữ mối tiếp xúc gần gũi với dân chúng trong đời sống hàng ngày của họ, để loan báo tại đó sứ điệp ban sự sống của Tin Mừng. Theo lời Đức Gioan Phaolô II, “tân phúc âm hoá” có nghĩa là xây dựng lại cơ cấu Kitô giáo của xã hội loài người và cơ cấu của chính các cộng đồng Kitô giáo,²⁸ và giúp Hội Thánh tiếp tục hiện diện “dưới mái nhà của các con cái của mình”²⁹ hầu sinh động hoá đời sống họ và dẫn đưa họ tới Nước Chúa đang đến.

Trong công việc phân định, có thể tìm thấy sự trợ giúp rất lớn từ các Giáo Hội Công Giáo Phương Đông cũng như các cộng đồng Kitô giáo mà trong quá khứ đã trải nghiệm hay nay còn đang trải nghiệm một đời sống ảm đạm, bị bách hại, bị gạt ra bên lề hay phải chịu sự bất bao dung về chủng tộc, ý thức hệ hay tôn giáo. Chứng tá của họ về đức tin, sự kiên trì, dũng cảm, lòng cậy trông không lay chuyển và trực giác của một số việc thực hành mục vụ của họ là những hồng ân cần phải được chia sẻ với những cộng đồng Kitô giáo đã từng có một quá khứ huy hoàng nhưng nay đang phải trải qua một thời kỳ thử thách gian nan. Đối với các Giáo Hội không quen sống đức tin của mình trong những hoàn cảnh họ là một thiểu số, thì việc lắng nghe kinh nghiệm của các Giáo Hội nói trên chắc chắn là một món quà đổ vào lòng họ sự tin tưởng cần thiết trong các cố gắng của việc tân phúc âm hoá.

Thời điểm cũng đã đến cho việc tân phúc âm hoá tại phương Tây, nơi mà nhiều người đã chịu phép Rửa Tội đang sống nếp sống hoàn toàn phi Kitô giáo và ngày càng có nhiều người tuy vẫn còn ràng buộc phần nào với đức tin nhưng ít hiểu biết hay hiểu sai đức tin ấy. Nhiều khi đức tin bị một số nền văn hoá trình bày một cách châm biếm hay dửng dưng, thậm chí còn có sự nghi kỵ ra mặt. Đây là lúc để thực hiện cuộc tân phúc âm hoá ở phương Tây. “Nhiều nước và nhiều dân tộc mà trước kia tôn giáo và đời sống Kitô hữu rất phồn thịnh và có khả năng nuôi dưỡng một cộng đồng đức tin bền vững và hoạt động, thì nay đang bị rơi vào thử thách nặng nề, và trong một số trường hợp thậm chí đang trải qua một sự biến đổi triệt để do hậu quả của sự lan tràn thái độ dửng dưng tôn giáo, chủ nghĩa tục hoá và chủ nghĩa vô thần. Tình trạng này đặc biệt liên quan đến các nước và các dân tộc của Thế Giới Thứ Nhất, là nơi mà sự thịnh vượng và chủ nghĩa hưởng thụ, thậm chí giữa cảnh đói nghèo và khốn khổ của những người khác, đang khuyến khích và duy trì một cuộc sống ‘như thể Thiên Chúa không hiện hữu.’”³⁰

Với tinh thần trách nhiệm và sự dũng cảm, các cộng đồng Kitô giáo phải biết cách đáp ứng cuộc canh tân này mà Hội Thánh cần phải làm, do những thay đổi đang diễn ra về văn hoá và xã hội. Họ phải học cách thiết kế và thi hành tiến trình chuyển đổi kiên trì tới các mô hình mới, đồng thời luôn lấy lệnh truyền rao giảng Tin Mừng làm điểm tham chiếu.

10. Phúc âm hoá ban đầu, chăm sóc mục vụ và cuộc tân phúc âm hoá

Huấn lệnh truyền giáo ở cuối các sách Tin Mừng (Mc 16:15tt; Mt 28:19tt; Lc 24:48tt; Cv 1:8) không thể được coi là đã hoàn tất; nó chỉ bước sang một giai đoạn mới. Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II nói rằng “không thể xác định rõ nét các đường ranh giữa *chăm sóc mục vụ cho giáo dân, tân phúc âm hoá và hoạt động truyền giáo chuyên biệt*, và ta không được phép

Pape [Jean-Paul II](#) déjà rappelait que « les frontières de la *charge pastorale des fidèles*, de la *nouvelle évangélisation* et de *l'activité missionnaire spécifique* ne sont pas nettement définissables et on ne saurait créer entre elles des barrières ou une compartimentation rigide. [...] Les Églises de vieille tradition chrétienne, par exemple, aux prises avec la lourde tâche de la nouvelle évangélisation, comprennent mieux qu'elles ne peuvent être missionnaires à l'égard des non-chrétiens d'autres pays ou d'autres continents si elles ne se préoccupent pas sérieusement des non-chrétiens de leurs pays: l'esprit missionnaire *ad intra* est un signe très sûr et un stimulant pour l'esprit missionnaire *ad extra*, et réciproquement ».[\[31\]](#) L'identité chrétienne et l'Église sont missionnaires, ou alors elles n'existent pas. Celui qui aime sa foi se souciera aussi d'en témoigner, de l'apporter à autrui et de permettre à d'autres d'y participer. Le manque de zèle missionnaire est un manque de zèle pour la foi. Au contraire, celle-ci devient plus forte lorsqu'elle se transmet. Le texte du Pape semble vouloir traduire le concept de nouvelle évangélisation en une question critique et assez directe: sommes-nous intéressés à transmettre la foi et à lui gagner de nombreux non-chrétiens? La mission nous tient-elle vraiment à cœur ?

La nouvelle évangélisation est le nom qui est donné à cette nouvelle attention de l'Église à sa mission fondamentale, à son identité et à sa raison d'être. Aussi est-elle une réalité qui ne touche pas seulement des régions bien définies ; elle est le chemin qui permet d'expliquer et de traduire dans la pratique l'héritage apostolique dans notre temps, et pour notre temps. Avec le programme de la nouvelle évangélisation, l'Église veut introduire son thème le plus originel et spécifique dans le monde contemporain et dans la discussion actuelle: l'annonce du Royaume de Dieu, qui a commencé en Jésus-Christ. Aucune situation ecclésiale ne peut se sentir exclue d'un tel programme: les Églises chrétiennes d'ancienne fondation, avec le problème de l'abandon pratique de la foi chez nombre de personnes; et les Églises nouvelles, aux prises avec des itinéraires d'inculturation qui exigent d'être vérifiés en permanence pour parvenir non seulement à introduire l'Évangile – qui purifie et élève ces cultures – mais surtout à les ouvrir à sa nouveauté. De façon plus générale, toutes les communautés chrétiennes, engagées dans la pratique d'une pastorale qui semble toujours plus difficile à gérer et court le risque de devenir une routine peu capable de communiquer les raisons pour lesquelles elle est née.

Nouvelle évangélisation signifie alors mission ; elle demande d'être capable de repartir, de dépasser les frontières, d'élargir les horizons. La nouvelle évangélisation est le contraire de se suffire à soi-même et du repli sur soi, de la mentalité du *status quo* et d'une conception pastorale selon laquelle il suffit de faire comme on a toujours fait. Aujourd'hui, le « *business as usual* » ne suffit plus. Comme certaines Églises locales se sont engagées à l'affirmer, il est temps que l'Église appelle ses communautés chrétiennes à une conversion pastorale au sens missionnaire de leur action et de leurs structures.[\[32\]](#)

Questions

Nos communautés chrétiennes vivent aujourd'hui des périodes de profonds changements de leurs figures ecclésiales et sociales :

1. Quelles sont les caractéristiques principales de ces changements dans nos Églises locales ?
2. De quelle façon sont vécues les caractéristiques d'une Église missionnaire, d'une Église capable de vivre dans le quotidien des personnes, d'une Église « parmi les maisons de ses fils et de ses filles » ?

dựng lên những rào chắn giữa chúng hay chia cắt chúng thành những khoang biệt lập. [...] Chẳng hạn, các Giáo Hội có truyền thống Kitô giáo lâu đời và phải đương đầu với nhiệm vụ nặng nề của việc tân phúc âm hoá thì đang hiểu rõ hơn rằng họ không thể là những người truyền giáo cho những người ngoài Kitô giáo tại các nước và các lục địa khác nếu họ không quan tâm thật sự đến những người ngoài Kitô giáo tại chính quê hương họ. Vì vậy hoạt động truyền giáo trong nước (*ad intra*) là một dấu hiệu đáng tin và là mối kích thích cho hoạt động truyền giáo ở nước ngoài (*ad extra*), và ngược lại.”³¹ Là Kitô hữu và “là Hội Thánh” có nghĩa là truyền giáo, nếu không thì không là gì cả. Yêu mến đức tin của mình thì phải làm chứng cho đức tin, đưa đức tin đến với người khác và để người khác tham dự vào đức tin ấy. Thiếu nhiệt huyết truyền giáo là thiếu nhiệt tình với đức tin. Ngược lại, đức tin được kiện cường nhờ truyền bá nó. Những lời của Đức Giáo Hoàng về tân phúc âm hoá có thể chuyển dịch thành một câu hỏi khá trực tiếp và mang tính quyết định: “Chúng ta có quan tâm tới việc truyền bá đức tin và dẫn đưa những người ngoài Kitô giáo đến với đức tin không?” “Chúng ta có thực sự là những người truyền giáo tự đáy lòng mình không?”

“Tân phúc âm hoá” là tên gọi được dành cho kế hoạch của Hội Thánh muốn thể hiện một cách mới mẻ sứ mạng cơ bản của Hội Thánh, căn tính và lý do hiện hữu của Hội Thánh. Vì vậy, kế hoạch này không bị giới hạn vào những vùng nào đó được xác định rõ rệt, nhưng là một cách để cắt nghĩa và đem ra thực hành di sản tông đồ trong thời đại chúng ta và cho thời đại chúng ta. Trong kế hoạch tân phúc âm hoá, Hội Thánh ao ước đem sứ điệp độc đáo của mình vào thế giới hôm nay và vào trong cuộc thảo luận hiện nay: loan báo Nước Thiên Chúa đã được khai mở trong Chúa Giêsu Kitô. Không một thành phần nào trong Hội Thánh được miễn khỏi kế hoạch này. Các Giáo Hội Kitô kỳ cựu phải xem xét vấn đề nhiều người đã bỏ thực hành đức tin; còn các Giáo Hội trẻ hơn, qua tiến trình hội nhập văn hoá, phải không ngừng có những biện pháp giúp mình đưa Tin Mừng vào đời sống hằng ngày, tiến trình này không những tinh luyện và nâng cao các nền văn hoá, mà trên hết còn giúp cho các nền văn hoá mở ra trước sự mới mẻ của Tin Mừng. Nói chung, mọi cộng đoàn Kitô giáo phải tái hiện mình cho chương trình chăm sóc mục vụ mà nay xem ra đang trở nên khó khăn hơn và có nguy cơ rơi vào tình trạng *làm cho có lệ* và vì thế kém khả năng thông truyền những mục đích nguyên thủy của nó.

Tân phúc âm hoá thì đồng nghĩa với truyền giáo; nó đòi hỏi khả năng khởi hành lại một cách mới mẻ, vượt qua các ranh giới và mở rộng chân trời. Tân phúc âm hoá thì ngược với thái độ tự mãn, khép kín hay náo trạng *status quo*, “giữ nguyên như cũ”; nó cũng ngược với ý nghĩ cho rằng các chương trình mục vụ cứ việc tiến hành giống như trong quá khứ. Ngày nay, một thái độ “cứ làm như bình thường” không còn thích hợp nữa. Một số Giáo Hội địa phương mà đã dẫn mình vào cuộc canh tân đều tái xác nhận rằng bây giờ là lúc để Hội Thánh kêu gọi mọi cộng đoàn Kitô đánh giá việc thực hành mục vụ của họ dựa trên nét đặc trưng truyền giáo của các chương trình và hoạt động của họ.³²

Câu hỏi

Các cộng đoàn Kitô giáo chúng ta nay đang trải nghiệm những thay đổi sâu xa trong Hội Thánh và xã hội.

1. Đây là những đặc điểm chính của những thay đổi này trong các Giáo Hội địa phương của chúng ta?
2. Hội Thánh thể hiện như thế nào vai trò truyền giáo của mình trong việc tham dự vào đời sống hằng ngày của dân chúng, “nơi mái nhà của các con cái của mình”?
3. Cuộc tân phúc âm hoá đã có thể tái tạo sinh lực và tái sinh động hoá cuộc phúc âm hoá lần đầu hay các chương trình mục vụ đã có như thế nào? Tân phúc âm hoá đã

3. De quelle façon la nouvelle évangélisation a-t-elle su redonner vie et élan à la première évangélisation ou à la pastorale déjà en cours? Comment a-t-elle aidé à vaincre les fatigues qui émergent dans la vie quotidienne de nos Églises locales ?

4. Quels discernements, quelles lectures de la situation présente dans les différentes Églises locales ont-ils été réalisés à la lumière de la nouvelle évangélisation ?

Le monde connaît actuellement des changements profonds, qui engendrent de nouveaux scénarios et de nouveaux défis pour le christianisme. Six scénarios ont été présentés ici : culturel (la sécularisation), social (le brassage des peuples), médiatique, économique, scientifique et politique. Ces scénarios ont été expressément décrits de façon générale et uniforme.

5. Quelle figure spécifique ont-ils assumé dans le contexte des différentes Églises locales ?

6. De quelle façon ces scénarios ont-ils provoqué une réaction dans la vie des Églises locales ? Comment ont-ils influencé leur vie ?

7. Quelles questions et quels défis ont-ils posés ? Quelles réponses ont été élaborées ?

8. Quels ont été les principaux obstacles et les plus grandes difficultés rencontrés en insérant la question de Dieu dans les thèmes du moment ?

Une importance particulière a été accordée au scénario religieux.

9. Quelles sont les transformations subies par la façon qu'ont les personnes de vivre leur expérience religieuse ?

10. Quels sont les nouveaux besoins de spiritualité, les nouveaux besoins religieux naissants ? Voit-on s'affirmer de nouvelles traditions religieuses ?

11. Comment les communautés chrétiennes sont-elles touchées par l'évolution du scénario religieux ? Quelles sont les principales difficultés ? Les nouvelles opportunités ?

La nouvelle évangélisation est la transformation que l'Église sait imaginer pour continuer de vivre sa mission d'annonce dans le cadre de ces nouveaux scénarios.

12. Quelle est la forme assumée par la nouvelle évangélisation dans les Églises locales ?

13. Quel contenu, quelle forme a pris l'audace qui caractérise la nouvelle évangélisation ? Quelle énergie a-t-elle su insuffler à la vie ecclésiale et pastorale ?

14. Pour indiquer quelles actions et quelles dimensions de la vie et de la dimension de l'Église ?

15. Comment les Églises locales sont-elles parvenues à assumer et à faire leur la demande du Pape [Jean-Paul II](#), réitérée à maintes reprises, de s'approprier « une nouvelle évangélisation : nouvelle dans son ardeur, dans ses méthodes, dans ses expressions » ?

16. Comment la célébration d'Assemblées synodales continentales ou régionales a-t-elle aidé les communautés chrétiennes à élaborer un programme de nouvelle évangélisation ?

giúp khắc phục như thế nào sự mệt mỏi và vất vả phát sinh từ cuộc sống hằng ngày của các Giáo Hội địa phương chúng ta?

4. Chúng ta đã tìm ra được điều gì từ việc đánh giá hiện tình của các Giáo Hội địa phương trên quan điểm tân phúc âm hoá?

Thế giới đang trải qua những thay đổi quan trọng dẫn đến những tình hình mới và những thách thức mới đối với Kitô giáo. Sáu bối cảnh chịu ảnh hưởng của sự thay đổi đã được trình bày: văn hoá (hiện tượng tục hoá), xã hội (sự trà trộn giữa các dân tộc), phương tiện truyền thông đại chúng, kinh tế, khoa học và đời sống dân sự. Những bối cảnh này đã được mô tả một cách tổng quát và đồng bộ.

5. Đây là những hiệu ứng chuyên biệt của những thay đổi này tại các Giáo Hội địa phương?
6. Những bối cảnh này đã tương tác như thế nào trong đời sống các Giáo Hội địa phương? Chúng đã ảnh hưởng thế nào tới đời sống của các Giáo Hội ấy?
7. Chúng đã đặt ra những câu hỏi và thách thức nào? Các Giáo Hội địa phương đã có những câu trả lời nào?
8. Đây là những trở ngại chính và những cố gắng khó khăn nhất để nêu vấn đề về Thiên Chúa trong thảo luận ngày nay? Kết quả thế nào?

Sự lưu tâm đặc biệt dành cho bối cảnh tôn giáo

9. Có những thay đổi gì đã diễn ra trong các kinh nghiệm tôn giáo của dân chúng?
10. Đã xuất hiện những khía cạnh mới nào trong các nhu cầu linh đạo và tôn giáo? Có đang xuất hiện những truyền thống tôn giáo mới nào không?
11. Các cộng đoàn Kitô giáo chịu ảnh hưởng thế nào bởi các thay đổi trong bối cảnh tôn giáo? Có những khó khăn chính nào? Những cơ hội mới nào?

Trong cuộc tân phúc âm hoá, Hội Thánh phải được biến đổi trong cách suy nghĩ của mình để có thể tiếp tục thực thi sứ mạng loan báo Tin Mừng trong các bối cảnh mới này.

12. Mô tả những hình thức mà cuộc tân phúc âm hoá đã sử dụng trong các Giáo Hội địa phương.
13. Sự mạnh bạo vốn là đặc trưng của cuộc tân phúc âm hoá đã được bộc lộ như thế nào? Nó đã khơi dậy sức mạnh nào cho đời sống Hội Thánh và mục vụ?
14. Khía cạnh nào trong đời sống và hoạt động của Hội Thánh cần đến sự mạnh bạo này?
15. Các Giáo Hội địa phương đã hưởng ứng và thực thi thế nào lời kêu gọi của Đức Gioan Phaolô II về “một cuộc tân phúc âm hoá: mới về nhiệt tình, về phương pháp và cách biểu hiện”?
16. Việc cử hành các đại hội Thượng Hội Đồng cấp châu lục và cấp vùng đã hỗ trợ các cộng đoàn Kitô giáo thế nào trong việc xây dựng một kế hoạch cho cuộc tân phúc âm hoá?

CHAPITRE II

PROCLAMER L'ÉVANGILE DE JÉSUS-CHRIST

« Allez par le monde entier, proclamez la Bonne Nouvelle à toute la création » (Mc 16, 15)

11. La rencontre et la communion avec le Christ : but de la transmission de la foi

Le mandat missionnaire que les disciples ont reçu du Seigneur (cf. Mc 16, 15) contient une référence explicite à la proclamation et à l'enseignement de l'Évangile (« *leur apprenant à observer tout ce que je vous ai prescrit* » Mt 28, 20). L'apôtre Paul se présente comme « *apôtre [... choisi] pour annoncer l'Évangile de Dieu* » (Rm 1, 1). La tâche de l'Église consiste donc à réaliser la *treditio Evangelii*, l'annonce et la transmission de l'Évangile, qui est « *une force de Dieu pour le salut de tout homme qui croit* » (Rm 1, 16) et qui en dernière instance s'identifie avec Jésus-Christ (cf. 1 Co 1, 24).^[33] Parlant d'Évangile, nous ne devons pas penser seulement à un livre ou à une doctrine; l'Évangile est beaucoup plus : c'est une Parole vivante et efficace, qui met en pratique ce qu'elle dit. Ce n'est pas un système d'articles de foi et de préceptes moraux, et encore moins un programme politique, mais bien une personne : Jésus-Christ comme Parole définitive de Dieu, faite homme.^[34] L'Évangile est Évangile de Jésus-Christ : et même, Jésus-Christ est son contenu. Bien plus, ce dernier est aussi, à travers l'Esprit Saint, le promoteur et le sujet primaire de son annonce, de sa transmission. L'objectif de la transmission de la foi est donc de réaliser cette rencontre avec Jésus-Christ, dans l'Esprit, pour arriver à faire l'expérience de son Père et du nôtre.^[35]

Transmettre la foi signifie créer en tout lieu et en tout temps la condition pour qu'arrive cette rencontre entre les hommes et Jésus-Christ. La foi comme rencontre avec la personne du Christ a la forme de la relation avec lui, de la mémoire de Lui (dans l'Eucharistie) et de la formation en nous de la mentalité du Christ, dans la grâce de l'Esprit. Comme le Pape [Benoît XVI](#) l'a réaffirmé : « À l'origine du fait d'être chrétien, il n'y a pas une décision éthique ou une grande idée, mais la rencontre avec un événement, avec une Personne, qui donne à la vie un nouvel horizon et par là son orientation décisive. [...] Comme Dieu nous a aimés le premier (cf. 1 Jn 4, 10), l'amour n'est plus seulement un commandement, mais il est la réponse au don de l'amour par lequel Dieu vient à notre rencontre ».^[36] L'Église même prend forme justement à partir de la réalisation de cette tâche d'annonce de l'Évangile et de transmission de la foi chrétienne.

L'issue espérée de cette rencontre est d'insérer les hommes dans la relation du Fils avec son Père pour sentir la force de l'Esprit. Le but de la transmission, celui de l'évangélisation, est de conduire « *par lui au Père dans l'Esprit* » (cf. Ep 2, 18);^[37] c'est là l'expérience du Dieu chrétien. Dans cette perspective, transmettre la foi dans le Christ signifie créer les conditions pour une foi pensée, célébrée, vécue et priée : cela signifie insérer dans la vie de l'Église.^[38] Il s'agit là d'une structure de transmission très enracinée dans la Tradition ecclésiale. C'est à celle-ci que se réfère aussi le *Catéchisme de l'Église Catholique*, tout comme le *Compendium du Catéchisme* lui-même, qui l'assume pour la soutenir, la décliner, la relancer.^[39]

CHƯƠNG II

LOAN BÁO TIN MỪNG ĐỨC GIÊSU KITÔ

“Anh em hãy đi khắp tứ phương thiên hạ, loan báo Tin Mừng cho mọi loài thọ tạo.”
(Mc 16:15)

11. Gặp gỡ và kết hiệp mật thiết với Đức Kitô, mục tiêu của truyền bá Đức Tin

Huấn lệnh truyền giáo mà các môn đệ lãnh nhận từ Chúa Giêsu (x. Mc 16:15) có một sự ám chỉ về việc loan báo và giảng dạy Tin Mừng (“dạy bảo họ tuân giữ những điều Thầy đã truyền cho anh em” (Mt 28:20). Thánh Phaolô Tông Đồ tự giới thiệu là “*tông đồ*, [... dành riêng] để loan báo Tin Mừng của Thiên Chúa. (Rm 1:1). Vì vậy, Hội Thánh có nhiệm vụ thể hiện *Traditio Evangelii*, loan báo và truyền bá Tin Mừng, “là sức mạnh Thiên Chúa dùng để cứu độ bất cứ ai có lòng tin” (Rm 1:16), và là chính Đức Giêsu Kitô (x. 1 Cr 1:24).³³ Khi nói đến Tin Mừng, chúng ta không được chỉ nghĩ về nó như là một cuốn sách hay một tập hợp các lời giáo huấn. Tin Mừng là một cái gì nhiều hơn nữa; nó là một Lời sống động và linh nghiệm, nói điều gì thì điều đó trở thành hiện thực. Tin Mừng không chỉ là một hệ thống các điều khoản đức tin và giới răn đạo đức, càng không phải là một chương trình chính trị, mà là một con người: Đức Giêsu Kitô, Lời của Thiên Chúa đã làm người.³⁴ Tin Mừng là Tin Mừng của Đức Giêsu Kitô. Tuy nhiên, Tin Mừng không chỉ lấy Đức Giêsu Kitô làm nội dung, nhưng hơn thế nữa, nhờ Chúa Thánh Thần, Đức Giêsu Kitô cũng là người cổ vũ và là tâm điểm của việc rao giảng và truyền bá Tin Mừng. Do đó, mục tiêu của truyền bá đức tin là thể hiện một cuộc gặp gỡ cá vị với Đức Giêsu Kitô, trong Thánh Thần, nhờ đó dẫn đưa chúng ta tới một trải nghiệm về Cha của Người và Cha của chúng ta.³⁵

Truyền bá đức tin có nghĩa là tạo ra ở mọi nơi và mọi thời những điều kiện để có thể có cuộc gặp gỡ cá vị với Chúa Giêsu Kitô. Gặp gỡ đức tin với con người Đức Giêsu Kitô là có mối quan hệ với Người, “tưởng nhớ đến Người” (trong Thánh Thể), và có lối suy nghĩ như Người, nhờ ơn Chúa Thánh Thần. Như Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI đã tái khẳng định: “Trở thành Kitô hữu không phải là kết quả của một sự lựa chọn đạo đức hay của một ý tưởng cao cả, nhưng là sự gặp gỡ với một biến cố, một con người, nó đem sức sống đến cho một chân trời mới và một hướng đi có tính quyết định. [...] Vì Thiên Chúa đã yêu thương chúng ta trước (x. 1 Ga 4:10), nên bây giờ tình yêu không còn chỉ là một ‘mệnh lệnh’; nó là một sự đáp lễ vì món quà tình yêu Thiên Chúa đã ban đến gặp chúng ta.”³⁶ Hội Thánh tự thể hiện mình chính là qua việc thi hành nhiệm vụ loan báo Tin Mừng và truyền bá đức tin Kitô giáo.

Sự gặp gỡ thân mật này giúp cho các cá nhân chia sẻ mối quan hệ của Chúa Con với Cha của Người và trải nghiệm quyền năng Chúa Thánh Thần. Mục đích của truyền bá đức tin và loan báo Tin Mừng là dẫn chúng ta “nhờ Người [Đức Kitô] mà đến với Chúa Cha trong một Thánh Thần duy nhất” (Cl 2:18).³⁷ Đây là cái kinh nghiệm mới mẻ về Thiên Chúa của người Kitô hữu. Từ cái nhìn này, truyền bá đức tin trong Đức Kitô có nghĩa là tạo ra những điều kiện để có một đức tin ý thức, hoan hỉ, được sống và cầu nguyện; tóm lại, nó có nghĩa là dự phần vào đời sống của Hội Thánh.³⁸ Cách truyền bá đức tin này có cơ sở rất vững chắc trong Truyền Thống của Hội Thánh, được trình bày sâu rộng trong sách *Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo* và sách *Giáo Lý Yếu Lược*, cả hai đều triển khai chủ đề tân phúc âm hoá để khuyến khích, cắt nghĩa và tái phát động cách truyền bá đức tin này.³⁹

12. L'Église transmet la foi qu'elle vit elle-même

La transmission de la foi est donc une dynamique très complexe qui implique totalement la foi des chrétiens et la vie de l'Église. On ne peut pas transmettre ce en quoi on ne croit pas et que l'on ne vit pas. Le signe d'une foi enracinée et mûre c'est justement le naturel avec lequel nous la communiquons aux autres. « *Il appelle à lui ceux qu'il voulait [...] pour être ses compagnons et pour les envoyer prêcher* » (Mc 3, 13-14). On ne peut pas transmettre l'Évangile sans avoir à la base un « être » avec Jésus, un vivre avec Jésus l'expérience du Père dans l'Esprit; et, en correspondance, l'expérience de l'«être » pousse à l'annoncer, à proclamer, à partager ce qu'on a vécu, parce que l'ayant expérimenté comme quelque chose de bon, de positif et de beau.

Une telle tâche d'annonce et de proclamation n'est pas réservée à quelqu'un en particulier, à de rares élus. C'est un don fait à chaque homme qui répond avec confiance à l'appel de la foi. La transmission de la foi n'est pas une action spécialisée, devant être attribuée à certains groupes ou à certains individus désignés spécifiquement. C'est l'expérience de chaque chrétien et de toute l'Église qui, dans cette action, redécouvre continuellement sa propre identité, celle d'un peuple réuni par l'appel de l'Esprit, qui nous rassemble de la dispersion de notre quotidien, pour vivre la présence du Christ parmi nous, et découvrir ainsi le véritable visage de Dieu, qui est notre Père. « Les fidèles laïcs sont donc aujourd'hui, en vertu de leur participation à la fonction prophétique du Christ, pleinement engagés dans cette tâche de l'Église. À eux, en particulier, il revient de témoigner que la foi constitue la seule réponse pleinement valable, que tous, plus ou moins consciemment, entrevoient et appellent, aux problèmes et aux espoirs que la vie suscite en chaque homme et en toute société. Cela sera possible si les fidèles laïcs savent surmonter en eux-mêmes la rupture entre l'Évangile et la vie, en sachant créer dans leur activité de chaque jour, en famille, au travail, en société, l'unité d'une vie qui trouve dans l'Évangile inspiration et force de pleine réalisation ».[40]

Action fondamentale de l'Église, la transmission de la foi structure le visage et les actions des communautés chrétiennes.[41] Pour annoncer et diffuser l'Évangile, il faut que l'Église réalise des formes de communautés chrétiennes capables d'articuler rigoureusement les œuvres fondamentales de la vie de foi : charité, témoignage, annonce, célébration, écoute, partage. Il faut concevoir l'évangélisation comme le processus à travers lequel l'Église, mue par l'Esprit, annonce et diffuse l'Évangile dans le monde entier, suivant une logique que la réflexion du Magistère a synthétisée ainsi : « animée par la charité, [l'Église] imprègne et transforme tout l'ordre temporel, en assumant et en renouvelant les cultures. Elle témoigne parmi les peuples de la nouvelle manière d'être et de vivre qui caractérise les chrétiens. Elle proclame explicitement l'Évangile, au moyen de la 'première annonce' en appelant à la conversion. Elle initie à la foi et à la vie chrétienne, par la 'catéchèse' et les 'sacrements d'initiation' ceux qui se convertissent à Jésus-Christ, ou ceux qui recommencent à marcher à sa suite, en incorporant les uns et les autres dans la communauté chrétienne. Elle développe sans arrêt le don de la communion chez les fidèles, par l'éducation permanente de la foi (homélies, autres formes du ministère de la Parole), les sacrements et l'exercice de la charité. Elle ne cesse de promouvoir la mission en envoyant tous les disciples du Christ annoncer l'Évangile, en paroles et en œuvres, dans le monde entier».[42]

13. Parole de Dieu et transmission de la foi

À partir de la célébration du [Concile Vatican II](#), l'Église catholique a redécouvert que cette transmission de la foi comprise comme rencontre avec le Christ se réalise au moyen de l'Écriture Sacrée et de la Tradition vivante de l'Église, sous le guide de l'Esprit Saint.[43] C'est ainsi que l'Église est continuellement régénérée par l'Esprit. C'est ainsi que les nouvelles

12. Hội Thánh truyền bá đức tin mình sống

Truyền bá đức tin là một tiến trình rất phức tạp và năng động, bao trùm toàn thể đức tin của người Kitô hữu và đời sống của Hội Thánh. Cái gì người ta không tin hay không sống thì không thể truyền bá được. Dấu chỉ của một đức tin có cơ sở vững chắc và trưởng thành chính là cách thức tự nhiên để chúng ta truyền đạt nó cho người khác. Đức Kitô “gọi đến với Người những kẻ Người muốn. Và các ông đến với Người. Người lập Nhóm Mười Hai, để các ông ở với Người và để Người sai các ông đi rao giảng” (Mc 3:13.14). Tin Mừng chỉ có thể được truyền đạt dựa trên cơ sở “ở” với Đức Giêsu và sống với Người kinh nghiệm về Chúa Cha, trong Chúa Thánh Thần; và tương tự, “cảm thấy” bị thúc bách phải loan báo và chia sẻ cho người khác điều mình đã sống như là một điều tốt lành, tích cực và đẹp đẽ.

Nhiệm vụ loan báo và rao giảng Tin Mừng không phải là công việc riêng lẻ của một người hay một nhóm tuyển chọn, nhưng là một món quà được ban cho mọi người tin tưởng đáp lại tiếng gọi đức tin. Truyền bá đức tin cũng không phải là công việc chuyên môn được trao cho một nhóm người hay một số cá nhân được chỉ định đặc biệt, mà là một trải nghiệm của mọi Kitô hữu và toàn thể Hội Thánh. Qua công việc này, Hội Thánh liên tục tái khám phá căn tính của mình như là một Dân được hợp nhất bởi tiếng gọi của Thánh Thần, Đấng tập hợp chúng ta lại từ vô số lãnh vực khác nhau của đời sống hằng ngày để trải nghiệm sự hiện diện của Đức Kitô và nhờ đó, khám phá ra Thiên Chúa là Cha. “Vì được tham dự vào sứ mạng tiên tri của Đức Kitô, người giáo dân là thành viên đầy đủ của công việc này của Hội Thánh. Cách riêng, trách nhiệm của họ là làm chứng rằng đức tin Kitô là câu trả lời duy nhất có giá trị đầy đủ—được mọi người nhận ra và phát biểu một cách có ý thức nhiều hay ít—cho các vấn đề và các niềm hi vọng mà cuộc sống đặt ra cho mỗi người và cho xã hội. Việc làm chứng này có thể thực hiện được nếu người giáo dân biết cách khắc phục nơi bản thân mình sự tách rời Tin Mừng với đời sống, và nếu trong các hoạt động hằng ngày trong gia đình, công việc và xã hội, họ tạo được sự thống nhất trong đời sống theo sự soi sáng và sức mạnh thể hiện của Tin Mừng.”⁴⁰

Hoạt động nền tảng của Hội Thánh là truyền bá đức tin, nó là cơ sở cho mô hình và hoạt động của các cộng đồng Kitô giáo.⁴¹ Loan báo và truyền bá Tin Mừng đòi Hội Thánh phải làm hết sức mình để bảo đảm rằng các cộng đồng Kitô có khả năng bộc lộ một cách mạnh mẽ các yếu tố cơ bản của một đời sống đức tin, đó là bác ái, chứng tá, rao giảng, cử hành, lắng nghe và chia sẻ. Rao giảng Tin Mừng cần phải được nhìn như là tiến trình mà qua đó Hội Thánh, dưới sự tác động của Chúa Thánh Thần, loan báo và truyền bá Tin Mừng cho toàn thế giới, hợp với lời dạy của Hội Thánh được tóm lược như sau: “được đức ái thôi thúc, [việc loan báo Tin Mừng] thấm nhuần và biến đổi toàn thể trật tự trần thế, nhận được và đổi mới các nền văn hoá, và làm chứng giữa các dân tộc về cách sống và hiện hữu mới cơ bản đối với căn tính Kitô giáo. Công việc phúc âm hoá công bố Tin Mừng một cách minh nhiên, qua giai đoạn loan báo ban đầu để kêu gọi người ta hoán cải; tiếp đến, qua huấn giáo và các Bí Tích khai tâm, nó dẫn đưa vào đức tin và đời sống Kitô giáo không chỉ những ai được hoán cải theo Đức Kitô, mà cả những ai đã quay trở về con đường đi theo Người, bằng cách tháp nhập cả hai hạng người này vào trong cộng đồng Kitô. Cũng vậy, phúc âm hoá liên tục nuôi dưỡng ơn hiệp thông nơi các tín hữu, qua việc dạy dỗ liên tục về đức tin (các bài giảng và các hình thức huấn giáo khác), qua các bí tích và các việc bác ái, và luôn luôn dẫn đưa họ tới chỗ đảm nhận sứ mạng của Hội Thánh là sai mọi môn đệ của Đức Kitô đi loan báo Tin Mừng cho toàn thế giới qua lời nói và việc làm của họ.”⁴²

13. Lời Thiên Chúa và việc truyền bá đức tin

Kể từ sau Công Đồng Vaticanô II, Hội Thánh Công Giáo đã tái khám phá ra rằng truyền bá đức tin là một cuộc gặp gỡ cá vị với Đức Kitô, được thực hiện nhờ Kinh Thánh và Truyền Thống sinh động của Hội Thánh, dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần.⁴³ Bằng cách này,

génération sont soutenues dans leur itinéraire de rencontre avec le Christ dans son corps, qui trouve sa pleine expression dans la célébration de l'Eucharistie. Le caractère central de cette fonction de transmission de la foi a été relu et mis en relief dans les deux dernières Assemblées synodales sur l'Eucharistie, et en particulier dans celle consacrée à la Parole de Dieu dans la vie et la mission de l'Église. Dans ces deux Assemblées, l'Église a été invitée à réfléchir et à reprendre une pleine conscience de la dynamique profonde qui en soutient l'identité : l'Église transmet la foi qu'elle-même vit, célèbre, professe et témoigne.[44]

Une telle prise de conscience a conféré à l'Église des engagements concrets et des défis avec lesquels mesurer la tâche de transmission qui est la sienne. Le peuple de Dieu doit faire mûrir en soi une plus grande conscience du rôle de la Parole de Dieu, de sa puissance révélatrice qui manifeste l'intention de Dieu envers les hommes, son dessein de salut.[45] Une plus grande attention est nécessaire dans la proclamation de la Parole de Dieu dans les assemblées liturgiques, de même qu'un dévouement plus convaincu à la tâche de la prédication.[46] Il faut une attention plus consciente et une confiance plus convaincue dans le rôle que la Parole de Dieu peut jouer dans la mission de l'Église, aussi bien au moment spécifique de l'annonce du message que dans la position plus réflexive de l'écoute et du dialogue avec les cultures.[47]

Les Pères synodaux ont accordé une attention particulière à l'annonce de la Parole aux nouvelles générations. « En eux [les jeunes], nous trouvons souvent une ouverture spontanée à l'écoute de la Parole de Dieu et un *désir sincère de connaître Jésus*. [...] Cette attention au monde des jeunes implique le courage d'une annonce claire ; nous devons aider les jeunes à acquérir une intimité et une familiarité avec la Sainte Écriture, pour qu'elle soit comme une boussole qui leur indique la route à suivre. C'est pourquoi ils ont besoin de témoins et de maîtres, qui marchent avec eux et qui les forment à aimer et à communiquer à leur tour l'Évangile surtout aux jeunes de leur âge, devenant ainsi eux-mêmes des annonceurs authentiques et crédibles ».[48] De même, les Pères synodaux demandent aux communautés chrétiennes d'«ouvrir des itinéraires d'initiation chrétienne qui, à travers l'écoute de la Parole, la célébration de l'Eucharistie et l'amour fraternel vécu en communauté, puissent acheminer vers une foi toujours plus adulte. Il faut prendre en considération la nouvelle demande qui naît de la mobilité et du phénomène migratoire qui ouvre des nouvelles perspectives d'évangélisation, car les migrants ont non seulement besoin d'être évangélisés mais peuvent être eux-mêmes des agents d'évangélisation ».[49]

En soulignant certains thèmes, la réflexion de l'Assemblée Synodale a exhorté les communautés chrétiennes à vérifier combien l'annonce de la Parole est à la base du devoir de transmettre la foi : « Il est nécessaire donc, de redécouvrir toujours davantage l'urgence et la beauté d'annoncer la Parole, en vue de l'avènement du Règne de Dieu prêché par le Christ lui-même. [...] Nous comprenons tous combien il est nécessaire que la lumière du Christ illumine tous les domaines de l'humanité : la famille, l'école, la culture, le travail, le temps libre et les autres secteurs de la vie sociale. Il ne s'agit pas d'annoncer une parole de consolation, mais une parole de rupture qui invite à la conversion, qui rend possible la rencontre avec Dieu, germe d'une humanité nouvelle ».[50]

14. La pédagogie de la foi

La transmission de la foi ne se fait pas seulement avec les paroles: elle exige un rapport avec Dieu à travers la prière qui est la foi elle-même à l'œuvre. Et, dans cette éducation à la prière, la liturgie est décisive, avec son propre rôle pédagogique, dans lequel le sujet éduquant est Dieu lui-même et où le vrai éducateur à la prière est l'Esprit Saint.

Hội Thánh liên tục được tái sinh bởi Chúa Thánh Thần. Cũng thế, các thể hệ mới nhận được sự nâng đỡ từng giây từng phút trong cuộc gặp gỡ của họ với Đức Kitô trong Nhiệm Thể của Người, cuộc gặp gỡ được diễn tả đầy đủ nhất trong cử hành Thánh Thể. Trọng tâm của công cuộc truyền bá đức tin đã được đánh giá lại và làm nổi bật trong hai đại hội thường kỳ gần đây nhất, một về chủ đề Thánh Thể và một về Lời Chúa trong đời sống và sứ mạng của Hội Thánh. Trong hai kỳ đại hội này của Thượng Hội Đồng, Hội Thánh được kêu gọi suy tư và ý thức đầy đủ về tiến trình năng động và sâu xa giúp củng cố căn tính của mình: Hội Thánh truyền bá đức tin mình đang sống, cử hành, tuyên xưng và làm chứng.⁴⁴

Sự ý thức này bao hàm những trách nhiệm và thách thức thật sự mà Hội Thánh phải đối đáp ứng trong hoạt động truyền bá đức tin của mình. Hội Thánh là Dân Thiên Chúa phải phát triển một ý thức lớn hơn giữa các thành viên của mình về vai trò và sức mạnh của Lời Chúa trong việc mặc khải và biểu hiện ý định của Thiên Chúa đối với loài người và kế hoạch cứu độ của Người.⁴⁵ Cần thể hiện việc loan báo Lời Chúa một cách chăm chú hơn trong các cuộc cử hành phụng vụ, cũng như cần có sự xác tín và chuyên tâm hơn trong nhiệm vụ rao giảng.⁴⁶ Cần có sự chăm chú, xác tín và tin tưởng đối với vai trò của Lời Chúa trong sứ mạng của Hội Thánh, cả trong thời gian đang được dành cho việc rao giảng sứ điệp cứu rỗi cũng như trong những lúc suy tư qua việc lắng nghe và đối thoại với các nền văn hoá.⁴⁷

Các nghị phụ Thượng Hội Đồng đã đặc biệt lưu tâm tới việc loan báo lời Chúa cho các thể hệ tương lai. “Chúng ta thường xuyên gặp nơi họ một thái độ cởi mở tự nhiên với việc nghe Lời Chúa và ước muốn chân thành được biết Chúa Giêsu. [...] Quan tâm tới giới trẻ đòi chúng ta phải can đảm và rõ ràng khi công bố sứ điệp; chúng ta cần giúp giới trẻ có sự tin cậy và gần gũi với Kinh Thánh, để Kinh Thánh trở thành chiếc la bàn định hướng con đường họ phải đi. Giới trẻ cần những chứng nhân và thầy dạy có khả năng đồng hành với họ, dạy họ yêu mến và chia sẻ Tin Mừng, đặc biệt với các bạn đồng trang lứa, nhờ đó họ có thể trở thành những sứ giả trung thực và đáng tin.”⁴⁸ Cũng thế, các nghị phụ kêu gọi các cộng đoàn Kitô “nghĩ ra các phương thức khai tâm Kitô giáo có khả năng giúp tăng trưởng đức tin, qua việc lắng nghe Lời, cử hành Thánh Thể và đời sống yêu thương huynh đệ. Cũng cần lưu ý đến những vấn đề mới nảy sinh từ tình trạng di chuyển nhiều hơn của các dân tộc và hiện tượng di dân đang mở ra những chân trời mới trong việc rao giảng Tin Mừng. Những người di cư không những cần phải được rao giảng Tin Mừng mà cũng cần phải được huấn luyện để chính họ trở thành những người rao giảng Tin Mừng.”⁴⁹

Đại hội Thượng Hội Đồng cũng đặc biệt kêu gọi các cộng đồng Kitô giáo kiểm chứng xem việc loan báo Lời Chúa đã được họ đặt làm nền tảng của nhiệm vụ truyền bá đức tin tới mức nào. “Vì vậy, chúng ta phải càng ngày càng khám phá ra sự cấp bách và vẻ đẹp của việc loan báo Lời Chúa, hầu cho Vương Quyền của Thiên Chúa mà chính Đức Kitô đã rao giảng mau ngự đến. [...] Tất cả chúng ta hiểu rằng ánh sáng của Đức Kitô cần phải chiếu sáng biết bao trên mọi lãnh vực của đời sống con người: gia đình, nhà trường, văn hoá, lao động, nghỉ ngơi và mọi khía cạnh khác của đời sống xã hội. Đây không phải là loan báo một lời an ủi, nhưng là một Lời khuấy động, kêu gọi hoán cải để dẫn đến cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa, từ đó một nhân loại mới có thể đâm bông.”⁵⁰

14. Khoa sự phạm đức tin

Truyền bá đức tin không chỉ bằng lời nói mà thôi; nó đòi hỏi một sự tiếp xúc với Thiên Chúa bằng cầu nguyện, đó là đức tin hành động. Với các yếu tố sự phạm của nó, phụng vụ có vai trò quyết định trong việc giáo dục đời sống cầu nguyện, vì ở đây người giáo huấn là chính Thiên Chúa và người thầy đích thực về cách thức cầu nguyện là Chúa Thánh Thần.

L'Assemblée Générale Ordinaire du Synode des Évêques consacrée à la catéchèse avait reconnu comme don de l'Esprit – outre à la floraison, par nombre et dévouement, des catéchistes – la maturation constatée dans les méthodes que l'Église a su élaborer pour réaliser la transmission de la foi, pour permettre aux hommes de vivre la rencontre avec le Christ.^[51] Ce sont des méthodes fondées sur l'expérience qui impliquent la personne. Il s'agit de méthodes plurielles qui, de façon différenciée, activent les facultés des individus, leur insertion dans un groupe social, leurs attitudes, leurs demandes et leurs recherches. Ces méthodes assument l'inculturation comme instrument propre.^[52] Pour éviter le risque de dispersion et de confusion présent dans une situation pluraliste et en évolution permanente, le Pape [Jean-Paul II](#) a accueilli, dans ce contexte, une instance des Pères synodaux et en a fait une règle : la pluralité des méthodes dans la catéchèse peut être signe de vitalité et de génialité, si chacune de ces méthodes sait intérioriser et faire sienne une loi fondamentale, celle de la double fidélité, à Dieu et à l'homme, dans une même attitude d'amour.^[53]

En même temps, le Synode sur la catéchèse avait à cœur de ne pas disperser les bénéfiques et les valeurs reçues d'un passé marqué par le souci de garantir une transmission de la foi systématique, intégrale, organique et hiérarchisée.^[54] C'est pourquoi le Synode a relancé deux instruments fondamentaux pour la transmission de la foi : la catéchèse et le catéchuménat. Grâce à eux, l'Église transmet la foi de façon active, elle la sème dans les cœurs des catéchumènes et des « catéchisants » pour féconder leurs expériences les plus profondes. En germant et en grandissant durant le processus catéchétique, la profession de foi reçue de l'Église (*traditio*), revient (*redditio*) enrichie par les valeurs des différentes cultures. Le catéchuménat se transforme ainsi en un centre fondamental de croissance de la catholicité et un ferment de renouveau ecclésial.^[55]

La relance de ces deux instruments – catéchèse et catéchuménat – devait servir à donner une épaisseur à celle qui a été désignée avec le terme de « pédagogie de la foi ».^[56] C'est à ce terme qu'est confiée la tâche de dilater le concept de catéchèse, en l'étendant aussi à celui de transmission de la foi. À partir du Synode sur la catéchèse, celui-ci est désormais compris comme le processus de transmission de l'Évangile, tel que la communauté chrétienne l'a reçu, le comprend, le célèbre, le vit et le communique.^[57] « La catéchèse d'initiation ne peut être un fait circonstanciel ou occasionnel ; apprentissage de la vie chrétienne, elle va au-delà d'un simple enseignement – tout en l'incluant – ; essentielle, elle porte sur ce qui est 'ordinaire' pour le chrétien, sans aborder les questions disputées ni se transformer en recherche théologique. Enfin, initiation, elle incorpore dans la communauté qui vit, célèbre et témoigne de la foi. Elle accomplit donc en même temps des tâches d'initiation, d'éducation et d'instruction. Cette richesse, inhérente au catéchuménat des adultes non-baptisés, doit inspirer les autres formes de catéchèse ».^[58]

Le catéchuménat nous est ainsi offert comme le modèle que l'Église a récemment assumé pour donner une forme à ses processus de transmission de la foi. Relancé par le [Concile Vatican II](#),^[59] le catéchuménat a été assumé dans nombre de projets de réorganisation et de relance de la catéchèse, comme modèle paradigmatique de structuration de cette tâche évangélisatrice. Le [Directoire général pour la Catéchèse](#) en synthétise ainsi les éléments portants, laissant entrevoir les raisons pour lesquelles tant d'Églises locales se sont inspirées de ce paradigme pour réorganiser leurs pratiques d'annonce et de génération à la foi, en établissant même un nouveau modèle, le « catéchuménat post-baptismal »:^[60] il rappelle constamment à toute l'Église la fonction de l'initiation à la foi. Il rappelle la responsabilité de la communauté chrétienne dans son entièreté. Au centre de tout l'itinéraire, il met le mystère de la Pâque du Christ. Il fait de l'inculturation le principe de son propre fonctionnement pédagogique ; il est imaginé comme un véritable processus formatif.^[61]

Đại hội Thường Kỳ lần thứ IV của Thượng Hội Đồng về đề tài huấn giáo đã nhìn nhận rằng, bên cạnh sự gia tăng con số và sự tận tụy của các giáo lý viên, huấn giáo là một hồng ân của Chúa Thánh Thần, và Hội Thánh đã đề ra những phương pháp truyền bá đức tin để đưa người ta tới gặp Đức Kitô.⁵¹ Dưới những hình thức khác nhau, các phương pháp này bao hàm các khả năng của các cá nhân, mối liên kết của họ trong một nhóm xã hội, các thái độ, các câu hỏi và công việc tìm kiếm của họ. Đó là những công cụ thích hợp cho việc hội nhập văn hóa.⁵² Để tránh sự phân tán và hoang mang trong đà phát triển ngày càng tăng và đa hướng của việc hội nhập văn hóa, Đức Gioan Phaolô II đã lấy một nhận xét của các nghị phụ làm nguyên tắc: Sự đa dạng của các phương pháp trong huấn giáo có thể là một dấu hiệu tích cực của sức sống và sự bổ sung cho nhau, nếu mỗi phương pháp biết cách nội tâm hóa và đi theo một qui luật cơ bản, qui luật kép về sự trung thành với Thiên Chúa và trung thành với con người, trong một cách tiếp cận duy nhất là tình yêu.⁵³

Đồng thời, Thượng Hội Đồng về huấn giáo đặc biệt lưu ý không để mất đi những ích lợi và những giá trị của quá khứ, vì vậy cần phải bảo đảm việc truyền đạt đức tin được thực hiện một cách có hệ thống, toàn vẹn, có tổ chức và có thứ tự.⁵⁴ Do đó, Thượng Hội Đồng đề nghị lại hai công cụ cơ bản của việc truyền bá đức tin: huấn giáo và thời kỳ dự tòng. Bằng cách này, Hội Thánh truyền đạt đức tin một cách chủ động, gieo đức tin vào lòng những người dự tòng và người học giáo lý để làm cho các kinh nghiệm của họ đạt hiệu quả đặc biệt. Việc tuyên xưng đức tin mà Hội Thánh được trao ban (*traditio*), sẽ được ban lại (*redditio*) trong tiến trình huấn giáo và được trở nên phong phú hơn nhờ những giá trị của các nền văn hóa khác nhau. Như vậy, thời kỳ dự tòng được chuyển hóa thành một trung tâm tăng trưởng cơ bản về công giáo tính và là vườn ươm cho sự canh tân Hội Thánh.⁵⁵

Việc tái phát động hai công cụ này—huấn giáo và thời kỳ dự tòng—phải tạo hình cho “khoa sư phạm đức tin”,⁵⁶ một thuật ngữ được sử dụng với mục đích mở rộng nội dung của ý niệm huấn giáo để bao gồm việc truyền bá đức tin. Từ sau Thượng Hội Đồng về huấn giáo, nay huấn giáo đã được hiểu như là chính tiến trình truyền bá Tin Mừng như cộng đoàn Kitô giáo đã lãnh nhận, hiểu, cử hành và truyền thông Tin Mừng.⁵⁷ “Huấn giáo trong giai đoạn khai tâm, vừa bao quát vừa có hệ thống, không thể chỉ giới hạn vào dịp này hay hoàn cảnh này, bởi vì trên thực tế, huấn giáo là sự đào luyện cho cả đời sống Kitô giáo. Huấn giáo không chỉ bao gồm sự dạy dỗ nhưng còn vượt qua sự dạy dỗ, bằng việc hướng đến những ‘yếu tố cơ bản’ của căn tính Kitô giáo, trong khi tránh những đề tài gây tranh cãi và không trở thành một dạng nghiên cứu thần học. Sau cùng, vì là một phần của công việc khai tâm, huấn giáo dự tòng dẫn tới sự tháp nhập vào cộng đoàn đang sống, cử hành và làm chứng đức tin, nhờ đó nó hoàn tất công việc khai tâm, giáo dục và dạy dỗ cùng một trật. Sự phong phú nội tại này của thời kỳ dự tòng của những người lớn chưa rửa tội phải được dùng để gợi hứng cho các hình thức huấn giáo khác.”⁵⁸

Do đó, thời kỳ dự tòng trở thành mô hình mà gần đây Hội Thánh đã chọn làm khuôn mẫu cho việc truyền bá đức tin. Sau khi được nhấn mạnh trở lại trong Công Đồng Vaticanô II,⁵⁹ thời kỳ dự tòng đã được sử dụng trong việc tổ chức lại và canh tân nhiều chương trình huấn giáo, và được lấy làm khuôn mẫu cho cấu trúc của việc rao giảng Tin Mừng. Cuốn *Chi Nam Huấn Giáo Tổng Quát* đã tổng hợp những yếu tố quan trọng trong nhiệm vụ này, đồng thời cho thấy những lý do tại sao rất nhiều Giáo Hội địa phương đã sử dụng khuôn mẫu này trong việc tái cấu trúc hoạt động loan báo Tin Mừng và truyền bá đức tin, và trên thực tế đã đạt đến một khuôn mẫu mới gọi là “thời kỳ huấn giáo sau Rửa Tội” (*post-baptismal catechumate*),⁶⁰ là một sự nhắc nhở liên tục cho toàn thể Hội Thánh về tiến trình dẫn vào đức tin và trách nhiệm của toàn thể cộng đoàn Kitô giáo. Hệ quả là khuôn mẫu mới này đặt Màu Nhiệm Vượt Qua của Đức Kitô ở trung tâm của mọi chương trình của Hội Thánh; coi hội nhập văn hóa là bước sơ phạm đầu tiên, và cho thấy nó là một tiến trình đào luyện đích thực và thích hợp.⁶¹

15. Les Églises locales, sujets de la transmission

Le sujet de la transmission de la foi c'est l'Église tout entière, qui se manifeste dans les Églises locales. L'annonce, la transmission et l'expérience vécue de l'Évangile se réalisent en elles. Bien plus, les Églises locales elles-mêmes, outre à être le sujet, sont aussi le fruit de cette action d'annonce de l'Évangile et de transmission de la foi, comme nous le rappelle l'expérience des premières communautés chrétiennes (cf. *Ac* 2, 42-47): l'Esprit réunit les croyants autour des communautés qui vivent leur foi avec ferveur, se nourrissant de l'écoute de la parole des Apôtres et de l'Eucharistie, et vivant pour annoncer le Royaume de Dieu. Le [Concile Vatican II](#) fixe cette description comme fondement de l'identité de toute communauté chrétienne, quand il affirme que « l'Église du Christ est vraiment présente en toutes les légitimes assemblées locales de fidèles qui, unies à leurs pasteurs, reçoivent, dans le Nouveau Testament, eux aussi, le nom d'Églises. Elles sont, en effet, chacune à sa place, le peuple nouveau appelé par Dieu dans l'Esprit Saint et dans une grande assurance (cf. *1 Th* 1, 5). En elles, les fidèles sont rassemblés par la prédication de l'Évangile du Christ, le mystère de la Cène du Seigneur est célébré *'pour que, par le moyen de la Chair et du Sang du Seigneur, se resserre, en un seul Corps, toute la fraternité'* ». [\[62\]](#)

La vie concrète de nos Églises a pu avoir la chance, dans le domaine de la transmission de la foi et plus en général de l'annonce, d'une réalisation concrète et souvent exemplaire de cette affirmation du Concile. Le nombre de chrétiens qui, au cours des dernières décennies, se sont engagés de façon spontanée et gratuite dans l'annonce et la transmission de la foi a été vraiment important et a marqué la vie de nos Églises locales comme un véritable don de l'Esprit à nos communautés chrétiennes. Les actions pastorales liées à la transmission de la foi sont devenues un lieu qui a permis à l'Église de se structurer à l'intérieur des différents contextes sociaux locaux, en montrant la richesse et la variété des rôles et des ministères qui la composent et en animent la vie quotidienne. Autour de l'évêque, on a vu fleurir le rôle des prêtres, des parents, des religieux, des catéchistes, des communautés, chacun avec une responsabilité et une compétence propres. [\[63\]](#)

À côté des dons et des aspects positifs, il faut toutefois enregistrer aussi les défis que la nouveauté de la situation et les évolutions qui la caractérisent posent à de nombreuses Églises locales : le nombre réduit de prêtres rend le résultat de leur action moins incisif de ce qu'il serait souhaitable. La lassitude et l'épuisement vécus par tant de familles affaiblissent le rôle des parents. Le niveau trop faible de partage rend évanescence l'influence de la communauté chrétienne. Le risque existe que le poids d'une action aussi importante et fondamentale retombe seulement sur la personne des catéchistes, accablés par l'importance de la tâche qui leur est confiée et par la solitude où ils se trouvent pour la réaliser.

Comme il a été rappelé au premier point, le climat culturel et la situation de lassitude dans lesquels se trouvent nombre de communautés chrétiennes risquent d'affaiblir la capacité d'annonce, de transmission et d'éducation à la foi de nos Églises locales. La question de l'apôtre Paul – « *comment croire [...] sans prédicateur ?* » (*Rm* 10, 14) – apparaît très concrète de nos jours. Dans une telle situation, il faut reconnaître comme un don de l'Esprit la fraîcheur et les énergies que la présence de groupes et de mouvements ecclésiaux ont pu inspirer dans cette tâche de transmission de la foi. En même temps, on est appelé à travailler pour que ces fruits puissent transmettre et communiquer leur élan à ces formes de catéchèse et de transmission de la foi qui ont perdu leur ardeur originale.

16. Rendre raison : le style de la proclamation

Le contexte actuel demande donc aux Églises locales un élan nouveau, un nouvel acte de confiance en l'Esprit qui les guide, afin qu'à nouveau elles assument avec joie et ferveur la

15. Các Giáo Hội địa phương: Chủ thể truyền bá đức tin

Chủ thể truyền bá đức tin là toàn thể Hội Thánh được biểu hiện nơi các Giáo Hội địa phương, nơi thể hiện việc loan báo, truyền đạt và sống kinh nghiệm Tin Mừng. Hơn nữa, ngoài việc thi hành nhiệm vụ này, các Giáo Hội địa phương cũng là kết quả của hoạt động loan báo Tin Mừng và truyền bá đức tin, như được thấy trong kinh nghiệm của các cộng đoàn Kitô hữu tiên khởi (x. Cv 2:42-47). Chúa Thánh Thần qui tụ các tín hữu thành những cộng đoàn nhiệt tình sống đức tin của họ, một đức tin được nuôi dưỡng nhờ việc nghe lời giảng dạy của các tông đồ, nhờ Thánh Thể và nhờ đời sống cộng đoàn hết lòng phục vụ việc loan báo Nước Thiên Chúa. Công Đồng Vaticanô II đã dùng cùng một cách nói ấy để diễn tả căn tính cơ bản của mỗi cộng đoàn Kitô hữu: “Giáo Hội Chúa Kitô thực sự hiện diện trong mọi cộng đoàn tín hữu địa phương hợp pháp. Những cộng đoàn này, vì hợp nhất với các chủ chăn, nên trong Tân Ước cũng được gọi là Giáo Hội. Thực vậy, trong phần đất mình, mỗi đoàn thể là Dân Tộc mới được Thiên Chúa mời gọi trong Thánh Thần và trong sự viên mãn hoàn toàn (x. 1Tx 1:5). Nơi các cộng đoàn ấy, tín hữu được tụ họp lại nhờ sự rao giảng Tin Mừng Chúa Kitô và mẫu nhiệm Tiệc Thánh Chúa được cử hành, để ‘nhờ Thịt và Máu Chúa, tất cả kết thành huynh đệ và thành một thân thể.’”⁶²

Đời sống trong các Giáo Hội của chúng ta có cơ hội phát triển khi coi việc truyền bá đức tin—và việc rao giảng nói chung—như là cách diễn tả cụ thể và mẫu mực lời dạy này của Công Đồng. Những thập niên gần đây, rất đông Kitô hữu đã tham gia một cách tự phát và tự nguyện vào việc loan báo và truyền bá đức tin: đây quả là sự kiện quan trọng và là một trải nghiệm về hồng ân của Chúa Thánh Thần cho các cộng đoàn Kitô của chúng ta. Các hoạt động mục vụ gắn liền với việc truyền bá đức tin đã trở thành một môi trường cho phép Hội Thánh dẫn mình vào các khung cảnh xã hội địa phương khác nhau và thể hiện các vai trò và các việc phục vụ phong phú và đa dạng làm cho đời sống hằng ngày của Hội Thánh trở nên sinh động. Xung quanh giám mục, chúng ta thấy phát triển vai trò của các linh mục, cha mẹ, tu sĩ, giáo lý viên và các cộng đoàn, mỗi vai trò có một nhiệm vụ và khả năng riêng.⁶³

Tuy nhiên, bên cạnh các ân huệ và các khía cạnh tích cực, cũng phải ghi nhận những thách thức của tình hình mới này và những biến động mạnh đang diễn ra trong nhiều Giáo Hội địa phương: số linh mục giảm sút khiến cho hoạt động của họ không mang lại những kết quả mong muốn. Tình trạng mệt mỏi và kiệt sức của nhiều gia đình đã làm suy yếu vai trò của các bậc cha mẹ. Sự thiếu chia sẻ trách nhiệm chung trong việc rao giảng Tin Mừng khiến cho ảnh hưởng của cộng đoàn Kitô bị lu mờ và đi đến nguy cơ là gánh nặng của một hoạt động quan trọng và cơ bản như thế được đặt trên vai của một mình người dạy giáo lý, khiến họ trở nên mệt mỏi vì nhiệm vụ quá nặng nề và cảm thấy cô đơn khi thi hành nhiệm vụ này. Như đã được nhắc tới ở điểm một, bầu khí văn hóa và tình trạng mệt mỏi mà nhiều cộng đoàn Kitô đang sống có nguy cơ làm suy yếu khả năng của các Giáo Hội địa phương trong việc loan báo, truyền bá và giáo dục đức tin. Câu hỏi của Thánh Phaolô – “*Làm sao họ tin [...] nếu không có ai rao giảng?*” (Rm 10:14)?” (Rm 10:14) – là câu hỏi rất thực tế đối với chúng ta ngày nay. Trong tình hình như thế, phải nhìn nhận rằng sự hiện diện của các nhóm và các phong trào trong Hội Thánh khơi dậy sự mới mẻ và sinh lực cho nhiệm vụ truyền bá đức tin này quả thực là một ân huệ của Chúa Thánh Thần. Đồng thời, mỗi nhóm và phong trào này được mời gọi cố gắng làm việc để những kết quả này có thể truyền sức bật của chúng cho những hình thức huấn giáo và truyền bá đức tin đã mất niềm hăng say ban đầu.

16. Lý giải đức tin: phong cách rao giảng

Vì vậy bối cảnh hiện nay đòi hỏi các Giáo Hội địa phương một sức bật mới, một hành vi tin tưởng mới vào Chúa Thánh Thần Đấng hướng dẫn họ, để một lần nữa họ hân hoan và hăng say thi hành nhiệm vụ cơ bản mà Chúa Giêsu đã giao cho các môn đệ: loan báo Tin

tâche fondamentale pour laquelle Jésus envoie ses disciples : l'annonce de l'Évangile (cf. *Mc* 16, 15), la prédication du Royaume (cf. *Mc* 3, 15). Il faut que chaque chrétien se sente interpellé par ce commandement de Jésus, qu'il se laisse guider par l'Esprit en y répondant, suivant sa propre vocation. À un moment où le choix de la foi et de la *sequela* du Christ résulte moins facile et peu compréhensible, et même contrastée et entravée, s'accroît la tâche de la communauté et de chaque chrétien d'être les témoins et les hérauts de l'Évangile, comme l'a fait Jésus-Christ.

La logique d'un tel comportement nous est suggérée par l'apôtre Pierre, quand il nous invite à l'apologie, à rendre raison, à « *être toujours prêts à la défense contre quiconque vous demande raison de l'espérance qui est en vous* » (*1 P* 3, 15). Une nouvelle saison pour le témoignage de notre foi, des nouvelles formes de réponse (apo-logie) à qui demande le *logos*, la raison de notre foi, voici les routes que l'Esprit indique à nos communautés chrétiennes : pour nous renouveler nous-mêmes, pour rendre présents de façon plus incisive, dans le monde où nous vivons, l'espérance et le salut que Jésus-Christ nous a donnés. Il s'agit, comme chrétiens, d'apprendre un nouveau style, de répondre « *avec douceur et respect, en possession d'une bonne conscience* » (*1 P* 3, 16), avec cette force indulgente qui vient de l'union avec le Christ dans l'Esprit et avec la détermination de celui qui sait d'avoir comme but la rencontre avec Dieu Père, dans son Royaume.[\[64\]](#)

Ce style doit être un style global, qui embrasse la pensée et l'action, les comportements personnels et le témoignage public, la vie intérieure de nos communautés et leur élan missionnaire, leur attention éducative et leur dévouement attentif envers les pauvres, la capacité de chaque chrétien de prendre la parole dans les contextes où il vit et travaille pour communiquer le don chrétien de l'espérance. Ce style doit faire siennes l'ardeur, la confiance et la liberté de parole (la parousie) qui se manifestaient dans la prédication des Apôtres (cf. *Ac* 4, 31; 9, 27-28) et dont le roi Agrippa fit l'expérience en écoutant Paul : « *Encore un peu et, par tes raisons, tu vas faire de moi un chrétien !* » (*Ac* 26, 28).

Dans un temps où tant de personnes vivent leur vie comme un véritable expérience de « désert de l'obscurité de Dieu, du vide des âmes sans aucune conscience de leur dignité ni du chemin de l'homme », le Pape [Benoît XVI](#) nous rappelle que « l'Église dans son ensemble, et les Pasteurs en son sein, doivent, comme le Christ, se mettre en route, pour conduire les hommes hors du désert, vers le lieu de la vie, vers l'amitié avec le Fils de Dieu, vers Celui qui nous donne la vie, la vie en plénitude ».[\[65\]](#)

Tel est le style que le monde a le droit de trouver dans l'Église, dans les communautés chrétiennes, suivant la logique de notre foi.[\[66\]](#) Un style communautaire et personnel; un style qui interpelle à la vérification les communautés dans leur ensemble mais aussi chaque baptisé, comme nous le rappelle le Pape Paul VI : « à côté de la proclamation de l'Évangile sous forme générale, l'autre forme de sa transmission, de personne à personne, reste valide et importante. [...] Il ne faudrait pas que l'urgence d'annoncer la Bonne Nouvelle aux masses d'hommes fasse oublier cette forme d'annonce par laquelle la conscience personnelle d'un homme est atteinte, touchée par une parole tout à fait extraordinaire qu'il reçoit d'un autre ».[\[67\]](#)

17. Les fruits de la transmission de la foi

Le but de tout le processus de transmission de la foi est l'édification de l'Église en tant que communauté des témoins de l'Évangile. Le Pape Paul VI affirme: « Communauté de

Mừng (x. Mc 16:15), rao giảng Nước Thiên Chúa (x. Mc 3:15). Mỗi Kitô hữu phải cảm thấy mình bị chất vấn bởi lệnh truyền của Chúa Giêsu, hãy để mình được Thánh Thần hướng dẫn khi đáp lại lời chất vấn ấy, tùy theo ơn gọi mỗi người. Ngày nay, khi mà sự lựa chọn đức tin và đi theo Đức Kitô (*sequela*) trở nên khó khăn và khó hiểu hơn, thậm chí bị chống đối và cản trở, thì nhiệm vụ chứng nhân và sứ giả Tin Mừng của toàn thể cộng đoàn và của mỗi Kitô hữu càng phải được đẩy mạnh, như chính Chúa Giêsu Kitô đã làm.

Tính hợp lý của một thái độ như thế đã được Thánh Tông Đồ Phêrô nhắc đến khi ngài kêu gọi chúng ta biện hộ, lý giải, “*luôn luôn sẵn sàng trả lời cho bất cứ ai chất vấn về niềm hi vọng của anh em*” (1P 3:15). Chúa Thánh Thần đang chỉ cho các cộng đoàn Kitô chúng ta thấy các phương thức cần dùng cho một vụ mùa mới của việc làm chứng đức tin, những hình thức lý giải mới cho những ai chất vấn chúng ta về cái *logos*, cái lý của đức tin chúng ta: để đổi mới chính mình, để làm hiện diện trong thế giới chúng ta đang sống niềm hi vọng và ơn cứu độ mà Chúa Giêsu Kitô đã ban cho chúng ta. Là Kitô hữu, chúng ta cần phải học một phong cách mới để “*trả lời cách hiền hòa và với sự kính trọng. [...] giữ lương tâm ngay thẳng*” (1P 3:15), với sức mạnh bao dung do mối kết hợp với Đức Kitô trong Thánh Thần và với quyết tâm của người biết mục đích của mình là sự gặp gỡ với Thiên Chúa Cha, trong Vương Quốc Người.⁶⁴

Đây phải là phong cách bao trùm cả tư tưởng và hành động, cả thái độ cá nhân và chứng tá cộng đồng, cả đời sống bên trong và sức bật truyền giáo của các cộng đoàn chúng ta, cả sự lưu tâm giáo dục và sự tận tụy đối với người nghèo, và khả năng của mọi Kitô hữu biết lên tiếng trong những hoàn cảnh họ sống và làm việc để truyền thông niềm hi vọng Kitô giáo như một ân huệ. Phong cách này phải làm cho họ có nhiệt tình, sự tự tin và tự do ăn nói (*parresia*) như được biểu lộ trong bài giảng của các tông đồ (x. Cv 4:32; 9:27.28) và trong kinh nghiệm của vua Agrippa khi nghe Thánh Phaolô giảng: “Chút nữa là ông thuyết phục được tôi trở thành Kitô hữu rồi đây!” (Cv 26:28).

Thời nay, khi nhiều người đang có những nếp sống thực sự là một trải nghiệm về “sa mạc đêm tối của Thiên Chúa, sự trống rỗng của những tâm hồn không còn ý thức về phẩm giá của đời sống con người”, Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI nhắc nhở chúng ta rằng “Noi gương Chúa Kitô, toàn thể Hội Thánh và mọi Mục Tử của Hội Thánh phải lên đường dẫn đưa người ta ra khỏi sa mạc để đến với đất sự sống, đến với tình bằng hữu với Con Thiên Chúa, đến với Đấng ban cho chúng ta sự sống, và sự sống dồi dào.”⁶⁵

Theo lý lẽ của đức tin chúng ta, thế giới hoàn toàn có quyền được xem thấy phong cách hành động trong Hội Thánh và trong các cộng đoàn Kitô giáo chúng ta,⁶⁶ một phong cách hành động như một cộng đoàn và trên cơ sở người-với-người, phong cách này đòi hỏi các cộng đoàn tự đánh giá mình trong tư cách một tập thể và từng cá nhân tín hữu, như Đức Phaolô VI đã nói: “song song với hình thức loan báo Tin Mừng tập thể, các hình thức khác để truyền bá Tin Mừng, hình thức người-với-người, vẫn còn giá trị và quan trọng. [...] Không thể để cho sự thúc bách của việc loan báo Tin Mừng cho đám đông làm chúng ta quên mất hình thức loan báo này, nó làm cho lương tâm của một cá nhân được chạm tới bởi một lời hoàn toàn kỳ diệu mà cá nhân ấy nhận được từ một người khác.”⁶⁷

17. Những hoa quả của việc truyền bá đức tin

Mục đích của toàn thể tiến trình truyền bá đức tin là xây dựng Hội Thánh như là một cộng đoàn chứng nhân của Tin Mừng. Đức Phaolô VI quả quyết: “Là cộng đoàn tín hữu, cộng đoàn của niềm hi vọng đã được sống và truyền thông, cộng đoàn yêu thương huynh đệ, Hội Thánh cần phải không ngừng nghe điều mình phải tin, các lý do của niềm cậy trông, *giới răn mới của tình thương*. Là Dân Thiên Chúa ngập chìm trong thế giới, và thường bị cám dỗ

croyants, communauté de l'espérance vécue et communiquée, communauté d'amour fraternel, elle a besoin d'écouter sans cesse ce qu'elle doit croire, ses raisons d'espérer, *le commandement nouveau de l'amour*. Peuple de Dieu immergé dans le monde, et souvent tenté par les idoles, elle a toujours besoin d'entendre proclamer les grandes œuvres de Dieu qui l'ont convertie au Seigneur, d'être à nouveau convoquée par lui et réunie. Cela veut dire, en un mot, qu'elle a toujours besoin d'être évangélisée, si elle veut garder fraîcheur, élan et force pour annoncer l'Évangile ». [68]

Les fruits que ce processus ininterrompu d'évangélisation engendre dans l'Église comme signe de la force vivifiante de l'Évangile prennent forme dans la confrontation avec les défis de notre temps. Il est nécessaire d'engendrer des familles qui soient un signe véritable et réel d'amour et de partage, capables d'espérance parce qu'ouvertes à la vie ; il faut la force de construire des communautés douées d'un véritable esprit œcuménique et capables d'un dialogue avec les autres religions; on ressent l'urgence du courage de soutenir des initiatives de justice sociale et de solidarité, mettant le pauvre au centre de l'intérêt de l'Église; il faut souhaiter que donner sa propre vie dans un projet de vocation ou de consécration soit source de joie. Une Église qui transmet sa foi, une Église de la « nouvelle évangélisation » est capable dans tous ces domaines de montrer l'Esprit qui la guide, et qui transfigure l'histoire : l'histoire de l'Église, celle des chrétiens, des hommes et de leurs cultures.

Cette logique de la reconnaissance englobe aussi le courage de dénoncer les infidélités et les scandales qui se vérifient dans les communautés chrétiennes, comme signe et conséquence de moments de fatigue et de lassitude dans cette tâche d'annonce. Le courage de reconnaître les fautes ; la capacité de continuer à témoigner Jésus-Christ tout en racontant notre besoin permanent d'être sauvés, sachant que – comme nous l'enseigne l'apôtre Paul – nous pouvons regarder nos faiblesses car nous reconnaissons la puissance du Christ qui nous sauve (cf. 2 Co 12, 9 ; Rm 7, 14 et suiv.); l'exercice de la pénitence, l'engagement sur des chemins de purification et la volonté de racheter les conséquences de nos erreurs; une confiance solide dans le fait que l'espérance qui nous a été donnée « *ne déçoit point, parce que l'amour de Dieu a été répandu dans nos cœurs par le Saint-Esprit qui nous fut donné* » (Rm 5, 5) sont eux aussi le fruit d'une transmission de la foi, d'une annonce de l'Évangile qui en premier lieu ne cesse de renouveler les chrétiens, leurs communautés, tout en portant au monde l'Évangile de Jésus-Christ.

Questions

Faire l'expérience du Christ est l'objectif de la transmission de la foi à partager avec ceux qui sont proches et ceux qui sont éloignés. Celle-ci nous incite à la mission.

1. Dans quelle mesure nos communautés chrétiennes arrivent-elles à proposer des lieux ecclésiaux qui soient un instrument d'expérience spirituelle ?
2. Dans quelle mesure nos chemins de foi ont-ils comme objectif non seulement l'adhésion intellectuelle à la vérité chrétienne, mais arrivent-ils à faire vivre des expériences réelles de rencontre et de communion, d'« habitation » du mystère du Christ ?
3. De quelle façon les Églises individuellement ont-elles trouvé des solutions et des réponses à la demande d'expérience spirituelle qui travers aussi les jeunes générations d'aujourd'hui ?

La Parole et l'Eucharistie sont les principaux véhicules et les instruments privilégiés pour vivre la foi chrétienne comme expérience spirituelle.

bởi các ngẫu tượng, Hội Thánh luôn luôn cần nghe loan báo những kỳ công của Thiên Chúa đã cải hóa mình về với Chúa, được Người qui tụ lại và kết hợp lại. Tóm lại, điều đó có nghĩa là Hội Thánh luôn luôn cần được phúc âm hóa, nếu muốn duy trì sự mới mẻ, sức bật và sức mạnh để loan báo Tin Mừng.”⁶⁸

Các hoa quả của tiến trình phúc âm hóa liên tục này được phát sinh trong Hội Thánh như dấu chỉ của sức mạnh tác sinh của Tin Mừng. Chúng mang hình thức cụ thể của những lời đáp ứng trước những thách thức của thời đại chúng ta. Các gia đình cần phải trở thành những dấu chỉ đích thực của tình yêu và sự chia sẻ, với khả năng hi vọng vì sự cởi mở của họ đối với cuộc đời. Cần có những sức mạnh để xây dựng các cộng đoàn có tinh thần đại kết thực sự và có khả năng đối thoại với các tôn giáo khác. Cần có sự dũng cảm để nâng đỡ các sáng kiến cho công bằng xã hội và tình liên đới, đặt người nghèo vào tâm điểm mỗi quan tâm của Hội Thánh. Cần biểu lộ niềm vui một cách rõ ràng hơn trong sự hiến dâng cuộc đời mình cho ơn gọi linh mục hay đời sống thánh hiến. Một Hội Thánh truyền bá đức tin, một Hội Thánh của cuộc “tân phúc âm hóa”, có khả năng chứng tỏ trong mọi hoàn cảnh rằng Thánh Thần hướng dẫn mình và biến đổi lịch sử của Hội Thánh, của cá nhân các Kitô hữu và của toàn thể các dân tộc và các nền văn hóa của họ.

Một hoa quả nữa của việc truyền bá đức tin là lòng dũng cảm để lên tiếng chống những bất trung và gương xấu nảy sinh trong các cộng đoàn Kitô hữu như một dấu hiệu và hậu quả của những lúc mệt mỏi chán chường trong công việc loan báo Tin Mừng. Các hoa quả khác là: can đảm nhìn nhận lỗi lầm; khả năng tiếp tục làm chứng cho Chúa Giêsu Kitô, đồng thời kể lại sự kiện chúng ta luôn luôn cần được cứu rỗi, vì biết rằng—như lời Thánh Phaolô dạy—chúng ta có thể nhìn thẳng vào những yếu đuối của chúng ta, vì chúng ta biết rõ sức mạnh của Đức Kitô cứu thoát chúng ta (x. 2Cr 12:9; Rm 7:14tt.); thực hành sám hối, quyết tâm đi trên con đường thanh luyện và ý muốn chuộc lại những lỗi lầm; một sự tin tưởng vững vàng rằng niềm hi vọng đã được ban cho chúng ta “*hoàn toàn không làm chúng ta thất vọng, vì Thiên Chúa đã đổ tình yêu của Người vào lòng chúng ta, nhờ Thánh Thần mà Người ban cho chúng ta.*” (Rm 5:5). Đó cũng là những hoa quả của việc loan báo Tin Mừng, trước tiên nó không ngừng đổi mới các tín hữu, các cộng đoàn của họ, đồng thời đem Tin Mừng Chúa Kitô đến cho thế giới.

Câu hỏi

Mục tiêu của truyền bá đức tin là làm cho người khác trải nghiệm về Đức Kitô. Đây là nhiệm vụ phải được chia sẻ cho mọi người dù gần hay xa, và thúc đẩy chúng ta truyền giáo.

1. Các cộng đoàn Kitô hữu chúng ta đạt tới mức độ nào trong việc đề nghị các môi trường giáo hội như là một công cụ của kinh nghiệm thiêng liêng?
2. Các chương trình đức tin của chúng ta đang ở mức độ nào trong việc coi mục tiêu không chỉ là việc chấp nhận chân lý Kitô giáo, mà còn là tạo ra một kinh nghiệm về sự gặp gỡ, hiệp thông thân tình và sống màu nhiệm Đức Kitô?”
3. Mỗi Giáo Hội địa phương đã có những giải pháp hay đáp ứng nào trong việc tạo ra những kinh nghiệm thiêng liêng mà ngay cả những thế hệ trẻ ngày nay đang tìm kiếm?

Lời Chúa và Thánh Thể là những phương thế chính và những công cụ ưu tiên để cung cấp kinh nghiệm thiêng liêng cho đức tin Kitô giáo.

4. Hai Đại hội thường kỳ lần trước của Thượng Hội Đồng đã giúp các cộng đoàn Kitô giáo nâng cao chất lượng của việc lắng nghe Lời Chúa trong các Giáo Hội của chúng

4. De quelle façon les deux précédentes Assemblées Générales Ordinaires du Synode des Évêques ont-elles aidé les communautés chrétiennes à accroître la qualité de l'écoute de la Parole dans nos Églises ? De quelle façon ont-elles aidé à accroître la qualité de nos Célébrations Eucharistiques ?

5. Quels sont les éléments qui sont les mieux reçus ? Quelles réflexions et quelles suggestions attendent-elles encore d'être reçues ?

6. Dans quelle mesure les groupes d'écoute et de confrontation sur la Parole de Dieu sont-ils en train de devenir l'instrument commun de vie chrétienne pour nos communautés ? De quelle façon celles-ci expriment-elles le caractère central de l'Eucharistie (célébrée, adorée), et à partir de celui-ci comment structurent-elles leurs actions et leur vie ?

Après des décennies de grande effervescence le domaine de la catéchèse montre des signes de fatigue et de lassitude, principalement au niveau des sujets appelés à soutenir et à animer cette action ecclésiale.

7. Quelle est l'expérience concrète dans vos Églises ?

8. À l'intérieur des communautés chrétiennes, comment a-t-on cherché à conférer reconnaissance et solidité à la figure du catéchiste ? Comment s'est-on efforcé de conférer un caractère concret et efficace à la reconnaissance d'un rôle actif à d'autres sujets également, dans la tâche de transmettre de la foi (parents, parrains, la communauté chrétienne) ?

9. Quelles sont les initiatives qui ont été pensées pour soutenir les parents, pour les encourager dans une tâche (la transmission et, par conséquent, la transmission de la foi) que la culture reconnaît de moins en moins comme leur étant confiée ?

Au cours des dernières décennies, en réponse à une requête du [Concile Vatican II](#), de nombreuses Conférences épiscopales se sont engagées dans des parcours de reprogrammation des itinéraires et des textes de la catéchèse.

10. Où en sont ces projets ?

11. Quels effets bénéfiques ont-ils produits dans le processus de transmission de la foi ? Avec quelles fatigues et avec quels obstacles ont-ils dû se mesurer ?

12. Dans ce parcours de reprogrammation, quels sont les instruments fournis par la publication du *Catéchisme de l'Église Catholique* ?

13. Comment les communautés chrétiennes individuellement (les paroisses) et les différents groupes et mouvements travaillent-ils pour garantir dans les faits une catéchèse autant que possible ecclésiale et projetée de façon concordée et partagée avec les autres sujets ecclésiaux ?

14. À la suite des importantes mutations actuelles, quelles sont les instances pédagogiques face auxquelles l'action catéchétique de nos Églises se sent plus démunie et découverte ?

15. Dans quelle mesure l'instrument du catéchuménat a-t-il été assumé comme modèle à partir duquel construire le modèle de catéchèse et d'éducation à la foi dans les communautés chrétiennes ?

La situation de notre époque demande à l'Église un style renouvelé d'évangélisation, une nouvelle disponibilité à rendre raison de notre foi et de l'espérance qui est en nous.

16. Dans quelle mesure les Églises locales ont-elles réussi à diffuser cette nouvelle exigence dans les communautés chrétiennes ? Avec quels résultats ? Quelles sont les lassitudes et les résistances ?

ta như thế nào? Đã giúp nâng cao chất lượng các cuộc cử hành Thánh Thể như thế nào?

5. Những yếu tố nào đã được đón nhận nhiều nhất? Những suy tư hay đề nghị nào còn đang chờ được đón nhận?
6. Các nhóm nghe và chia sẻ Lời Chúa đã trở thành những công cụ chung trong đời sống Kitô của các cộng đoàn chúng ta như thế nào? Các cộng đoàn chúng ta diễn tả địa vị trung tâm của Thánh Thể (cử hành và thờ phượng) và, dựa trên đó đã tổ chức đời sống và sinh hoạt của mình như thế nào?

Sau những thập niên hoạt động sôi nổi, lãnh vực huấn giáo đang cho thấy những dấu hiệu mệt mỏi và trì trệ, nhất là nơi những người được kêu gọi để nâng đỡ và sinh động hóa hoạt động giáo hội này.

7. Kinh nghiệm cụ thể trong các Giáo Hội của quý vị thế nào?
8. Bên trong các cộng đoàn Kitô giáo, các tín hữu đang có những cố gắng gì để tạo sự nhìn nhận và tin tưởng đối với hình ảnh của người dạy giáo lý? Đang có những cố gắng nào để cụ thể hóa và tạo hiệu quả cho việc nhìn nhận các vai trò tích cực của những người khác trong nhiệm vụ truyền bá đức tin (cha mẹ, người đỡ đầu, cộng đoàn tín hữu)?
9. Đã có những sáng kiến nào được đưa ra để hỗ trợ các cha mẹ và khuyến khích họ trong nhiệm vụ (truyền đạt và do đó, truyền bá đức tin) mà nền văn hóa ngày càng ít coi là nhiệm vụ được giao phó cho cha mẹ?

Đáp lại lời kêu gọi của Vaticanô II, nhiều Hội Đồng Giám Mục trong những thập niên qua đã bắt tay vào việc cải tổ chương trình huấn giáo và duyệt lại các bản văn huấn giáo.

10. Tình hình hiện nay về vấn đề này như thế nào?
11. Tiến trình truyền bá đức tin đã mang lại những kết quả gì? Đã có những hoạt động nào và đã gặp những trở ngại nào?
12. Sách *Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo* đã đóng vai trò gì trong công việc cải tổ này?
13. Mỗi cộng đoàn tín hữu (giáo xứ), các nhóm và các phong trào làm gì để bảo đảm việc huấn giáo mang đậm tính giáo hội, được phối hợp và chia sẻ với những thành phần khác trong Hội Thánh?
14. Đối diện với những biến chuyển văn hóa quan trọng hiện nay, hoạt động huấn giáo tại các Giáo Hội của chúng ta cảm thấy không có hay không đủ những phương thức sư phạm nào nhất?
15. Các cộng đoàn Giáo Hội của chúng ta đã sử dụng huấn giáo dự tòng như thế nào để làm mô hình cho các chương trình huấn giáo và giáo dục đức tin?

Thời đại chúng ta kêu gọi Hội Thánh canh tân cách thức rao giảng Tin Mừng và biểu lộ một thái độ mới mẻ để sẵn sàng lý giải về đức tin và đức cậy nơi chúng ta.

16. Các Giáo Hội của chúng ta đã thành công đến đâu trong việc quảng bá đòi hỏi mới này trong các cộng đoàn tín hữu? Đã đạt được những kết quả gì? Đã gặp những mệt mỏi và cản trở gì?
17. Tính cấp bách của việc tân phúc âm hóa có trở thành một sự ý thức thường xuyên của hoạt động mục vụ của các cộng đoàn chúng ta không? Chúng ta có tiếp tục xác tín

17. L'urgence d'une nouvelle annonce missionnaire est-elle devenue une composante habituelle des actions pastorales des communautés ? La conviction a-t-elle été acquise que désormais la mission se vit aussi dans nos communautés chrétiennes locales, dans nos contextes de vie normaux ?

18. Outre les communautés, quels autres sujets animent le tissu social en y apportant l'annonce de l'Évangile ? À travers quelles actions et quelles méthodes ? Avec quels résultats ?

19. De quelle façon les baptisés ont-ils mûri la conscience d'être appelés en première personne à cette annonce ? À cet égard, quelles sont les expériences qui peuvent être rapportées ?

La communauté chrétienne est le fruit de l'annonce et de la transmission de la foi.

20. Quels principaux fruits ont été produits dans vos Églises par la transmission de la foi ?

21. Dans quelle mesure les communautés chrétiennes sont-elles préparées à reconnaître ces fruits, à les soutenir et à les nourrir ? De quels fruits ressent-on davantage l'absence ?

22. Quelles résistances, quelles lassitudes et aussi quels scandales constituent-ils un obstacle à cette annonce ? De quelle façon les communautés ont-elles su vivre ces moments en s'en inspirant pour une relance spirituelle et missionnaire ?

rằng sứ mạng này cũng phải được thực hiện trong các cộng đoàn Kitô địa phương của chúng ta và trong các hoàn cảnh thường ngày của đời sống chúng ta?

18. Ngoài các cộng đoàn, còn có những chủ thể nào khác thi hành việc sinh động hóa xã hội bằng việc loan báo Tin Mừng? Bằng những hành động và những phương pháp nào? Có những kết quả gì?
19. Bằng cách nào những người đã rửa tội tăng thêm sự ý thức rằng chính họ thực sự được gọi để loan báo Tin Mừng? Có thể kể ra những kinh nghiệm gì trong lãnh vực này?

Cộng đoàn Kitô là kết quả của việc loan báo và truyền bá đức tin.

20. Đây là những kết quả đã được tạo ra trong các Giáo Hội của quý vị nhờ việc truyền bá đức tin?
21. Các cộng đoàn Kitô sẵn sàng như thế nào để nhận ra những kết quả này, duy trì và phát triển chúng? Những kết quả nào còn thiếu nhiều nhất?
22. Những trở ngại, thử thách và gương xấu nào ngăn trở việc loan báo này? Các cộng đoàn đã học hỏi như thế nào để sống những giờ phút này bằng cách lợi dụng những cơ hội đó để canh tân thiêng liêng và truyền giáo?

CHAPITRE III

INITIER À L'EXPÉRIENCE CHRÉTIENNE

« Allez donc, de toutes les nations faites des disciples, les baptisant au nom du Père, du Fils et du Saint-Esprit, et leur apprenant à observer tout ce que je vous ai prescrit » (Mt 28, 19-20)

18. L'initiation chrétienne, processus évangélisateur

La réflexion que nous venons de présenter sur la transmission de la foi, avec les mutations sociales et culturelles qui se placent comme un défi face au christianisme d'aujourd'hui, ont entamé au sein de l'Église un vaste processus de réflexion et de révision des parcours d'introduction à la foi et d'accès aux sacrements. Les affirmations du [Concile Vatican II](#)^[69] qui, lorsqu'elles ont été écrites, résonnaient comme des auspices pour tant de communautés chrétiennes, sont devenues par contre aujourd'hui des réalités dans nombre d'Églises locales. Il est possible d'expérimenter nombre des éléments énumérés dans le document, à commencer justement par la prise de conscience, répandue désormais partout, du lien intrinsèque qui unit les sacrements de l'initiation chrétienne. Le Baptême, la Confirmation et l'Eucharistie ne sont plus vus maintenant comme trois sacrements séparés, mais comme les étapes d'un chemin de génération à la vie chrétienne adulte, à l'intérieur d'un parcours organique d'initiation à la foi. L'initiation chrétienne est maintenant un concept et un instrument pastoral connu et bien enraciné dans les Églises locales.

Dans ce processus, les Églises locales qui vantent une tradition séculaire d'initiation à la foi doivent beaucoup aux Églises plus jeunes. Ensemble, on a appris à assumer l'adulte et non plus l'enfant comme modèle du chemin d'initiation à la foi.^[70] On a réussi à redonner de l'importance au sacrement du Baptême, en assumant la structure de l'ancien catéchuménat comme exemple pour organiser des dispositifs pastoraux qui, dans nos contextes culturels, permettent une célébration plus consciente, mieux préparée et davantage capable de garantir la participation future des nouveaux baptisés à la vie chrétienne. Nombre de communautés chrétiennes ont entrepris des révisions significatives de leurs pratiques baptismales, en revoyant les modes de participation des parents, dans le cas du Baptême des enfants, et en explicitant le moment d'évangélisation, d'annonce formelle de la foi. Elles ont cherché à structurer des célébrations du sacrement du Baptême pouvant donner un plus grand espace à la participation de la communauté et montrer de façon plus visible le soutien accordé aux parents dans une tâche, celle de l'éducation chrétienne, qui devient toujours plus ardue. En écoutant l'expérience des Églises Catholiques Orientales, on a eu recours à la mystagogie, pour imaginer des parcours d'initiation qui ne s'arrêtent pas au seuil de la célébration sacramentelle, mais continuent leur action formatrice par la suite aussi, pour rappeler de façon explicite que l'objectif est d'éduquer à une foi chrétienne adulte.^[71]

La confrontation entreprise a inspiré une réflexion théologique et pastorale qui, tenant compte des particularités des différents rites, aide l'Église à trouver une restructuration partagée de ses propres pratiques d'introduction et d'éducation à la foi. À cet égard, on peut considérer comme emblématique la question de l'ordre des Sacrements de l'initiation. Dans l'Église il existe différentes traditions. Cette diversité se manifeste de façon évidente dans les coutumes ecclésiales de l'Orient, et dans la pratique occidentale elle-même pour ce qui est de l'initiation des adultes, par rapport à celle des enfants. Cette diversité trouve une accentuation ultérieure dans la façon de vivre et de célébrer le sacrement de la Confirmation.

CHƯƠNG III

KHAI TÂM VÀO KINH NGHIỆM KITÔ GIÁO

“Vậy anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, dạy bảo họ tuân giữ những điều Thầy đã truyền cho anh em. Và đây, Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế” (Mt 28:19-20).

18. Khai tâm Kitô giáo, tiến trình rao giảng Tin Mừng

Truyền bá Tin Mừng giữa những thay đổi xã hội và văn hóa đang đặt ra những thách thức cho Kitô giáo hôm nay. Trong Hội Thánh, tình hình này đã tạo ra một tiến trình suy nghĩ lại về những đường lối phải theo để dẫn đưa người ta vào đức tin và đến với các bí tích. Các phát biểu được đưa ra trong Công Đồng Vaticanô II⁶⁹ và phản ánh những ước mong của nhiều cộng đoàn Kitô thời ấy, nay đã trở thành thực tế trong nhiều Giáo Hội địa phương. Nhiều điểm được nêu lên trong Công Đồng nay đã trở thành một phần của kinh nghiệm đời sống hằng ngày của chúng ta, bắt đầu với một sự ý thức hầu như phổ quát về mối liên kết nội tại giữa các Bí Tích Khai Tâm Kitô giáo. Rửa Tội, Thêm Sức và Thánh Thể không còn được coi như là ba bí tích tách rời nhau nữa, nhưng đúng hơn là những giai đoạn của một chặng đường từ lúc sinh ra cho tới tuổi trưởng thành Kitô giáo, trong một chương trình khai tâm đức tin có hệ thống. Bây giờ khai tâm Kitô giáo là một khái niệm và công cụ mục vụ phổ biến và ăn rễ sâu trong các Giáo Hội địa phương.

Trong tiến trình này, các Giáo Hội địa phương có truyền thống khai tâm Kitô giáo lâu năm mắc nợ nhiều đối với các Giáo Hội trẻ hơn. Tất cả các Giáo Hội bây giờ đã bắt đầu lấy các chương trình khai tâm đức tin cho người lớn làm mô hình, chứ không giới hạn vào trẻ em.⁷⁰ Tầm quan trọng của bí tích Rửa Tội được nhấn mạnh nhiều hơn qua việc lấy nghi thức huấn giáo dự tòng cổ xưa làm mẫu mực để soạn ra một chương trình mục vụ mà trong bối cảnh văn hóa ngày nay, nó giúp cho việc cử hành bí tích này một cách có ý thức hơn, có sự chuẩn bị nhiều hơn về bề sâu, và giúp cho người tân tòng có khả năng tham gia tích cực hơn vào đời sống Kitô giáo trong tương lai. Nhiều cộng đoàn Kitô đã bắt đầu có những thay đổi quan trọng trong việc cử hành bí tích Rửa Tội bằng cách duyệt lại những cách thức để nhấn mạnh sự tham gia của cha mẹ, trong trường hợp rửa tội trẻ sơ sinh, và cho thấy rõ hơn rằng đây là dịp để loan báo Tin Mừng và truyền bá đức tin một cách công khai. Các Giáo Hội đã cố gắng sắp đặt cơ cấu cho các cuộc cử hành bí tích Rửa Tội để có thể có sự tham dự rộng rãi hơn của cộng đoàn và cho thấy rõ hơn sự nâng đỡ dành cho các cha mẹ trong một nhiệm vụ ngày càng trở nên khó khăn hơn: nhiệm vụ giáo dục Kitô giáo. Học hỏi kinh nghiệm của các Giáo Hội Công Giáo Phương Đông cũng đã giúp đề cao khoa bí nhiệm (*mystagogie*), nghĩa là coi tiến trình khai tâm không kết thúc với việc cử hành bí tích Rửa Tội, nhưng như là một kinh nghiệm đào luyện liên tục, để nhắc nhở một cách minh nhiên rằng đích đến của tiến trình này là một đức tin Kitô giáo trưởng thành.⁷¹

Cuộc gặp gỡ này (với các Giáo Hội Phương Đông) đã là nguồn cảm hứng cho một suy tư thần học và mục vụ lưu tâm tới những nét đặc trưng của các nghi lễ khác nhau, và giúp cho Hội Thánh tìm ra cách diễn tả mới với sự chia sẻ các yếu tố chuyên biệt trong các việc thực hành khai tâm và giáo dục đức tin này. Một ví dụ điển hình là vấn đề về thứ tự các Bí Tích Khai Tâm. Có các truyền thống khác nhau tồn tại trong Hội Thánh. Sự khác biệt này được thấy rõ trong các tập tục Hội Thánh của Phương Đông và lối thực hành tại Phương Tây liên quan đến việc khai tâm cho người lớn, so với việc khai tâm dành cho trẻ sơ sinh. Sự khác biệt này còn được thấy rõ hơn nữa trong cách thức cử hành và sống Bí Tích Thêm Sức.

On peut certainement affirmer que c'est de la façon dont l'Église en Occident saura gérer cette révision de ses pratiques baptismales que dépendra le visage futur du christianisme dans son monde et la capacité de la foi chrétienne de parler à sa culture. Mais, dans ce processus de révision, tout n'a pas toujours fonctionné en termes positifs. Il y a eu des malentendus, c'est-à-dire la volonté d'interpréter les transformations requises comme l'occasion d'introduire des logiques de rupture : les nouvelles pratiques pastorales étaient lues et comprises à la lumière d'une herméneutique de la fracture créatrice, qui voyait dans la nouveauté naissante la possibilité d'émettre un jugement sur le passé récent de l'Église et en même temps la possibilité d'instaurer des formes sociales inédites pour dire et vivre le christianisme aujourd'hui. C'est en ces termes que l'abandon de la pratique du Baptême des enfants a été présenté parfois comme une nécessité inéluctable. De façon symétrique, un obstacle sérieux à la révision en cours est venu des comportements inertiels adoptés par certaines communautés chrétiennes, dans la conviction que la simple répétition d'actions stéréotypées était une garantie de bonté et de succès pour l'action ecclésiale.

Le processus de révision remet à l'Église certains lieux et certains problèmes représentant de véritables défis, qui placent les communautés chrétiennes face à l'obligation de discerner et ensuite d'adopter de nouveaux styles d'action pastorale. Trouver actuellement une place partagée au sacrement de la Confirmation représente certainement un défi pour l'Église. La requête a été avancée aussi au cours de l'Assemblée Générale Ordinaire du Synode des Évêques sur l'Eucharistie, et reprise par le Pape [Benoît XVI](#) dans l'[Exhortation post-synodale successive](#).^[72] Dans un passé récent, les Conférences Épiscopales ont adopté des choix différents à cet égard, motivés par les perspectives différentes à partir desquelles était lue la problématique (pédagogique, sacramentelle, ecclésiale). Un autre défi qui se présente à l'Église est de trouver la capacité de redonner contenu et énergie à la dimension mystagogique des parcours d'initiation, sans laquelle ces mêmes itinéraires résulteraient privés d'un élément essentiel dans le processus de génération à la foi. Enfin, un défi ultérieur est représenté par la nécessité de ne pas déléguer à d'éventuels parcours scolaires d'éducation religieuse la tâche qui ressort de l'Église d'annoncer l'Évangile et de générer à la foi, envers les jeunes et les adolescents également. Dans ce secteur, les pratiques sont très différenciées suivant les nations, et ne permettent pas d'élaborer des réponses uniques ou uniformes. Mais l'instance reste valable pour chaque Église locale.

Comme on peut le pressentir, le domaine de l'initiation est véritablement un ingrédient essentiel du devoir d'évangéliser. La « nouvelle évangélisation » a beaucoup à dire à cet égard : il faut en effet que l'Église, de façon forte et déterminée, poursuive les exercices de discernement déjà en cours et qu'elle trouve en même temps les énergies nécessaires pour motiver à nouveau les sujets et les communautés qui montrent des signes de fatigue et de résignation. Le visage futur de nos communautés dépend en grande partie des énergies investies dans cette action pastorale et des initiatives concrètes proposées et réalisées pour sa réélaboration et sa relance.

19. Première annonce en tant qu'exigence de nouvelles formes du discours sur Dieu

Le processus de révision des parcours d'initiation à la foi ont mis particulièrement en relief un défi très présent dans la situation actuelle: la lassitude toujours croissante avec laquelle les hommes et les femmes d'aujourd'hui entendent parler de Dieu, interceptent les lieux et les expériences qui les ouvrent à un tel discours. Il s'agit d'une difficulté à laquelle l'Église est confrontée depuis longtemps et qui, donc, non seulement a été dénoncée, mais a déjà connu certains éléments de réponse. Prenant acte de ce défi, déjà le Pape Paul VI a mis l'Église face à l'urgence de trouver de nouveaux chemins pour la proposition de la foi chrétienne.^[73] C'est

Chắc chắn có thể quả quyết rằng diện mạo tương lai của Kitô giáo trong thế giới mình đang sống và khả năng của đức tin Kitô giáo để nói chuyện với nền văn hóa đương đại sẽ lệ thuộc vào cách mà Hội Thánh tại Phương Tây thực hiện tốt đẹp việc duyệt xét lại các lối thực hành bí tích Rửa Tội. Nhưng trong tiến trình xét lại, không phải mọi chuyện đã diễn ra suôn sẻ. Có những sự ngộ nhận, nghĩa là ước muốn cắt nghĩa những sự thay đổi cần thiết như là cơ hội để cắt đứt với quá khứ: từ quan điểm này, người ta muốn coi các cách thực hành mới mẻ như là dịp để đưa ra những phê phán tiêu cực về quá khứ gần đây của Hội Thánh, đồng thời muốn đưa vào những mô hình xã hội hoàn toàn mới lạ để sống và nói về đức tin Kitô giáo hôm nay. Nhiều khi lối suy nghĩ này tất yếu dẫn đến việc từ bỏ việc thực hành rửa tội cho trẻ nhỏ. Ở một thái cực khác, hiện đang có một cản trở khác cho việc xét lại này, đó là tình trạng ù lỳ của một số cộng đoàn Kitô giáo, họ tin rằng chỉ cần trung thành với lối hành động như trong quá khứ cũng đủ để bảo đảm hoạt động của Hội Thánh sẽ tốt đẹp và thành công.

Trong tiến trình duyệt xét này, Hội Thánh đang đối diện với những thách thức quan trọng tại một số nơi và hoàn cảnh, đặt các cộng đoàn Kitô giáo vào tư thế phải thực hiện công việc phân định và chọn một giải pháp mục vụ mới. Chắc chắn một trong những thách thức đối với Hội Thánh hôm nay là tìm ra một vị trí thích hợp cho việc cử hành Bí Tích Thêm Sức. Yêu cầu này cũng đã xuất hiện trong Đại Hội Thường Kỳ lần thứ XI của Thượng Hội Đồng về bí tích Thánh Thể, và đã được Đức Bênêđictô XVI đề cập trong Tông Huấn của ngài sau Thượng Hội Đồng.⁷² Trong những năm gần đây, các Hội Đồng Giám Mục đã có những chọn lựa khác nhau về vấn đề này, dựa trên những quan điểm khác nhau (sự phạm, bí tích và giáo hội học). Một thách thức khác mà Hội Thánh phải đối diện là đưa nội dung và hoạt năng của chiều kích bí nhiệm vào trong tiến trình khai tâm, vì nếu thiếu chiều kích này, chính lộ trình khai tâm sẽ mất đi một yếu tố nòng cốt của tiến trình phát sinh đức tin. Sau cùng, một thách thức nữa là kiên quyết chống lại cám dỗ muốn từ bỏ trong các chương trình giáo dục văn hóa hay tôn giáo nhiệm vụ chính của Hội Thánh là loan báo Tin Mừng và phát sinh đức tin, đặc biệt đối với các thiếu nhi và thanh niên. Các việc thực hành này khác nhau từ nước này đến nước khác, vì thế không thể có một mẫu giải đáp duy nhất hay đồng loạt. Nhưng mỗi Giáo Hội địa phương đều phải tìm cách đánh giá.

Như có thể cảm nhận được, lãnh vực khai tâm quả thực là một yếu tố cơ bản của nhiệm vụ rao giảng Tin Mừng. “Tân phúc âm hóa” có nhiều điều để nói về vấn đề này: thực vậy, Hội Thánh cần phải mạnh mẽ và kiên quyết theo đuổi việc phân định đang được tiến hành và đồng thời tìm ra nghị lực cần thiết để tạo động lực trở lại cho những cá nhân và những cộng đoàn đang cho thấy dấu hiệu mệt mỏi hay cam chịu. Diện mạo tương lai của các cộng đoàn chúng ta tùy thuộc phần lớn vào những nghị lực được đầu tư vào hoạt động mục vụ này và những sáng kiến cụ thể được đề nghị và thực hiện để đánh giá và phát động công việc này.

19. ‘Loan báo ban đầu’ và các hình thức mới cần có để nói về Thiên Chúa

Thế giới hôm nay nhiều khi đặt ra một thách thức nữa trong công việc đánh giá chương trình khai tâm đức tin, đó là tình trạng con người ngày càng khó có điều kiện để nghe người khác nói về Thiên Chúa và gặp gỡ những nơi và những kinh nghiệm giúp mở lòng họ ra cho đề tài Thiên Chúa. Thời gian gần đây, Hội Thánh đã từng đề cập đến vấn đề này không chỉ bằng việc nêu ra khó khăn nhưng còn công hiến những giải đáp khác nhau cho thách thức này. Trên thực tế, Đức Phaolô VI đã lưu tâm tới thách thức này và khẩn trương đề nghị Hội Thánh tìm ra những cách thức mới để trình bày đức tin Kitô giáo.⁷³ Sự kiện này đã làm nảy sinh ý tưởng về ‘loan báo ban đầu’,⁷⁴ được hiểu như là một sự phát biểu minh nhiên, hay chính xác hơn, một sự loan báo về nội dung cơ bản của đức tin.

ainsi qu'est né l'instrument de la « première annonce »,[\[74\]](#) compris comme instrument de proposition explicite, mieux encore de proclamation, du contenu fondamental de notre foi.

Ayant assumé à plein titre des itinéraires d'introduction à la foi dans le travail de reprogrammation en cours, la première annonce s'adresse aux non-croyants, à ceux qui, de fait, vivent dans l'indifférence religieuse. Elle a la fonction d'annoncer de façon générale l'Évangile et l'urgence de la conversion à ceux qui ne connaissent pas encore Jésus-Christ. La catéchèse, distincte de la première annonce de l'Évangile, promeut et fait mûrir cette conversion initiale, en éduquant le converti à la foi et en l'incorporant dans la communauté chrétienne. Toutefois, la relation entre ces deux formes du ministère de la Parole n'est pas toujours facile à réaliser et ne doit pas être nécessairement affirmée de façon nette. Il s'agit d'une double attention qui se trouve souvent conjuguée dans une même action pastorale. Il arrive fréquemment, en effet, que les personnes qui accèdent à la catéchèse ont encore besoin de vivre une vraie conversion. Il sera donc utile d'accorder une plus grande attention – dans les parcours de catéchèse et d'éducation à la foi – à l'annonce de l'Évangile qui appelle à cette conversion, qui la provoque et la soutient. C'est de cette façon que la nouvelle évangélisation stimule les itinéraires habituels d'éducation à la foi, en accentuant leur caractère kérygmatic, d'annonce.[\[75\]](#)

Une première réponse directe au défi lancé a donc été élaborée. Mais au-delà de la réponse directe le discernement que nous réalisons nous demande de nous arrêter un instant pour comprendre encore plus en profondeur pourquoi notre culture s'éloigne ainsi du discours sur Dieu. Il s'agit de vérifier dans quelle mesure une telle situation a pu intéresser en premier lieu les communautés chrétiennes elles-mêmes.[\[76\]](#) Cela est nécessaire surtout pour rechercher les formes et les instruments permettant d'élaborer des discours sur Dieu qui sachent interpréter les attentes et les craintes des hommes d'aujourd'hui, en leur montrant comment la nouveauté qu'est le Christ est le don que nous attendons tous, auquel tout homme aspire comme l'accomplissement inexprimé de sa recherche de sens et de sa soif de vérité. L'oubli du discours sur Dieu se transformera ainsi en une occasion d'annonce missionnaire. La vie quotidienne saura nous suggérer où trouver ces « parvis des gentils »[\[77\]](#) dans lesquels nos paroles deviennent non seulement audibles mais aussi significatives et bénéfiques pour l'humanité. La tâche de la « nouvelle évangélisation » est de conduire aussi bien les chrétiens pratiquants que ceux qui se posent des questions sur Dieu et le cherchent, à percevoir son appel personnel dans leur conscience. La nouvelle évangélisation est une invitation aux communautés chrétiennes à avoir une plus grande confiance en l'Esprit qui les guide au cœur de l'histoire. Elles seront ainsi capables de vaincre leurs craintes, et réussiront à voir avec une plus grande lucidité les lieux et les sentiers permettant de situer la question de Dieu au centre de la vie des hommes d'aujourd'hui.

20. Initier à la foi, éduquer à la vérité

La nécessité d'un discours sur Dieu entraîne comme conséquence la possibilité et la nécessité d'un discours analogue sur l'homme. L'évangélisation l'exige de par elle-même, comme lien direct. Il existe un lien fort entre l'initiation à la foi et l'éducation. C'est ce qu'affirmait le [Concile Vatican II](#).[\[78\]](#) Le Pape [Benoît XVI](#) a récemment relancé cette conviction: « Certains aujourd'hui remettent en question l'engagement de l'Église dans l'éducation, en se demandant si ses ressources ne pourraient pas être mieux employées ailleurs. [...] La mission première d'évangélisation de l'Église, dans laquelle les institutions éducatives jouent un rôle crucial, est à l'unisson de l'aspiration fondamentale de la nation à développer une société vraiment digne de la dignité de la personne humaine. Parfois, cependant, la valeur de la contribution de l'Église au débat public est remise en question. C'est pourquoi il est important de rappeler que

Lúc ấy, thành ngữ “loan báo ban đầu” được lấy và sử dụng trong việc tái cấu trúc tiến trình dẫn vào đức tin. Loan báo ban đầu có ý nhắm đến những người không có đức tin, nghĩa là những người đứng dưng với tôn giáo. Nói chung, loan báo ban đầu có nhiệm vụ loan báo Tin Mừng và kêu gọi hoán cải đối với những người chưa biết Đức Giêsu Kitô. Khác với loan báo Tin Mừng, huấn giáo có mục đích giúp phát triển sự hoán cải ban đầu này và giảng dạy đức tin cho những người đã được hoán cải, nhờ đó tháp nhập họ vào cộng đoàn Kitô. Tuy nhiên, không dễ nhận ra mối tương quan giữa hai hình thức này của thừa tác vụ Lời Chúa, và cũng không dễ thực hiện. Cũng không nhất thiết phải phát biểu rõ ràng mối tương quan này. Ngược lại, có thể coi mối tương quan này như là một hành động kép được kết hợp trong cùng một hoạt động mục vụ. Trên thực tế, những người đến với huấn giáo thường là những người cần sống đời sống hoán cải đích thực hơn. Vì vậy, các chương trình huấn giáo và khai tâm đức tin có thể được thêm phong phú nhờ nhấn mạnh nhiều hơn vào việc loan báo Tin Mừng, tức là một lời mời gọi hoán cải và duy trì, nuôi dưỡng sự hoán cải này. Như vậy, hoạt động tân phúc âm hóa có thể tạo sinh lực mới cho các chương trình giáo dục đức tin hiện nay qua việc nhấn mạnh tính chất loan báo ban đầu (*kerygmatic*).⁷⁵

Như vậy, một đáp ứng trực tiếp cho thách thức này đã được thực hiện. Tuy nhiên, vượt lên trên sự đáp ứng trực tiếp này, việc phân định mà chúng ta đang làm đòi hỏi một sự hiểu biết sâu hơn về những lý do tại sao nói về Thiên Chúa lại là điều xa lạ đối với văn hóa của thời đại chúng ta đến thế. Câu hỏi này trước tiên đòi chúng ta phải xét xem nó liên quan thế nào tới chính các cộng đoàn Kitô giáo chúng ta.⁷⁶ Các cộng đoàn này cần phải tìm ra những hình thức và phương tiện để nói về Thiên Chúa, để trang bị cho mình những công cụ đáp ứng những lo âu và kỳ vọng của con người thời nay, bằng cách chỉ cho họ thấy sự mới mẻ của Đức Kitô chính là món quà mà tất cả chúng ta mong đợi và là sự thành đạt niềm khát vọng vô biên của con người trong cuộc tìm kiếm ý nghĩa và khao khát chân lý. Vì vậy tình trạng quen nói về Thiên Chúa sẽ trở nên một cơ hội cho việc loan báo Tin Mừng. Đời sống hằng ngày sẽ giúp chúng ta biết có thể tìm thấy những “sân của Dân Ngoại”,⁷⁷ những nơi mà lời nói của chúng ta không chỉ được nghe thấy dễ dàng, mà còn có ý nghĩa và là một phương thuốc chữa lành những bệnh tật của nhân loại. Nhiệm vụ “tân phúc âm hóa” là dẫn đưa cả những người đang sống đức tin Kitô giáo lẫn những người có những thắc mắc về Thiên Chúa và đang đi tìm Người, để lương tâm họ nhận ra được tiếng gọi của Người. Tân phúc âm hóa là lời mời gọi các cộng đoàn Kitô tin tưởng nhiều hơn vào Chúa Thánh Thần, Đấng hướng dẫn họ trong dòng lịch sử. Bằng cách này, họ có thể lướt thắng cảm dỗ của sự sợ hãi và thấy rõ hơn những nơi và những hoạt động mà câu hỏi về Thiên Chúa có thể được nêu lên giữa cuộc sống con người thời nay.

20. Khai tâm đức tin, giáo dục sự thật

Một hậu quả của nhu cầu nói về Thiên Chúa là khả năng và nhu cầu nói về con người. Đây cũng là một đòi hỏi của tân phúc âm hóa và trực tiếp liên quan tới nó, vì có một mối liên kết chặt chẽ giữa khai tâm đức tin và giáo dục, như lời dạy của Công Đồng Vaticanô II.⁷⁸ Mới đây, Đức Bênêđictô XVI đã xác nhận lại niềm tin này: “Ngày nay có một số người hoài nghi về sự tham gia của Hội Thánh trong hoạt động giáo dục, và họ cho rằng tốt hơn Hội Thánh nên dồn sức lực của mình vào những lãnh vực khác. [...] Sứ mạng hàng đầu của Hội Thánh là rao giảng Tin Mừng, trong đó các tổ chức giáo dục đóng một vai trò tối quan trọng. Sứ mạng này phù hợp với khát vọng cơ bản của một dân tộc là phát triển một xã hội thực sự xứng với phẩm giá con người. Tuy nhiên đôi khi người ta vẫn đặt dấu hỏi về sự đóng góp của Hội Thánh cho diễn đàn công cộng. Vì thế, cần phải nhắc lại rằng các sự thật của đức tin và của lý trí không bao giờ mâu thuẫn nhau.”⁷⁹ Nhờ chân lý mạc khải, Hội Thánh thanh tẩy lý trí con người và giúp họ nhận ra sự thật tối hậu như là nền tảng của luân lý và đạo đức con

la vérité de la foi et celle de la raison ne se contredisent jamais entre elles ».[79] L'Église, avec la vérité révélée, purifie la raison et l'aide à reconnaître les vérités ultimes comme fondement de la moralité et de l'éthique humaine. L'Église, de par sa nature, soutient les catégories morales essentielles, en gardant vivante l'espérance dans l'humanité.

Les paroles du Pape [Benoît XVI](#) énumèrent les motifs pour lesquels il est naturel que l'évangélisation et l'initiation à la foi soient accompagnées d'une action éducative que l'Église met en œuvre comme service au monde. Aujourd'hui, nous sommes appelés à réaliser cette tâche à un moment et dans un contexte culturel où toute forme d'action éducative apparaît plus difficile et critique, au point que le Pape lui-même parle d' « urgence éducative ».[80]

Par le terme « urgence éducative », le Pape veut faire allusion aux difficultés toujours croissantes auxquelles sont confrontées non seulement l'action éducative chrétienne, mais plus généralement toute action éducative. Il est toujours plus difficile de transmettre aux nouvelles générations les valeurs de base de l'existence et d'un comportement droit. Et ce sont les parents qui expérimentent cette fatigue, en voyant de plus en plus réduite leur capacité d'influence dans le processus éducatif, mais aussi les agences éducatives préposées à cette tâche, à commencer par l'école.

Une telle dérive était en partie prévisible : dans une société et dans une culture qui trop souvent font du relativisme leur *credo*, c'est la lumière de la vérité qui vient à manquer. Parler de vérité est considéré trop « autoritaire », et l'on finit par douter de la bonté de la vie – est-il bon d'être un homme ? Est-il bon de vivre ? – et de la validité des rapports et des engagements qui constituent la vie. Dans un tel contexte, comment serait-il possible de proposer aux plus jeunes et de transmettre de génération en génération quelque chose de valable et de certain, des règles de vie, une signification authentique et des objectifs convaincants pour l'existence humaine, aussi bien comme personnes que comme communauté? C'est pourquoi la tendance qui prévaut dans l'éducation est de se réduire à la transmission de savoir-faire ou de capacités déterminés, tout en cherchant à satisfaire le désir de bonheur des nouvelles générations en les submergeant d'objets de consommation et de gratifications éphémères. Ainsi, les parents comme les enseignants sont facilement tentés d'abdiquer leurs tâches éducatives et de ne même plus chercher à comprendre quel est leur rôle, la mission qui leur est confiée.

C'est là que réside l'urgence éducative: nous ne sommes plus capables d'offrir aux jeunes, aux nouvelles générations, ce que nous avons le devoir de leur transmettre. Nous leur sommes débiteurs aussi des véritables valeurs qui donnent un fondement à la vie. L'objectif essentiel de l'éducation, qui est de former la personne pour la rendre capable de vivre en plénitude et de donner sa contribution au bien de la communauté, finit ainsi par être ignoré et oublié. C'est pourquoi on assiste, de la part de plusieurs instances, à la demande croissante d'une éducation authentique et à la redécouverte du besoin d'éducateurs qui soient véritablement tels. Cette requête réunit les parents (préoccupés et souvent angoissés pour l'avenir de leurs enfants), les enseignants (qui vivent la triste expérience de la dégradation de l'école) et la société elle-même, qui voit l'écroulement des bases mêmes de la vie en commun.

Dans un tel contexte, l'engagement de l'Église pour éduquer à la foi, à la *sequela* et au témoignage du Seigneur assume plus que jamais aussi la valeur d'une contribution pour faire sortir la société où nous vivons de la crise éducative qui l'afflige, en mettant un frein au manque de confiance et à cette étrange « haine de soi », à ces formes de mépris de soi qui semblent être devenues une caractéristique de certaines cultures. Un tel engagement peut fournir aux chrétiens la juste occasion pour habiter l'espace public de nos sociétés en

người. Do bản chất của mình, Hội Thánh nâng đỡ những phạm trù đạo đức cơ bản, đồng thời duy trì niềm hi vọng sống động nơi nhân loại.

Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI liệt kê những lý do tại sao việc rao giảng Tin Mừng và khai tâm đức tin tất yếu phải bao gồm hoạt động giáo dục, một công việc mà Hội Thánh đảm nhận để phục vụ thế giới. Có vẻ như thời đại và các bối cảnh văn hóa hôm nay làm cho mọi hình thức hoạt động giáo dục trở nên quá khó và dễ bị chỉ trích khiến chính Đức Giáo Hoàng phải nói đến một tình trạng “khẩn trương giáo dục.”⁸⁰

Khi dùng thuật ngữ “khẩn trương giáo dục”, Đức Giáo Hoàng có ý nói đến tình trạng khó khăn ngày càng gia tăng không chỉ trong hoạt động giáo dục Kitô giáo mà cả trong hoạt động giáo dục nói chung. Truyền đạt cho các thế hệ mới những giá trị cơ bản để sống và hành xử đúng đắn đang trở nên ngày càng cam go hơn. Không chỉ các bậc cha mẹ đang nhận thấy khả năng ảnh hưởng của họ đối với tiến trình giáo dục ngày càng bị xói mòn, mà cả những người tham gia chuyên môn vào hoạt động giáo dục, trước hết là với các trường học, cũng rơi vào tình trạng này.

Có thể phần nào dự báo được tình trạng này trong các xã hội và các nền văn hóa bị thống trị bởi chủ nghĩa tương đối, thiếu ánh sáng sự thật. Nhiều người cho rằng nói về sự thật là việc quá nặng nề và quá “độc đoán.” Lối suy nghĩ này khiến họ hoài nghi sự tốt lành của cuộc đời—“Làm người có ích gì không?” “Sống có ích gì không?”—và họ hoài nghi giá trị của các mối quan hệ và các cam kết trong cuộc đời. Trong bối cảnh ấy, làm cách nào có thể đề nghị cho giới trẻ và truyền đạt cho các thế hệ tương lai—cá nhân cũng như cộng đồng—ngay cả những yếu tố cơ bản nhất của sự ổn định và chắc chắn, những quy tắc sống, ý nghĩa đích thực của hiện hữu con người và những mục tiêu phải theo đuổi? Hậu quả là giáo dục ngày càng có xu hướng bị giản lược vào việc chỉ thông truyền cho người ta những kỹ năng nhất định và dạy cho các thế hệ sau cách thỏa mãn ước muốn hạnh phúc của họ bằng những sản phẩm của chủ nghĩa tiêu thụ hay bằng một sự tự thỏa mãn nhất thời. Trong tình hình này, các bậc cha mẹ và nhà giáo dục dễ bị cảm dỗ từ bỏ nhiệm vụ giáo dục chuyên biệt của họ, và không còn hiểu vai trò và sứ mạng được giao cho họ là gì nữa.

Đó chính là tình trạng “khẩn trương giáo dục”: chúng ta không còn có khả năng cống hiến cho giới trẻ và các thế hệ mới tất cả những gì chúng ta phải truyền lại cho họ. Chúng ta cũng là những người mắc nợ họ về những giá trị đích thực làm nền tảng cho đời sống. Như thế, mục đích thiết yếu của giáo dục không được hoàn thành và bị lãng quên, đó là đào luyện những cá nhân có khả năng sống đời sống một cách sung mãn và cống hiến phần độc đáo của mình cho lợi ích chung. Tại nhiều nơi, người ta đang ngày càng nêu lên vấn đề giáo dục đích thực cũng như nhu cầu có những nhà giáo dục thực sự. (Quan tâm và nhiều khi lo âu trước tương lai của con cái họ), các bậc cha mẹ đang yêu cầu chính những điều này nơi các nhà giáo dục (những người đang trải nghiệm tình trạng xuống dốc đáng buồn của trường học) và nơi chính xã hội, nơi mà chính nền tảng của cuộc sống chung đang bị đe dọa.

Trong tình hình này, bổn phận của Hội Thánh trong việc dạy dỗ về đức tin, tư cách môn đệ và chứng tá cho Chúa trở nên một sự cống hiến đích thực hơn bao giờ, nó cho phép xã hội chúng ta ra khỏi tình trạng đau buồn của cuộc khủng hoảng giáo dục, bằng cách xua tan sự nghi kỵ và sự “thù ghét chính mình”, cũng như các hình thức miệt thị bản thân đang nổi bật trong một số nền văn hóa. Bổn phận của Hội Thánh trong lãnh vực này có thể cung cấp cho các Kitô hữu cơ hội mạo hiểm vào các diễn đàn công cộng của các xã hội chúng ta, và lại có thể nói về Thiên Chúa và đem đến cho xã hội món quà của Hội Thánh là truyền thống hoạt động giáo dục chuyên biệt mà các cộng đoàn Kitô giáo dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần đã thực hiện suốt nhiều thế kỷ.

proposant à nouveau la question sur Dieu et en apportant le don de leur tradition éducative, le fruit que les communautés chrétiennes, guidées par l'Esprit, ont su produire dans ce domaine.

À cet égard, l'Église possède une tradition, à savoir un capital historique de ressources pédagogiques, de réflexion et de recherche, d'institutions, de personnes – consacrées ou non, réunies dans des ordres religieux ou dans des congrégations – capables d'offrir une présence significative dans le monde de l'école et de l'éducation. En outre, intéressé aux transformations sociales et culturelles actuelles, ce capital connaît lui aussi des mutations significatives. Il sera donc utile d'imaginer également un discernement dans ce secteur, pour déterminer les points critiques que les mutations engendrent. Il faudra reconnaître les énergies d'avenir, les défis qui ont besoin d'une instruction adéquate, en sachant que la tâche fondamentale de l'Église est d'éduquer à la foi, à la *sequela* et au témoignage, en aidant à entrer dans un rapport vivant avec le Christ et avec le Père.

21. L'objectif d'une « écologie de la personne humaine »

L'objectif de tout cet engagement éducatif de l'Église est facilement identifiable. Il s'agit de travailler à la construction de ce que le Pape [Benoît XVI](#) définit une « écologie de la personne humaine ». « Une sorte d'écologie de l'homme, comprise de manière juste, est nécessaire. [...] Le point déterminant est la tenue morale de la société dans son ensemble. Si le droit à la vie et à la mort naturelle n'est pas respecté, si la conception, la gestation et la naissance de l'homme sont rendues artificielles, si des embryons humains sont sacrifiés pour la recherche, la conscience commune finit par perdre le concept d'écologie humaine et, avec lui, celui d'écologie environnementale. Exiger des nouvelles générations le respect du milieu naturel devient une contradiction, quand l'éducation et les lois ne les aident pas à se respecter elles-mêmes. Le livre de la nature est unique et indivisible, qu'il s'agisse de l'environnement comme de la vie, de la sexualité, du mariage, de la famille, des relations sociales, en un mot du développement humain intégral. Les devoirs que nous avons vis-à-vis de l'environnement sont liés aux devoirs que nous avons envers la personne considérée en elle-même et dans sa relation avec les autres. On ne peut exiger les uns et piétiner les autres. C'est là une grave antinomie de la mentalité et de la praxis actuelle qui avilit la personne, bouleverse l'environnement et détériore la société ».[\[81\]](#)

La foi chrétienne soutient l'intelligence dans la compréhension de l'équilibre profond qui régit la structure de l'existence et de son histoire. Ce n'est pas de façon générique ou de l'extérieur qu'elle accomplit cette opération, mais en partageant avec la raison la soif de savoir, la soif de recherche, en l'orientant vers le bien de l'homme et du cosmos. La foi chrétienne contribue à la compréhension du contenu profond des expériences fondamentales de l'homme, comme nous le montre le texte à peine cité. C'est une tâche – celle de cette confrontation critique et d'orientation – que le catholicisme accomplit depuis longtemps. Pour ce faire, il s'est organisé toujours mieux, en créant des institutions, des centres de recherche, des universités, fruit de l'intuition et du charisme de certains ou du zèle éducatif des Églises locales. Ces organismes assurent leur fonction au sein de l'espace commun de la recherche et du développement de la connaissance dans les différentes cultures et sociétés. Les mutations sociales et culturelles que nous avons présentées posent des questions et engendrent des défis à ces institutions. Le discernement qui est à la base de la « nouvelle évangélisation » est appelé à s'occuper de cet engagement culturel et éducatif de l'Église. On pourra ainsi déterminer les points critiques de ces défis, les énergies et les stratégies à adopter pour garantir l'avenir non seulement de l'Église mais aussi de l'homme et de l'humanité.

Về phương diện này, Hội Thánh có một truyền thống giáo dục lâu đời, đó là các tài nguyên sư phạm, suy tư và nghiên cứu, các tổ chức, các nhân sự–thánh hiến hay không thánh hiến trong các dòng tu và các cộng đoàn–những người có khả năng cống hiến sự hiện diện đầy ý nghĩa của mình trong thế giới học đường và giáo dục. Ngoài ra, do sự quan tâm tới các biến đổi xã hội và văn hóa hiện nay, chính tài nguyên này cũng chịu những biến đổi quan trọng. Vì vậy, một tiến trình phân định trong lãnh vực này cũng sẽ có lợi không chỉ để phân biệt những điểm thảo luận về những biến đổi này, mà còn để nhận ra những nguồn lực thiêng liêng và những thách thức tương lai trong giáo dục cần được giải quyết thỏa đáng. Đồng thời chúng ta cũng phải ý thức hoàn toàn rằng nhiệm vụ cơ bản của Hội Thánh là giáo dục đức tin, tình môn đệ và đời sống chứng tá, và giúp con người đến gặp gỡ thân tình với Chúa Kitô và Chúa Cha.

21. Mục tiêu của một “khoa sinh thái nhân vị”

Có thể dễ nhận ra mục tiêu của tất cả sự cam kết giáo dục của Hội Thánh, đó là xây dựng cái mà Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI gọi là một “khoa sinh thái nhân vị” “Cần phải có cái gọi là một khoa sinh thái nhân vị, hiểu theo đúng nghĩa của nó. [...] Vấn đề có tính quyết định là thái độ đạo đức toàn diện của xã hội. Nếu thiếu sự kính trọng đối với quyền sự sống và quyền có một cái chết tự nhiên, nếu sự thụ thai, mang thai và sinh nở của con người được làm bằng phương pháp nhân tạo, nếu người ta hi sinh các bào thai cho việc nghiên cứu, thì ý thức xã hội sẽ đi đến chỗ đánh mất khái niệm về một khoa sinh thái con người, và cùng với nó là khoa sinh thái môi trường. Khi mà các hệ thống giáo dục và luật pháp của chúng ta không giúp con người tôn trọng chính mình, thì sẽ là điều mâu thuẫn nếu chúng ta đòi các thế hệ tương lai phải tôn trọng môi trường tự nhiên. Quyền sách thiên nhiên là duy nhất và bất khả phân chia: Nó không chỉ bao gồm môi trường nhưng cũng bao gồm cả sự sống, giới tính, hôn nhân, gia đình và các quan hệ xã hội: tóm lại là sự phát triển con người toàn diện. Các nghĩa vụ của chúng ta đối với môi trường tự nhiên thì gắn liền với các nghĩa vụ đối với nhân vị nơi bản thân nó và trong tương quan với người khác. Đề cao một cái mà chà đạp lên cái kia là việc làm sai trái. Đây chính là chỗ mâu thuẫn nghiêm trọng giữa cách suy nghĩ và thực hành của thời đại chúng ta hôm nay: một thời đại hạ giá nhân phẩm, tàn phá môi trường và hủy hoại xã hội.”⁸¹

Đức tin Kitô giáo giúp đỡ trí khôn để hiểu sự cân bằng sâu xa của lịch sử và toàn thể hiện hữu. Đức tin hoàn thành nhiệm vụ này không chỉ một cách chung chung hay bên ngoài, nhưng bằng việc chia sẻ với lý trí sự khao khát hiểu biết, khao khát nghiên cứu, đồng thời hướng dẫn lý trí tới lợi ích của con người và vũ trụ. Đức tin Kitô giáo cống hiến cho sự hiểu biết về nội dung sâu xa của những kinh nghiệm cơ bản của con người, như bản văn vừa trích trên kia cho thấy. Đó là một nhiệm vụ–đôi chất có phê phán và định hướng–mà Hội Thánh Công Giáo đã thực hiện từ lâu. Để làm việc này, Hội Thánh luôn luôn cải thiện tổ chức của mình, bằng việc lập ra các trường học, các trung tâm nghiên cứu, các đại học, là kết quả của trực giác và đặc sủng của một số cá nhân hay nhiệt tình giáo dục của một số Giáo Hội địa phương. Các tổ chức này bảo đảm chức năng của chúng trong mặt bằng chung của việc nghiên cứu và của sự phát triển tri thức trong các nền văn hóa và các xã hội khác nhau. Những biến đổi văn hóa và xã hội đã trình bày ở trên đặt ra những vấn đề và những thách thức cho các tổ chức ấy. Công việc phân định cơ bản của cuộc “tân phúc âm hóa” được kêu gọi lưu tâm đến sự dân thân văn hóa và giáo dục của Hội Thánh. Bằng cách này, chúng ta sẽ có thể xác định được những điểm phê bình của các thách thức này, những nỗ lực cũng như những chiến lược phải sử dụng để bảo đảm tương lai không chỉ của Hội Thánh mà cả của con người và toàn thể nhân loại.

Imaginer tous ces espaces culturels comme autant de « parvis des gentils », en les aidant à vivre leur vocation originaires à l'intérieur des nouveaux scénarios qui se présentent, c'est-à-dire celle d'insérer positivement la question sur Dieu et l'expérience de la foi chrétienne dans les questions du temps présent ; aider ces espaces à être des lieux où former des personnes libres et adultes, capables à leur tour de mettre la question de Dieu dans leur vie, dans le travail, la famille, constituent certainement des engagements caractéristiques de la « nouvelle évangélisation ».

22. Évangélistes et éducateurs, parce que témoins

Le contexte d'urgence éducative auquel nous sommes confrontés confère encore plus de force aux paroles du Pape Paul VI : « L'homme contemporain écoute plus volontiers les témoins que les maîtres ou s'il écoute les maîtres, c'est parce qu'ils sont des témoins. [...] C'est donc par sa conduite, par sa vie, que l'Église évangélisera tout d'abord le monde, c'est-à-dire par son témoignage vécu de fidélité au Seigneur Jésus, de pauvreté et détachement, de liberté face aux pouvoirs de ce monde, en un mot, de sainteté ».^[82] Tout projet de « nouvelle évangélisation », tout projet d'annonce et de transmission de la foi ne peut pas faire abstraction de cette nécessité : avoir des hommes et des femmes qui, par leur conduite de vie, renforcent l'engagement évangéliste qu'ils vivent. C'est justement cette exemplarité qui est la valeur ajoutée confirmant la vérité de leur dévouement, du contenu de ce qu'ils enseignent et de ce qu'ils demandent de vivre. L'urgence éducative actuelle ne fait qu'augmenter le besoin d'éducateurs qui savent être des témoins crédibles de ces réalités et de ces valeurs sur lesquelles il est possible de fonder aussi bien l'expérience personnelle de chaque homme que les projets partagés du vivre social. À cet égard, nous avons d'excellents exemples. Il suffit de rappeler saint Paul, saint Patrick, saint Boniface, saint François-Xavier, les saints Cyrille et Méthode, saint Turibio de Mongrovejo, saint Damien de Veuster, la bienheureuse Mère Teresa de Calcutta.

Cette demande se transforme pour l'Église d'aujourd'hui en un devoir de soutenir et de former le grand nombre de personnes qui, depuis longtemps, s'engagent dans ces tâches d'évangélisation et d'éducation (évêques, prêtres, catéchistes, éducateurs, enseignants, parents) ; des communautés chrétiennes, appelées à accorder une plus grande reconnaissance et à investir davantage de ressources dans cette tâche primordiale pour l'avenir de l'Église et de l'humanité. Il est nécessaire d'affirmer clairement le caractère essentiel de ce ministère d'évangélisation, d'annonce et de transmission, à l'intérieur de nos Églises. Il est nécessaire que les communautés, individuellement, revoient les priorités de leurs actions, pour concentrer leurs énergies et leurs forces dans cet engagement commun de « nouvelle évangélisation ».

Pour que la foi soit soutenue et alimentée, elle a besoin initialement du milieu originaires qu'est la famille, lieu premier de l'éducation à la prière.^[83] C'est dans l'espace familial que peut se réaliser l'éducation à la foi, essentiellement dans la forme d'éducation de l'enfant à la prière. Prier avec l'enfant est utile aux parents pour l'habituer à reconnaître la présence aimante du Seigneur, en leur permettant de redevenir des témoins dignes de foi pour l'enfant lui-même.

La formation et l'attention avec lesquelles il faudra non seulement soutenir les évangélistes déjà actifs, mais aussi faire appel à de nouvelles forces, ne se réduiront pas à une simple préparation technique, même si celle-ci est nécessaire. Il s'agira en premier lieu d'une formation spirituelle, d'une école de la foi à la lumière de l'Évangile de Jésus-Christ, sous la conduite de l'Esprit, pour vivre l'expérience de la paternité de Dieu. Seul peut évangéliser

Đương nhiên một cuộc “tân phúc âm hóa” coi những lãnh vực văn hóa này là những “Sân của Dân Ngoại”: giúp con người sống đầy đủ mục đích cơ bản hay “on gọi” của họ giữa những đổi thay mà họ đang trải nghiệm, đó là đưa vấn đề Thiên Chúa và đức tin Kitô giáo lên diễn đàn của con người thời nay, và coi những lãnh vực này là quỹ đạo ở đó những con người được đào luyện để trở nên tự do và trưởng thành, và đến lượt họ, họ có thể đưa vấn đề Thiên Chúa vào đời sống, gia đình và nơi làm việc của chính họ.

22. Người rao giảng Tin Mừng và người giáo dục: Những chứng nhân

Tình trạng “khẩn trương giáo dục” hiện nay làm cho những lời của Đức Giáo Hoàng Phaolô VI có ý nghĩa đặc biệt: “‘Con người thời nay sẵn sàng nghe những chứng nhân hơn nghe những thầy dạy, và nếu họ có nghe những thầy dạy thì đó là vì những thầy dạy này là những chứng nhân.’ [...] Vì vậy, Hội Thánh sẽ phúc âm hóa thế giới chủ yếu bằng chính hành vi và đời sống của mình, nói khác đi, bằng việc làm chứng lòng trung thành của Hội Thánh đối với Chúa Giêsu—chứng tá về sự nghèo khó và vô cầu, chứng tá về sự tự do trước những quyền lực của thế giới này, tóm lại, chứng tá về sự thánh thiện.”⁸² Bất kể việc phúc âm hóa có những đề nghị gì, bất kể việc rao giảng và truyền bá đức tin có kế hoạch mục vụ gì, một sự thật không thể tránh là đời sống của người ta tạo nên sức mạnh cho cố gắng truyền giáo. Chính bằng cách này mà đời sống của họ trở nên một mẫu gương đặc biệt, nó xác nhận sự tận tụy hi sinh của họ là trung thực và điều họ dạy là sự thật và mời gọi người khác sống theo. Tình trạng “khẩn trương giáo dục” hôm nay kêu gọi các nhà giáo dục biết cách trở nên những chứng nhân đáng tin về thực tại này và về các giá trị có thể được dùng làm cơ sở cho đời sống con người và những kế hoạch chung của đời sống cộng đồng trong xã hội. Về phương diện này, chúng ta chỉ cần nhớ lại những mẫu gương đời sống của các vị thánh như Thánh Phaolô, Thánh Patrick, Thánh Bonifaxiô, Thánh Phanxicô Xaviê, hai Thánh Cyrilô và Mêthôđiô, Thánh Turibiô thành Mongrovejo, Thánh Đamianô Veuster và Chân Phước Mẹ Têrêxa Calcutta.

Yêu cầu này đối với Hội Thánh hôm nay có nghĩa là công hiến sự nâng đỡ và đào luyện cho nhiều người đã lâu năm dẫn mình vào công cuộc rao giảng Tin Mừng và giáo dục (các giám mục, linh mục, giáo lý viên, các nhà giáo dục, giáo viên và cha mẹ). Cũng thế, các cộng đoàn Kitô phải biết nhận ra và đầu tư nguồn lực nhiều hơn nữa cho nhiệm vụ thiết yếu này vì tương lai của Hội Thánh và của nhân loại. Vị trí trung tâm của công cuộc rao giảng Tin Mừng, loan báo và truyền bá đức tin phải được xác định rõ trong các Giáo Hội của chúng ta. Các hoạt động ưu tiên của mỗi cộng đoàn cũng phải được đánh giá lại để tăng cường sức mạnh và nguồn lực trong dự án chung của cuộc “tân phúc âm hóa”.

Việc duy trì và nuôi dưỡng đức tin tất yếu bắt đầu trong gia đình, đơn vị nền tảng của xã hội và là chỗ tối ưu để học cầu nguyện.⁸³ Dạy dỗ đức tin chủ yếu diễn ra trong gia đình dưới hình thức dạy trẻ em biết cầu nguyện. Khi cầu nguyện chung với con cái, các cha mẹ làm cho chúng quen ý thức sự hiện diện của Chúa, và đồng thời chính họ trở nên những chứng nhân đáng tin cho con cái họ.

Việc đào tạo và quan tâm cần thiết để nâng đỡ những người đã dẫn thân trong việc rao giảng Tin Mừng, cũng như việc chiêu mộ những lực lượng mới không được chỉ giới hạn vào việc chuẩn bị thực tiễn, dù vẫn cần thiết. Ngược lại, đào luyện và chăm sóc mục vụ phải trở vượt về bản chất thiêng liêng, nghĩa là, một trường học đức tin, được soi sáng bởi Tin Mừng Chúa Giêsu Kitô và dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần, để dạy cho con người những hệ quả của việc trải nghiệm tình phụ tử của Thiên Chúa. Người ta chỉ có thể phúc âm hóa người khác khi chính họ đã được phúc âm hóa và để cho mình được phúc âm hóa, nghĩa là được canh tân thiêng liêng qua sự gặp gỡ thân tình và hiệp thông sống động với Chúa Giêsu

celui qui, à son tour, s'est laissé et se laisse évangéliser, celui qui est capable de se laisser renouveler spirituellement par la rencontre et la communion vécues avec Jésus-Christ. Il peut transmettre la foi, comme en témoigne l'apôtre Paul: « *J'ai cru, c'est pourquoi j'ai parlé* » (2*o* Co 4, 13).

La nouvelle évangélisation est donc surtout un devoir et un défi spirituel. C'est une tâche pour les chrétiens qui recherchent la sainteté. Dans ce contexte et avec cette compréhension de la formation, il sera utile de consacrer de l'espace et du temps à une confrontation sur les institutions et les instruments dont disposent les Églises locales pour rendre les baptisés conscients de leur engagement missionnaire et évangéliste. Face aux scénarios de la nouvelle évangélisation, pour être crédibles les témoins doivent savoir parler les langages de leur temps, annonçant ainsi de l'intérieur les raisons de l'espérance qui les anime (cf. 1 P 3, 15). Une telle tâche ne peut pas être imaginée de façon spontanée, elle exige attention, éducation et soin.

Questions

Le projet de la nouvelle évangélisation se propose comme un exercice de vérification de tous les lieux et de toutes les actions dont dispose l'Église pour annoncer l'Évangile au monde.

1. L'instrument de la « première annonce » est-il connu et répandu dans les communautés chrétiennes ?
2. Les communautés chrétiennes élaborent-elles des actions pastorales ayant pour objectif la proposition spécifique de l'adhésion à l'Évangile, de la conversion au christianisme ?
3. Plus en général, comment les communautés chrétiennes se mesurent-elles individuellement avec l'exigence d'élaborer de nouvelles formes pour un discours sur Dieu au sein de la société et aussi à l'intérieur de nos communautés elles-mêmes ? Quelles expériences significatives est-il utile de partager avec les autres Églises ?
4. Comment le projet des « parvis des gentils » a-t-il été assumé et développé dans les différentes Églises locales ?
5. À quel niveau de priorité l'engagement d'oser de nouvelles voies d'évangélisation a-t-il été assumé individuellement par les communautés chrétiennes ? Quelles sont les initiatives d'ouverture missionnaire des communautés chrétiennes qui sont les plus réussies ?
6. Quelles expériences, quelles institutions, quelles nouvelles agrégations ou groupes sont-ils nés ou se sont répandus, avec l'objectif d'une annonce de l'Évangile joyeuse et contagieuse pour les hommes ?
7. Quelles sont les collaborations entre les communautés paroissiales et ces nouvelles expériences ?

l'Église a engagé beaucoup d'énergies pour restructurer ses propres parcours d'initiation et d'éducation à la foi.

8. Dans quelle mesure l'expérience de l'initiation chrétienne des adultes a-t-elle été assumée comme modèle pour repenser les chemins d'initiation à la foi de nos communautés ?
9. Dans quelle mesure et de quelle façon l'instrument de l'initiation chrétienne a-t-il été assumé? De quelle façon a-t-il aidé la nouvelle réflexion sur la pastorale baptismale et l'accentuation du lien entre les sacrements du Baptême, de la Confirmation et de l'Eucharistie?

Kitô. Những người như thế có sức mạnh truyền bá đức tin, như Thánh Phaolô Tông Đồ đã chứng thực: “Tôi đã tin, nên tôi mới nói” (2 Cr 4:13).

Vì chủ yếu là một nhiệm vụ phải làm và một thách thức thiêng liêng, việc tân phúc âm hóa là trách nhiệm của mọi Kitô hữu nghiêm túc theo đuổi sự thánh thiện. Trong bối cảnh này và với cách hiểu này về đào luyện, việc hữu ích phải làm là dành thời gian và nơi chốn để xem xét những tổ chức và những phương tiện mà các Giáo Hội địa phương đang có để giúp những người đã rửa tội biết ý thức về nhiệm vụ truyền giáo và rao giảng Tin Mừng của họ. Muốn cho chúng ta của chúng ta đáng tin cậy khi chúng ta đáp ứng từng bối cảnh này của việc tân phúc âm hóa, chúng ta phải biết nói với thời đại chúng ta bằng ngôn ngữ dễ hiểu, và công bố trong những bối cảnh này các lý do của niềm hi vọng sống động nơi chúng ta (x. 1 Pr 3:15). Một nhiệm vụ như thế không thể thực hiện mà không có cố gắng; nó đòi hỏi sự chăm chú, giáo dục và quan tâm.

Câu hỏi

Kế hoạch tân phúc âm hóa được đề nghị như một sự vận dụng việc đánh giá mọi bối cảnh và mọi hoạt động đang có trong Hội Thánh để có thể loan báo Tin Mừng cho thế giới.

1. Công cụ “loan báo ban đầu” có được biết rõ và phổ biến trong các cộng đoàn Kitô của chúng ta không?
2. Các cộng đoàn Kitô chúng ta có lập kế hoạch mục vụ với mục tiêu chuyên biệt là rao giảng nếp sống phù hợp với Tin Mừng và sự trở lại Kitô giáo không?
3. Nói chung, mỗi cộng đoàn Kitô đang đáp ứng các đòi hỏi của việc tìm ra các hình thức nêu vấn đề về Thiên Chúa trong xã hội và trong chính cộng đoàn của mình không? Họ có những kinh nghiệm quý báu nào đáng được chia sẻ với các Giáo Hội địa phương khác?
4. Kế hoạch “Sân của Dân Ngoại” đã được vận dụng và được khai triển như thế nào trong các Giáo Hội địa phương khác nhau?
5. Mỗi Giáo Hội địa phương đã dành ưu tiên nào cho việc dấn thân mạo hiểm vào các cách thức mới của việc rao giảng Tin Mừng? Những sáng kiến nào thành công nhất trong việc làm cho các Giáo Hội địa phương mở ra với hoạt động truyền giáo?
6. Có những kinh nghiệm, tổ chức và hiệp hội hay nhóm mới nào được thành lập hay phát triển để loan báo Tin Mừng cho loài người một cách vui vẻ và dễ tiếp thu?
7. Những cố gắng hợp tác giữa các nhóm nói trên và các giáo xứ đã mang lại những kết quả nào?

Hội Thánh đã dành nhiều nghị lực cho việc soạn thảo lại các chương trình khai tâm và giáo dục đức tin.

8. Kinh nghiệm khai tâm Kitô giáo cho người lớn đã được dùng làm mô hình như thế nào trong việc duyệt lại các chương trình khai tâm đức tin trong các cộng đoàn chúng ta?
9. Công cụ khai tâm Kitô giáo đã được dùng tới đâu? Cách nào? Nó đã giúp thế nào cho việc suy tư mới về mục vụ thanh tẩy và sự nhấn mạnh mối tương quan giữa các bí tích Rửa Tội, Thêm Sức và Thánh Thể?
10. Các Giáo Hội Công Giáo Phương Đông cử hành đầy đủ các Bí Tích Khai Tâm Kitô giáo cho trẻ em. Đây là những điểm phong phú và những nét khác biệt của kinh

10. Les Églises catholiques orientales administrent de façon unitaire les sacrements de l'initiation chrétienne à l'enfant. Quelles sont les richesses et les particularités de cette expérience ? De quelle façon se sentent-elles sollicitées par les réflexions et les changements actuels dans l'Église eu égard à l'initiation chrétienne ?
11. De quelle manière le « catéchuménat baptismal » a-t-il inspiré une révision des parcours de préparation aux sacrements, les transformant en des itinéraires d'initiation chrétienne, capables d'impliquer activement les différents membres de la communauté (en particulier les adultes), et non seulement les différents sujets intéressés ? De quelle façon les communautés chrétiennes se situent-elles aux côtés des parents, dans un devoir de transmission de la foi qui devient de plus en plus difficile ?
12. Quelles évolutions la place du sacrement de la Confirmation a-t-elle connu au sein de cet itinéraire ? Suivant quelles motivations ?
13. Comment a-t-on réussi à concrétiser des itinéraires mystagogiques ?
14. Dans quelles mesure les communautés chrétiennes ont-elles réussi à transformer le chemin d'éducation à la foi en une question adulte et s'adressant principalement aux adultes, en lui évitant ainsi le risque de s'adresser seulement à l'âge de l'enfance ?
15. Les Églises locales sont-elles en train d'élaborer des réflexions claires sur le rôle de l'annonce et sur la nécessité d'accorder une plus grande importance à l'engendrement de la foi, à la pastorale baptismale ?
16. A-t-on dépassé la phase consistant à déléguer la tâche d'éducation à la foi de la part des communautés paroissiales à d'autres agences d'éducation religieuse (par exemple aux institutions scolaires, en confondant les itinéraires d'éducation à la foi avec d'éventuelles formes d'éducation culturelle au fait religieux) ?

Le défi éducatif interpelle nos Églises comme une véritable urgence.

17. Avec quel degré de sensibilité a-t-il été accueilli ? Et avec quelles énergies ?
18. De quelle façon la présence d'institutions catholiques dans le monde de l'école aide-t-elle à répondre à ce défi ? Quelles mutations intéressent ces institutions ? Quelles sont les ressources dont elles disposent pour répondre à ce défi ?
19. Quel est le lien existant entre ces institutions et les autres institutions ecclésiales, entre ces institutions et la vie paroissiale ?
20. De quelle façon ces institutions peuvent-elles avoir une voix au sein de la culture et de la société, en enrichissant les débats et les mouvements culturels de pensée par la voix de l'expérience chrétienne de foi ?
21. Quel est le rapport qui subsiste entre ces institutions catholiques et les autres institutions éducatives, entre celles-ci et la société ?
22. De quelle façon les grandes institutions culturelles (universités catholiques, centres culturels, centres de recherche), qui sont l'héritage que l'histoire nous a laissé, arrivent-elles à prendre la parole dans les débats qui intéressent les valeurs fondamentales de l'homme (défense de la vie, de la famille, de la paix, de la justice, de la solidarité, de la création) ?
23. Comment arrivent-elles à être l'instrument qui aide l'homme à dilater les limites de sa raison, à rechercher la vérité, à reconnaître les traces du dessein de Dieu qui donne un sens à notre histoire ? Et, de façon correspondante, comment aident-elles les

nghiệm này? Lỗi thực hành này ảnh hưởng thế nào tới suy tư và những thay đổi đang diễn ra trong lãnh vực khai tâm Kitô giáo của Hội Thánh Công Giáo?

11. “Huấn giáo dự tông” đã gợi hứng thế nào cho việc duyệt lại lộ trình chuẩn bị các bí tích, bằng cách biến nó thành những giai đoạn khai tâm Kitô giáo có khả năng lôi kéo sự tham dự tích cực của các thành phần khác nhau của cộng đoàn (đặc biệt những người lớn), chứ không chỉ ảnh hưởng tới những người liên quan trực tiếp? Các cộng đoàn Kitô giáo đóng vai trò nào bên cạnh các bậc cha mẹ, trong bốn phần truyền đạt đức tin ngày càng khó khăn hơn?
12. Vị trí của bí tích Thêm Sức đã có những phát triển nào trong lộ trình này? Vì những lý do nào?
13. Các yếu tố của khoa bí nhiệm đã được tháp nhập vào tiến trình này như thế nào?
14. Các cộng đoàn Kitô đã thành công đến đâu trong việc thích nghi tiến trình dạy dỗ đức tin cho người lớn, nhờ đó tránh được nguy cơ chỉ giới hạn vào việc dạy giáo lý cho trẻ em mà thôi?
15. Các Giáo Hội địa phương ý thức thế nào về vai trò của việc rao giảng và nhu cầu nhân mạnh tầm quan trọng của việc phát sinh đức tin và chương trình mục vụ đối với bí tích Rửa Tội?
16. Các cộng đoàn giáo xứ đã tránh như thế nào sự cám dỗ bỏ mặc việc dạy dỗ đức tin cho những người hoạt động giáo dục tôn giáo khác (ví dụ, họ khoán trắng trách nhiệm này cho nhà trường, và lẫn lộn việc giáo dục đức tin với các hình thức giáo dục văn hóa về tôn giáo)?

Trong các Giáo Hội của chúng ta, thách thức giáo dục là có thật và là chuyện cấp bách.

17. Thách thức này đã được nhận ra và đối phó như thế nào? Chúng ta có những phương tiện nào trong lãnh vực này?
18. Sự hiện diện của các tổ chức Công Giáo trong thế giới trường học có phải là một sự trợ giúp trong việc đáp ứng lại thách thức này không? Có những thay đổi đáng chú ý trong các tổ chức này? Có những nguồn lực nào để đáp ứng các thách thức này?
19. Các tổ chức này có những tương quan gì với các tổ chức khác của Hội Thánh? Và có tương quan gì với đời sống giáo xứ?
20. Các tổ chức này có khả năng tham gia như thế nào vào văn hóa và xã hội, qua việc công hiến kinh nghiệm đức tin Kitô giáo cho các cuộc thảo luận công cộng và các nỗ lực của nền văn hóa hôm nay?
21. Các tổ chức Công Giáo có mối tương quan như thế nào với các tổ chức giáo dục khác? Và với xã hội nói chung?
22. Bằng cách nào các tổ chức văn hóa lớn của Công Giáo (các đại học, trung tâm văn hóa, trung tâm nghiên cứu của Công Giáo) có thể để lại một di sản cho lịch sử, có một tiếng nói trong cuộc thảo luận hiện nay về các giá trị cơ bản của con người (bảo vệ sự sống, gia đình, hòa bình, công lý, tình đoàn kết, vũ trụ)?
23. Bằng cách nào các tổ chức ấy có thể giúp người ta mở rộng trí óc và tìm kiếm sự thật để nhận ra những dấu vết kế hoạch của Thiên Chúa mang lại ý nghĩa cho lịch sử chúng ta? Cũng vậy, bằng cách nào các tổ chức ấy có thể giúp các cộng đoàn chúng ta phân định và cổ vũ việc lắng nghe những thắc mắc và những mong đợi sâu xa của nền văn hóa hôm nay?

communautés chrétiennes à déchiffrer et à favoriser l'écoute des questions et des attentes profondes qu'exprime la culture aujourd'hui ?

24. Dans quelle mesure ces institutions parviennent-elles à s'imaginer à l'intérieur de l'expérience dénommée « parvis des gentils »? C'est-à-dire, arrivent-elles à s'imaginer comme des lieux où les chrétiens vivent l'audace d'instaurer des formes de dialogue interceptant les attentes les plus profondes des hommes et leur soif de Dieu ; et d'introduire à l'intérieur de ces contextes la question sur Dieu, en partageant leur expérience de recherche et en présentant comme étant un don la rencontre avec l'Évangile de Jésus-Christ ?

Le projet de la nouvelle évangélisation exige des formes et des parcours de formation à l'annonce et au témoignage.

25. De quelle façon les communautés chrétiennes vivent-elles l'urgence d'appeler, de former et de soutenir les personnes qui, parce que témoins, savent être des évangélistes et des éducateurs ?
26. Quels ministères institués, le plus souvent « de fait », les Églises locales ont-elles vu surgir (ou ont-elles favorisé), avec cette claire finalité évangélistique ?
27. De quelle façon les paroisses se sont-elles laissées inspirer à cet égard par la vitalité de certains mouvements et réalités charismatiques ?
28. Au cours de ces dernières décennies, de nombreuses Conférences épiscopales ont fait de la mission et de l'évangélisation les éléments centraux et les priorités de leurs projets pastoraux: avec quels résultats ? Comment ont-elles su sensibiliser les communautés chrétiennes sur la qualité « spirituelle » de ce défi missionnaire ?
29. De quelle façon cet accent sur la « nouvelle évangélisation » a-t-il aidé la révision et la réorganisation des parcours de formation des candidats au sacerdoce ? Comment les différentes institutions chargées de cette formation (séminaires diocésains ou régionaux, gérés par des ordres religieux) ont-ils su relire et adapter leurs règles de vie à cette priorité ?
30. De quelle façon le ministère du diaconat, récemment réintroduit, a-t-il trouvé dans ce mandat d'évangélisation l'un des contenus de son identité ?

24. Các tổ chức nào của Hội Thánh có thể được gọi là nằm trong kinh nghiệm về “Sân của Dân Ngoại”? Các tổ chức nào là nơi mà người Kitô hữu có thể chứng tỏ sự mạnh dạn trong việc tạo ra các hình thức đối thoại để đáp ứng những mong đợi sâu xa của loài người và niềm khao khát Thiên Chúa? Các tổ chức nào là nơi người Kitô hữu có thể chứng tỏ sự mạnh dạn trong việc nêu lên vấn đề Thiên Chúa trong các cuộc đối thoại này? Các tổ chức nào là nơi người Kitô hữu có thể chứng tỏ sự mạnh dạn trong việc chia sẻ kinh nghiệm của mình về việc tìm kiếm Thiên Chúa và cắt nghĩa về sự gặp gỡ thân tình của mình với Người trong Tin Mừng của Đức Giêsu Kitô?

Kế hoạch tân phúc âm hóa đòi hỏi sự đào luyện cho việc rao giảng và làm chứng.

25. Các cộng đoàn Kitô đang chứng tỏ như thế nào sự cấp bách của việc tuyển mộ, đào tạo và nâng đỡ những ai sẽ trở thành những người rao giảng Tin Mừng và nhà giáo dục qua việc làm chứng bằng đời sống của họ?
26. Những việc phục vụ nào—các thừa tác vụ theo luật định hay các việc phục vụ khác (phổ biến hơn)—đã phát sinh hay được khuyến khích trong các Giáo Hội địa phương với mục tiêu rõ ràng là rao giảng Tin Mừng?
27. Các giáo xứ chứng tỏ thế nào sự cởi mở trước sức sống của một số phong trào hay một số nhóm đặc sủng?
28. Những thập niên gần đây, nhiều Hội Đồng Giám Mục đã đặt hoạt động truyền giáo và rao giảng Tin Mừng làm tâm điểm và nhiệm vụ ưu tiên trong kế hoạch mục vụ của họ. Có những kết quả gì? Kế hoạch này đã có khả năng bao nhiêu để làm cho các cộng đoàn Kitô ý thức về khía cạnh “thiên liêng” của thách thức truyền giáo này?
29. Sự nhấn mạnh việc “tân phúc âm hóa” đã giúp ích thế nào trong việc đánh giá lại và tổ chức lại các chương trình đào luyện cho các ứng sinh linh mục? Các tổ chức chịu trách nhiệm về việc đào tạo này (chủng viện giáo phận, chủng viện vùng, chủng viện của các dòng tu) đã có thể đánh giá lại và thích nghi qui luật đời sống của họ với nhiệm vụ ưu tiên này như thế nào?
30. Thừa tác vụ phó tế vĩnh viễn đã được đưa vào trong sứ mạng truyền giáo của Hội Thánh như thế nào?

CONCLUSION

*«Vous allez recevoir une force,
celle de l'Esprit Saint qui descendra sur vous » (Ac 1, 8)*

23. Fondement de la « nouvelle évangélisation » dans la Pentecôte

En étant parmi nous, Jésus-Christ nous a communiqué la vie divine qui transfigure la face de la terre, faisant l'univers nouveau (cf. Ap 21, 5). Sa Révélation nous a impliqués non seulement en tant que destinataires du salut qui nous a été donné, mais aussi comme ses annonceurs et ses témoins. L'Esprit du Ressuscité donne ainsi à notre vie la capacité d'annoncer efficacement l'Évangile dans le monde entier. C'est l'expérience de la première communauté chrétienne, qui voyait la Parole se diffuser par la prédication et le témoignage (cf. Ac 6, 7).

Au plan de la chronologie, la première évangélisation commença le jour de Pentecôte, lorsque les Apôtres reçurent l'Esprit Saint alors qu'ils étaient réunis en un même lieu pour prier avec la Mère de Jésus. Celle qui, selon les paroles de l'Archange, était « pleine de grâce », se trouve ainsi sur le chemin de l'évangélisation apostolique, et sur tous les chemins qui ont été parcourus par les successeurs des Apôtres pour annoncer l'Évangile.

Nouvelle évangélisation ne signifie pas « nouvel Évangile », car « Jésus-Christ est le même hier et aujourd'hui, il le sera à jamais » (He 13, 8). Nouvelle évangélisation signifie : une réponse adéquate aux signes des temps, aux besoins des hommes et des peuples d'aujourd'hui, à tous les scénarios qui dessinent la culture à travers laquelle nous révélons nos identités et nous cherchons le sens de nos existences. Nouvelle évangélisation signifie donc promotion d'une culture enracinée plus en profondeur dans l'Évangile : cela signifie découvrir l'homme nouveau qui est en nous grâce à l'Esprit que nous ont donné Jésus-Christ et le Père. Que le chemin de préparation à la prochaine Assemblée Générale Ordinaire du Synode des Évêques, ainsi que sa célébration, soient pour l'Église un nouveau Cénacle, où, réunis en prière avec la Mère du Christ –avec celle qui a été invoquée comme l'Étoile de la Nouvelle Évangélisation–, [84] les successeurs des Apôtres préparent les voies de la nouvelle évangélisation.

24. La « nouvelle évangélisation », vision pour l'Église d'aujourd'hui et de demain

Dans ces pages, nous avons beaucoup parlé de nouvelle évangélisation. À la fin du document, cela vaut la peine de rappeler le sens profond de cette définition, et l'appel qu'elle contient. Nous laissons cette tâche au Pape [Jean-Paul II](#), qui a fortement soutenu et diffusé cette terminologie. « Nouvelle évangélisation » signifie que « nous devons revivre en nous le sentiment enflammé de Paul qui s'exclamait: 'Malheur à moi si je n'annonçais pas l'Évangile !' (1 Co 9, 16). Cette passion ne manquera pas de susciter dans l'Église un nouvel esprit missionnaire, qui ne saurait être réservé à un groupe de 'spécialistes' mais qui devra engager la responsabilité de tous les membres du peuple de Dieu. Celui qui a vraiment rencontré le Christ ne peut le garder pour lui-même, il doit l'annoncer. Il faut un nouvel élan apostolique qui soit vécu comme un engagement quotidien des communautés et des groupes chrétiens ».[85]

KẾT LUẬN

“Anh em sẽ nhận được sức mạnh của Thánh Thần khi Người ngự xuống trên anh em.” (Cv 1:8)

23. Lễ Hiện Xuống: Nền tảng của “Tân phúc âm hóa”

Khi đến trần gian ở giữa chúng ta, Đức Giêsu Kitô đã cho chúng ta thông phần sự sống của Thiên Chúa để biến đổi bộ mặt trái đất và làm nên một thế giới mới (x. Kh 21:5). Mặc khải của Người không chỉ làm chúng ta được thừa hưởng ơn cứu độ mà còn biến chúng ta trở thành những sứ giả và những chứng nhân. Để chu toàn nhiệm vụ này, Thánh Thần của Đức Kitô phục sinh đem lại hiệu quả cho công việc loan báo Tin Mừng của chúng ta trên khắp thế giới. Đây từng là kinh nghiệm của cộng đoàn Kitô hữu tiên khởi khi họ chứng kiến Lời Thiên Chúa lan rộng nhờ việc rao giảng và chứng tá (x. Cv 6:7).

Xét về phương diện thời gian, cuộc rao giảng Tin Mừng đầu tiên đã bắt đầu vào ngày lễ Hiện Xuống, khi các Tông Đồ nhận lãnh Chúa Thánh Thần đang khi các ngài tụ tập lại với nhau để cầu nguyện cùng với Đức Maria, Mẹ Chúa Giêsu. Như thế, Đức Maria, người mà Tổng Lãnh Thiên Thần chào là “đầy ơn phúc”, đã hiện diện trong cuộc rao giảng Tin Mừng của các Tông Đồ và Mẹ tiếp tục hiện diện ở bất cứ nơi nào mà những người kế nhiệm các Tông Đồ đang nỗ lực rao giảng Tin Mừng.

Tân phúc âm hóa không có nghĩa là một “Tin Mừng mới”, bởi vì “Đức Giêsu Kitô vẫn là một, hôm qua cũng như hôm nay và mãi mãi” (Dt 13:8). Đúng hơn, tân phúc âm hóa là một câu trả lời thích hợp cho những dấu chỉ thời đại, cho những nhu cầu của loài người và các dân tộc thời nay, và cho các bối cảnh văn hóa mới, nơi chúng ta bộc lộ căn tính con người mình và là nơi chúng ta tìm kiếm ý nghĩa cho hiện hữu của mình. Vì vậy tân phúc âm hóa có nghĩa là cố vũ một nền văn hóa bén rễ sâu hơn trong Tin Mừng: có nghĩa là khám phá ra con người mới trong chúng ta nhờ Thánh Thần mà Chúa Kitô và Chúa Cha đã ban cho chúng ta. Chương trình chuẩn bị cho Đại Hội Thường Kỳ lần thứ XIII của Thượng Hội Đồng Giám Mục đề ra lộ trình cho cuộc tân phúc âm hóa. Việc cử hành Đại Hội này đối với Hội Thánh có thể ví như một Nhà Tiệc Ly mới, nơi các vị kế nhiệm các Tông Đồ sẽ tụ tập lại để cầu nguyện cùng với Đức Maria Mẹ Chúa Giêsu, người Mẹ được chúng ta kêu cầu như là Ngôi Sao của cuộc Tân phúc âm hóa.⁸⁴

24 “Tân phúc âm hóa”: Tầm nhìn cho Hội Thánh hôm nay và ngày mai

Trong những trang trên đây, chúng ta đã nhiều lần nói đến một cuộc tân phúc âm hóa. Để kết luận, chúng ta có thể hiểu rõ hơn ý nghĩa sâu xa của thuật ngữ này và sự lôi cuốn của nó bằng cách hướng nhìn về Đức Gioan Phaolô II, vị giáo hoàng đã hỗ trợ và quảng bá ý tưởng này. Ngài nhấn mạnh rằng một cuộc “tân phúc âm hóa” có nghĩa là “đốt cháy lên trong chúng ta sức bật của Hội Thánh thời kỳ đầu và để mình được tràn đầy nhiệt huyết của việc rao giảng Tin Mừng của các tông đồ theo sau biến cố Hiện Xuống. Chúng ta phải làm sống lại nơi mình niềm xác tín nóng bỏng của Thánh Phaolô khi ngài thốt lên: ‘Vô phúc cho tôi nếu tôi không rao giảng Tin Mừng’ (1 Cr 9:16). Niềm đam mê này sẽ không thể không khơi dậy nơi Hội Thánh một ý thức mới về hoạt động truyền giáo, một nhiệm vụ không thể khoán trắng cho một nhóm các ‘chuyện gia’ nhýng phải lý trách nhiệm của mọi thành phần của Dân Chúa. Những ai đã thực sự gặp được Đức Kitô thì không thể giữ lấy Người cho chính mình, mà phải loan báo về Người. Cần có một cuộc sống tông đồ vươn ra ngoài, được sống như một sự cam kết hằng ngày của các cộng đoàn và các tập thể Kitô giáo.”⁸⁵

Dans le présent texte, nous avons souvent parlé de mutations et de transformations. Nous nous sommes confrontés à des scénarios décrivant des changements historiques, qui suscitent souvent en nous la peur et l'appréhension. Dans une telle situation, ce dont nous ressentons le besoin, c'est d'une vision, qui nous permette de regarder le futur avec les yeux de l'espérance, sans larmes de désespoir. En tant qu'Église, nous avons cette vision. C'est le Royaume qui vient, qui nous a été annoncé par Jésus-Christ et décrit dans Ses paraboles. C'est le Royaume qui a déjà vu le jour avec Sa prédication, et surtout avec Sa mort et Sa résurrection pour nous. Toutefois, nous avons souvent l'impression de ne pas pouvoir concrétiser cette vision, à la « faire nôtre », de ne pas réussir à faire d'elle une parole vivante pour nous et pour nos contemporains, de ne pas l'assumer en tant que fondement de nos actions pastorales et de notre vie ecclésiale.

À ce propos, déjà le [Concile Vatican II](#), et les Papes ensuite, nous ont offert un mot d'ordre bien précis pour une pastorale présente et future: « nouvelle évangélisation », c'est-à-dire nouvelle proclamation du message de Jésus, qui redonne la joie et nous libère. Ce mot d'ordre peut être la base de cette vision dont nous ressentons la nécessité : la vision d'une Église évangélisante, dont nous sommes partis dans ce texte, constitue aussi la tâche qui nous est confiée à la fin de celui-ci. L'objectif de tout le travail de discernement que nous sommes appelés à assurer est que cette vision s'enracine profondément dans nos cœurs. Dans le cœur de chacun de nous, dans les cœurs de nos Églises, pour servir le monde.

25. La joie d'évangéliser

La nouvelle évangélisation est partager avec le monde ses angoisses de salut, et donner raison de notre foi en communiquant le i> Logos de l'espérance (cf. 1 P 3, 15). Les hommes ont besoin de l'espérance pour pouvoir vivre leur présent. Le contenu de cette espérance est « le Dieu qui possède un visage humain et qui nous a aimés jusqu'au bout ».^[86] C'est pour cela que l'Église est missionnaire par sa nature. Nous ne pouvons pas garder pour nous les paroles de vie éternelle qui nous sont données lorsque nous rencontrons Jésus-Christ. Elles sont destinées à tous les hommes, à chaque homme. Chaque personne de notre temps – qu'elle le sache ou non – a besoin de cette annonce.

Il se trouve que l'absence de cette conscience engendre le désert et le découragement. L'un des obstacles à la nouvelle évangélisation est justement le manque de joie et d'espérance que de telles situations créent et diffusent parmi les hommes de notre époque. Souvent, ce manque de joie et d'espérance est si fort qu'il attaque le tissu même de nos communautés chrétiennes. Dans ces contextes, la nouvelle évangélisation se propose non pas comme un devoir, un poids supplémentaire à porter, mais comme un remède pouvant redonner joie et vie à des réalités prisonnières de nos peurs.

C'est pourquoi nous devons affronter la nouvelle évangélisation avec enthousiasme. Apprenons la joie douce et réconfortante d'évangéliser, aussi lorsque l'annonce semble ne semer que des larmes (cf. Ps 126, 6). « Que ce soit pour nous – comme pour Jean-Baptiste, pour Pierre et Paul, pour les autres Apôtres, pour une multitude d'admirables évangélistes tout au long de l'histoire de l'Église – un élan intérieur que personne ni rien ne saurait éteindre. Que ce soit la grande joie de nos vies données. Et que le monde de notre temps qui

Bản văn này cũng đề cập đến những sự thay đổi và phát triển. Chúng ta đang đứng trước những tình hình cho thấy những thay đổi hàng loạt, thường gây nên hốt hoảng sợ hãi. Những tình hình này đòi có một tầm nhìn mới, giúp chúng ta hướng tới tương lai với cặp mắt đầy hi vọng chứ không phải với những giọt nước mắt của tuyệt vọng. Là “Hội Thánh”, chúng ta đã có tầm nhìn này rồi, đó là Vương Quốc Thiên Chúa sẽ đến, đã được Đức Kitô loan báo và mô tả cho chúng ta bằng những dụ ngôn. Vương Quốc này đã được truyền thông cho chúng ta qua lời rao giảng của Người, và nhất là qua cái chết và sự phục sinh của Người. Tuy nhiên, nhiều khi chúng ta cảm thấy không thể cụ thể hóa tầm nhìn này, nói khác đi, không thể “biến nó thành của mình” và “truyền sự sống cho nó” vì lợi ích của chúng ta và những người chúng ta gặp hằng ngày, và không thể biến nó thành nền tảng cho đời sống Hội Thánh và mọi hoạt động mục vụ của Hội Thánh.

Về phương diện này, Công Đồng Vaticanô II và các giáo hoàng sau Công Đồng đã rõ ràng đề ra một ưu tiên trong kế hoạch mục vụ của Hội Thánh cho hiện tại và tương lai—một cuộc “tân phúc âm hóa”, nghĩa là một cuộc loan báo mới về sứ điệp của Đức Giêsu, sứ điệp đem lại niềm vui và giải phóng chúng ta. Ưu tiên này có thể là nền tảng cho tầm nhìn rất cần thiết này, tầm nhìn của một Hội Thánh rao giảng Tin Mừng, điểm xuất phát của bản văn này và bây giờ là nhiệm vụ được trao cho chúng ta ở phần kết luận này. Toàn thể tiến trình phân định mà chúng ta phải thực hiện đều nhằm vào việc khắc sâu tầm nhìn này trong tim chúng ta, trong tim từng người một và trong tim các Giáo Hội của chúng ta, để phục vụ thế giới.

25. Niềm vui phúc âm hóa

Một cuộc tân phúc âm hóa có nghĩa là chia sẻ niềm khát vọng cứu độ sâu xa của thế giới và lý giải về đức tin của chúng ta bằng việc thông truyền cái ‘lý’ (*logos*) của hi vọng (x. 1 Pr 3:15). Nhân loại cần có hi vọng để sống ở thời đại hôm nay. Nội dung của niềm hi vọng này là “Thiên Chúa, Đấng có bộ mặt con người và ‘đã yêu thương chúng ta đến cùng’.”⁸⁶ Vì thế mà Hội Thánh tự bản chất là truyền giáo. Chúng ta không thể ích kỷ giữ cho mình những lời sự sống mà chúng ta đã nhận lãnh trong cuộc gặp gỡ thân tình với Chúa Giêsu Kitô. Những lời ấy được dành cho từng người và mọi người. Mọi người hôm nay đều cần đến lời loan báo này, dù có biết đến nó hay không.

Không biết đến nhu cầu này sẽ tạo ra một sa mạc và sự trống rỗng. Thật vậy, những cản trở cho cuộc tân phúc âm hóa chính là sự thiếu niềm vui và hi vọng nơi chúng ta, do nhiều hoàn cảnh trong thế giới hôm nay gây nên và lan tỏa. Nhiều khi tình trạng thiếu niềm vui và hi vọng mạnh đến nỗi nó tác động tới chính diện mạo của các cộng đoàn chúng ta. Đây là lý do khiến chúng ta phải lặp lại lời kêu gọi thực hiện một cuộc tân phúc âm hóa, không chỉ như là một nhiệm vụ được thêm vào, nhưng là một cách để phục hồi niềm vui và sự sống cho những hoàn cảnh bị tù túng trong sợ hãi.

Vì vậy chúng ta tiến bước vào cuộc tân phúc âm hóa với tinh thần phấn khởi. Chúng ta sẽ học được niềm vui dịu ngọt và an ủi của việc rao giảng Tin Mừng, cả khi việc rao giảng xem ra giống như một hạt giống gieo trong nước mắt (x. Tv 126:6). “Chớ gì đối với chúng ta—giống như đối với Gioan Tẩy Giả, Phêrô và Phaolô, cũng như các tông đồ khác và biết bao nhà truyền giáo xuất sắc trong suốt lịch sử Hội Thánh—niềm vui này là một sự phấn khởi mà không một ai hay một điều gì có thể dập tắt nổi. Chớ gì nó là niềm vui to lớn của đời sống tận hiến của chúng ta. Và chớ gì thế giới của thời đại chúng ta, một thế giới đang đi tìm, đôi khi trong lo âu, đôi khi trong hi vọng, có thể nhận lãnh Tin Mừng không phải bởi những người rao giảng chán nản, thất vọng, thiếu kiên nhẫn hay lo âu, nhưng bởi những thừa tác viên Tin

cherche, tantôt dans l'angoisse, tantôt dans l'espérance, puisse recevoir la Bonne Nouvelle, non d'évangélistes tristes et découragés, impatients ou anxieux, mais de ministres de l'Évangile dont la vie rayonne de ferveur, qui ont les premiers reçus en eux la joie du Christ, et qui acceptent de jouer leur vie pour que le Royaume soit annoncé et l'Église implantée au cœur du monde ».[[87]]

[1] Benoît XVI, [Homélie à l'occasion de la clôture de l'Assemblée Spéciale du Synode des Évêques pour le Moyen-Orient](#) (Cité du Vatican, 24.10.2010) : *L'Osservatore Romano*, E.H.L.F. 3157 (2010) 22.

[2] Benoît XVI, [Lettre Apostolique sous forme de "motu proprio" *Ubicumque et semper*](#) instituant le Conseil Pontifical pour la Promotion de la Nouvelle Évangélisation (21.09.2010) : *L'Osservatore Romano*, E.H.L.F. 3156 (2010) 4-5.

[3] Benoît XVI, Exhortation Apostolique post-synodale [*Verbum Domini*](#) (30.09.2010), 96.122 : *L'Osservatore Romano* supplément au n. 261 (12.11.2010) 96. 111-112.

[4] Paul VI, Exhortation Apostolique [*Evangelii nuntiandi*](#) (08.12.1975), 80 : *AAS* 68 (1976) 74.

[5] Concile Œcuménique Vatican II, Décret sur l'activité missionnaire de l'Église [*Ad gentes*](#), 2.

[6] Cf. Concile Œcuménique Vatican II, Constitution dogmatique sur l'Église [*Lumen gentium*](#), 2.

[7] Cf. S. Hilaire de Poitiers, *In Ps. 14* : *PL* 9,301; Eusèbe de Césarée, *In Isaiam* 54, 2-3 : *PG* 24, 462-463; S. Cyrille d'Alexandrie, *In Isaiam* V, chap. 54, 1-3 : *PG* 70, 1193.

[8] Paul VI, Exhortation Apostolique [*Evangelii nuntiandi*](#) (08.12.1975), 14 : *AAS* 68 (1976) 13.

[9] Cf. *ibid.*, 15 : *AAS* 68 (1976) 13-14.

[10] Concile Œcuménique Vatican II, Constitution pastorale sur l'Église dans le monde de ce temps [*Gaudium et spes*](#), 4.

[11] Cf. Jean-Paul II, [*Homélie à la Messe au Sanctuaire de la Sainte-Croix \(Mogila \[Pologne\], 09.06.1979\)*](#), 1 : *AAS* 71 (1979) 865 : « Là où s'élève la croix, surgit le signe [de] la Bonne Nouvelle [...] La nouvelle croix de bois a été élevée non loin d'ici, durant les célébrations du millénaire. Avec elle nous avons reçu un signe, celui qu'au seuil du nouveau millénaire – en ces temps nouveaux, en ces nouvelles conditions de vie – l'Évangile est de nouveau annoncé. Une nouvelle évangélisation est commencée, comme s'il s'agissait d'une deuxième annonce, bien qu'en réalité ce soit toujours la même ».

[12] Jean-Paul II, [Discours à la XIX^{ème} Assemblée du C.E.L.A.M.](#) (09.03.1983), 3 : *AAS* 75 (1983) 778.

[13] Jean-Paul II, Lettre Encyclique [*Redemptoris missio* \(07.12.1990\), 30](#) : *AAS* 83 (1991) 276. Cf. aussi les n^{os} 1-3 : *AAS* 83 (1991) 249-252.

[14] Jean-Paul II, Exhortation Apostolique [*Christifideles laici*](#) (30.12.1988), 35 : *AAS* 81 (1989) 458.

[15] Cf. Jean-Paul II, Exhortation Apostolique post-synodale [*Ecclesia in Africa*](#) (14.09.1995), 57.63 : *AAS* 88 (1996) 35-36.39-40; Exhortation Apostolique post-synodale [*Ecclesia in America*](#) (22.01.1999), 6.66 : *AAS* 91 (1999) 10-11.56; Exhortation Apostolique post-synodale [*Ecclesia in Asia*](#) (06.11.1999), 2 : *AAS* 92 (2000) 450-451; Exhortation Apostolique post-synodale [*Ecclesia in Oceania*](#) (22.11.2001), 18 : *AAS* 94 (2002) 386-389.

Mừng có đời sống cháy bùng lửa nhiệt tình, những người đã nhận được niềm vui từ Đức Kitô trước, và sẵn sàng hi sinh mạng sống để Nước Thiên Chúa được rao giảng và Hội Thánh được thiết lập giữa thế giới.”⁸⁷

CHÚ THÍCH

- ¹ Bênêđiô XVI, *Bài giảng Bé mạc Đại Hội Đặc Biệt của THĐ cho vùng Trung Đông. L'Osservatore Romano*: ấn bản hằng tuần tiếng Anh (27-10-2010) tr. 4.
- ² Bênêđiô XVI, Tựa Sắc *Ubi cumque et semper*, thiết lập Hội Đồng Giáo Hoàng Cố Vũ Tân Phúc Âm Hóa (21-9-2010), *L'Osservatore Romano*: ấn bản hằng tuần tiếng Anh (20-10-2010) trang 6.
- ³ Bênêđiô XVI, Tông Huấn hậu-Thượng Hội Đồng *Verbum Domini* (30-9-2010) 96,122:
http://www.vatican.va/holy_father/benedict_xvi/apost_exhortations/documents/hf_ben-xvi_exh_20100930_verbum-domini_en.html.
- ⁴ Phalô VI, Tông Huấn *Evangelii nuntiandi* (8-12-1975), 80: *AAS* 68 (1976) 74.
- ⁵ Vaticanô II, Sắc Lệnh về Hoạt động truyền giáo của Hội Thánh *Ad Gentes*, 2.
- ⁶ Xem Vaticanô II, Hiến Chế Tín Lý về Hội Thánh *Lumen Gentium*, 2.
- ⁷ Xem Th. Hilariô Poitiers, *In Ps. 14: PL* 9, 301; Th. Eusêbiô Caesarea, *In Isaiam* 54, 2-3: *PG* 24, 462-463; Th. Cyrilô Alexandria, *In Isaiam* V, cap. 54, 1-3: *PG* 70, 1193.
- ⁸ Phalô VI, Tông Huấn *Evangelii nuntiandi* (8-12-1975), 14: *AAS* 68 (1976) 13.
- ⁹ Xem *nt.* 15: *AAS* 68 (1976) 13, 14.
- ¹⁰ Vaticanô II, Hiến Chế Mục Vụ về Hội Thánh trong Thế Giới Hôm Nay *Gaudium et Spes*, 4.
- ¹¹ Xem Gioan Phaolô II, *Bài giảng Thánh Lễ tại Đền Thờ Thánh Giá, Mogila, Ba Lan* (9-6-1979), 1; *L'Osservatore Romano*: ấn bản hằng tuần tiếng Anh, 16-7-1979, tr. 11: *AAS* 71 (1979) 865. “Ở đâu Thánh Giá được nâng cao, ở đó có dấu chỉ rằng nơi ấy bây giờ đã gặp được Tin Mừng của ơn cứu độ loài người nhờ Yêu Thương. [...] Cây Thập Giá mới bằng gỗ đã được dựng lên không xa nơi này vào chính lúc chúng ta cử hành Thiên Niên Kỷ. Cùng với cây Thập Giá ấy, chúng ta được ban tặng một dấu hiệu rằng, ở thềm thiên niên kỷ mới này, ở thời đại mới này, trong những hoàn cảnh sống mới này, Tin Mừng một lần nữa lại được loan báo. Một cuộc tân phúc âm hóa đã bắt đầu, như thể đây là một cuộc loan báo mới, mặc dù trên thực tế nó vẫn là một như bao giờ.”
- ¹² Gioan Phaolô II, *Diễn từ cho Đại Hội C.E.L.A.M* lần thứ XIX (9-3-1983), 3: *L'Osservatore Romano* 18-4-1983, tr. 9: *AAS* 75 (1983) 778.
- ¹³ Gioan Phaolô II, Thông Điệp *Redemptoris missio* (7-12-1990), 30: *AAS* 83 (1991) 276.
- ¹⁴ Gioan Phaolô II, Tông Huấn hậu-THĐ *Christifideles laici* (30-12-1988), 35: *AAS* 81 (1989) 458.
- ¹⁵ Xem Gioan Phaolô II, Tông Huấn hậu-THĐ *Ecclesia in Africa* (14-9-1995) 57, 63: *AAS* 85 (1996) 35, 36, 39, 40; Tông Huấn hậu-THĐ *Ecclesia in America* (22-1-1999) 6, 66: *AAS* 91 (1999) 10, 11, 56; Tông Huấn hậu-THĐ *Ecclesia in Asia* (6-11-1999), 2: *AAS* 92 (2000) 450, 451; Tông Huấn hậu-THĐ *Ecclesia in Oceania* (22-11-2001) 18: *ASS* 94 (2002) 386-389.
- ¹⁶ Gioan Phaolô II, Tông Huấn hậu-THĐ *Ecclesia in Europa* (28-6-2003), 2: *AAS* 95 (2003) 650, nhắc đến số 2 trong Tuyên Bố chung cuộc Đại Hội Đặc Biệt lần thứ nhất của THĐ Giám Mục cho Châu Âu, 1991; xem *nt.*, *AAS* 95 (2003) 677.
- ¹⁷ Xem *nt.*, 32: *AAS* 95 (2003) 670: “Đồng thời tôi muốn bảo đảm với các vị mục tử và các anh chị em tín hữu của các Giáo Hội Đông Phương rằng cuộc tân phúc âm hóa hoàn toàn không được hiểu như một cuộc chiêu mộ tín đồ mới, nó không vi phạm bốn phận đối với sự thật, tự do và phẩm giá con người.” Một trình bày về nhu cầu tân phúc âm hóa, sự khác biệt giữa phúc âm hóa và chiêu mộ tín đồ, và đề tài phúc âm hóa trong đại kết có thể tìm thấy trong văn kiện của Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, *Lưu ý giáo lý về một số khía cạnh của việc Loan báo Tin Mừng* (3-12-2007) 10-12: *AAS* 100 (2008) 498-503.

[16] Jean-Paul II, Exhortation Apostolique post-synodale [Ecclesia in Europa](#) (28.06.2003), 2 : AAS 95 (2003) 650, qui renvoie aussi au n° 2 de la Déclaration finale de la Première Assemblée Spéciale pour l'Europe du Synode des Évêques (1991). Cf. également [Ecclesia in Europa](#), 45 : AAS 95 (2003) 677.

[17] Cf. *ibid.*, 32 : AAS 95 (2003) 670: « En même temps, je veux rassurer une fois encore les pasteurs, ainsi que nos frères et sœurs des Églises orthodoxes, que la nouvelle évangélisation ne peut en aucune manière être confondue avec le prosélytisme, restant sauf le devoir de respecter la vérité, la liberté et la dignité de toute personne ». Pour la nécessité de l'évangélisation, la différence entre évangélisation et prosélytisme, la façon de vivre l'évangélisation au sein d'une claire attitude œcuménique, la Congrégation pour la Doctrine de la Foi donne une explication de ces thèmes dans [Note doctrinale sur certains aspects de l'évangélisation](#) (03.12.2007), 10-12 : AAS 100 (2008) 498-503.

[18] Benoît XVI, [Audience à la Curie Romaine à l'occasion de l'échange des vœux](#) (Rome, 21.12.2009) : AAS 102 (2010) 40. La même image du « parvis des gentils » est reprise par le Pape dans le [Message pour la Journée Mondiale des Communications Sociales](#) (24.01.2010) : AAS 102 [2010] 117. Dans ce texte, les nouveaux « parvis des gentils » sont des espaces de socialisation créés par les nouveaux médias, et qui se peuplent toujours plus : nouvelle évangélisation signifie imaginer des sentiers pour annoncer l'Évangile aussi dans ces espaces ultramodernes.

[19] Cf. par exemple, S. Clément d'Alexandrie, *Protreptico* IX, 87,3-4 : SC 2, 154 ; S. Augustin, *Sermo* 14, D (=352 A), 3 : *Nuova Biblioteca Agostiniana*, XXXV/1, 269-271.

[20] Cf., par exemple, Jean-Paul II, Lettre Encyclique [Redemptoris missio](#) (07.12.1990), 37 : AAS 83 (1991) 282-286.

[21] Cf. Benoît XVI, [Discours aux participants à l'Assemblée plénière du Conseil Pontifical de la Culture](#) (Rome, 08.03.2008) : AAS 100 (2008) 245-248.

[22] Benoît XVI, Exhortation Apostolique post-synodale [Verbum Domini](#) (30.09.2010), 102 : *L'Osservatore Romano* supplément au n. 261 (12.11.2010) 97.

[23] Cf. Benoît XVI, Lettre Encyclique [Caritas in veritate](#) (29.06.2009), 42 : AAS 101 (2009) 677-678.

[24] Cf. Jean-Paul II, Lettre Encyclique [Redemptoris missio](#) (07.12.1990), 37 : AAS 83 (1991) 282-286; Benoît XVI, [Message pour la Journée mondiale des Communications sociales](#) : AAS 102 (2010) 117.

[25] Cf. Benoît XVI, Lettre Encyclique [Caritas in veritate](#) (29.06.2009), 42 : AAS 101 (2009) 678: « Pendant longtemps, on a pensé que les peuples pauvres devaient demeurer fixés à un stade préétabli de développement et devaient se contenter de la philanthropie des peuples développés. Dans [Populorum progressio](#), Paul VI a pris position contre cette mentalité. Aujourd'hui les ressources matérielles utilisables pour faire sortir ces peuples de la misère sont théoriquement plus importantes qu'autrefois, mais ce sont les peuples des pays développés eux-mêmes qui ont fini par en profiter, eux qui ont pu mieux exploiter le processus de libéralisation des mouvements de capitaux et du travail. La diffusion du bien-être à l'échelle mondiale ne doit donc pas être freinée par des projets égoïstes, protectionnistes ou dictés par des intérêts particuliers. En effet, l'implication des pays émergents ou en voie de développement permet aujourd'hui de mieux gérer la crise. La transition inhérente au processus de mondialisation présente des difficultés et des dangers importants, qui pourront être surmontés seulement si on sait prendre conscience de cette dimension anthropologique et éthique, qui pousse profondément la mondialisation elle-même vers des objectifs d'humanisation solidaire. Malheureusement cette dimension est souvent dominée et étouffée par des perspectives éthiques et culturelles de nature individualiste et utilitariste ».

[26] Cf. Benoît XVI, Lettre Encyclique [Spe salvi](#) (30.11.2007), 22 : AAS 99 (2007) 1003-1004.

[27] Cf. Congrégation pour la Doctrine de la Foi, [Lettre sur certains aspects de la méditation chrétienne « Orationis formas »](#) (15.10.1989) : AAS 82 (1990) 362-379.

[28] Cf. Jean-Paul II, Exhortation Apostolique [Christifideles laici](#) (30.12.1988), 34 : AAS 81 (1989) 455.

-
- ¹⁸ Bênêđitô XVI, *Diễn văn mùa Giáng Sinh cho Giáo triều Rôma và các Đại diện Giáo Hoàng* (21-12-2009). Hình ảnh “Sân của Dân Ngoại” được ĐGH Bênêđitô XVI lặp lại trong *Thông Điệp Ngày Thế Giới Truyền Thông Xã Hội*, 2010 (AAS 102 [2010] 117). Trong thông điệp này, “Sân của Dân Ngoại” mới là những bối cảnh xã hội được tạo ra bởi các *media* mới và ngày càng lôi kéo nhiều người hơn: tân phúc âm hóa có nghĩa là tìm ra những cách loan báo Tin Mừng, cả trong những lãnh vực công nghệ hiện đại này.
- ¹⁹ Xem Th. Clêmentê Alexandria, *Protreptico* IX, 87, 3-4 (SC 2, 154); Th. Augustinô, *Sermo* 14 (Nuova Biblioteca Agostiniana, XXXV/1, 269-271).
- ²⁰ Xem Gioan Phaolô II, Thông Điệp *Redemptoris missio* (7-12-1990), 37: AAS 83 (1991) 282-286.
- ²¹ Xem Bênêđitô XVI, *Diễn văn trước Đại Hội toàn thể của Hội Đồng Giáo Hoàng về Văn Hóa* (8-3-2008), *L'Osservatore Romano*, 19-3-2008, tr. 2.
- ²² Bênêđitô XVI, Tông Huấn hậu-THĐ *Verbum Domini* (30-9-2010) 102:
http://www.vatican.va/holy_father/benedict_xvi/apost_exhortations/documents/hf_ben-xvi_exh_20100930_verbum-domini_en.html.
- ²³ Xem Bênêđitô XVI, Tông Huấn *Caritas in veritate* (29-9-2009) 42: AAS 101 (2009) 677-678.
- ²⁴ Xem Gioan Phaolô II, Thông Điệp *Redemptoris missio* (7-12-1990), 37: AAS 83 (1991) 282-286. Bênêđitô XVI, *Thông Điệp Ngày Thế Giới Truyền Thông Xã Hội*, 2010: AAS 102 (2010) 117.
- ²⁵ Xem Bênêđitô XVI, Tông Huấn *Caritas in veritate* (29-9-2009) 42: AAS 101 (2009) 677-678: Suốt một thời gian dài, người ta nghĩ rằng các dân tộc nghèo phải ở lại một giai đoạn phát triển cố định và phải hài lòng với việc nhận sự trợ giúp từ sự hào tâm của các nước phát triển. Đức Phalô VI cực lực chống lại nỗi trạng này trong *Populorum Progressio*. Ngày nay người ta những nguồn lực tiềm năng có sẵn để cứu những dân tộc này khỏi nghèo khó đã gia tăng nhiều, nhưng chúng chủ yếu rơi vào tay những người thuộc các nước phát triển, là những nước đã hưởng lợi nhiều từ phong trào giải phóng do sự linh động về tư bản và sức lao động. Vì vậy tình trạng phồn thịnh gia tăng không thể được giữ lại cho các dự án mang tính chất vị kỷ, bảo hộ hay nhằm phục vụ các lợi ích riêng tư. Thật vậy, sự tham dự của các nước mới phát triển hay đang phát triển cho phép chúng ta giải quyết cơn khủng hoảng ngày nay một cách tốt hơn. Sự chuyển đổi trong tiến trình toàn cầu hóa đặt ra những khó khăn và nguy cơ lớn chỉ có thể khắc phục được nếu chúng ta có thể có tinh thần nhân học và đạo đức để thúc đẩy tiến trình toàn cầu hóa đến mục tiêu nhân bản hóa của tình liên đới. Tiếc rằng tinh thần này thường bị bóp nghẹt hay loại bỏ bởi những suy xét đạo đức và văn hóa mang bản chất chủ nghĩa cá nhân và duy lợi.
- ²⁶ Xem Bênêđitô XVI, Thông Điệp *Spe salvi* (30-11-2007), 22: AAS 99 (2007) 1003-1004.
- ²⁷ Xem Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, *Thư gửi các Giám Mục của Hội Thánh Công Giáo về một số khía cạnh của việc suy niệm Kitô giáo* Oratio formas (15-10-1989): AAS 82 (1990) 362-379; *DeS* 13 (1991).
- ²⁸ Xem Gioan Phaolô II, Tông Huấn hậu-THĐ *Christifideles laici* (30-12-1988), 34: AAS 81 (1989) 455.
- ²⁹ *nt.*, 26: AAS 81 (1989) 438.
- ³⁰ *nt.*, 34: AAS 81 (1989) 455, được nhắc tới trong Tự Sắc *Ubicumque et semper*, thiết lập Hội Đồng Giáo Hoàng Cổ Vũ Tân Phúc Âm Hóa (21-9-2010).
- ³¹ Gioan Phaolô II, Thông Điệp *Redemptoris missio* (7-12-1990), 34: AAS 83 (1991) 279-280.
- ³² Xem Hội Nghị Chung lần thứ V các Giám Mục Châu Mỹ Latinh và Carribê, *Văn kiện cuối cùng*, Aparecida (Brazil), tháng 5-2007, 365-370: <http://www.celam.org/nueva/Celam/aparecida/Ingles.pdf>, tr. 87.
- ³³ Xem Origen, *In Evangelium secundum Matthaëum* 17,7: PG 13, 1197 B; Th. Giêrôlamô, *Translatio homiliarum Origenis in Lucam*, 36: PL 26, 324-325.
- ³⁴ Như được nhắc đến trong Vaticanô II, Hiến Chế Tin Lý về Mạc Khải *Dei Verbum*, 4: “Vì thế, chính Đức Giêsu Kitô, Đấng mà ai thấy tức là thấy Chúa Cha (x. Ga 14:9), đã đến bỏ tức và hoàn tất mạc khải, bằng tất cả sự hiện diện và tỏ mình qua lời nói cũng như việc làm, dấu chỉ và phép lạ, nhất là qua cái chết và sự sống lại vinh quang từ kẻ chết, sau cùng bằng việc phái Thần Chân Lý đến, bằng chứng tích của Thiên Chúa, Người xác nhận Thiên Chúa hằng ở với chúng ta để giải thoát chúng ta khỏi bóng tối tội lỗi và sự chết, rồi phục sinh chúng ta để được sống đời đời.”

[29] *Ibid.*, 26 : *AAS* 81 (1989) 438.

[30] *Ibid.*, 34 : *AAS* 81 (1989) 455, repris dans le Motu proprio *Ubicumque et semper* par lequel a été institué le Conseil Pontifical pour la Promotion de la Nouvelle Évangélisation (21.09.2010) : *L'Osservatore Romano*, EHLF 3156 (2010) 4.

[31] Jean-Paul II, Lettre Encyclique *Redemptoris missio* (07.12.1990), 34 : *AAS* 83 (1991) 279-280.

[32] Cf. V^{ème} Conférence Générale de l'Épiscopat Latino-américain et des Caraïbes, *Document final* (Aparecida 13-31.05.2007), n^{os} 365-370.

[33] Cf. Origène, *In Evangelium secundum Mattheum* 17, 7 : *PG* 13, 1197 B; S. Jérôme, *Translatio homiliarum Origenis in Lucam*, 36 : *PL* 26, 324-325.

[34] Comme nous le rappelle *Dei Verbum*, «Jésus-Christ – qui le voit, voit aussi le Père (cf. *Jn* 14, 9) – par toute sa présence, par tout ce qu'il montre de lui-même, par ses paroles, par ses œuvres, par ses signes, par ses miracles, mais surtout par sa mort et sa glorieuse résurrection d'entre les morts, enfin par l'envoi de l'Esprit de vérité, donne à la révélation son dernier achèvement et la confirme par le témoignage divin : Jésus-Christ, c'est Dieu avec nous, pour que nous soyons délivrés des ténèbres du péché et de la mort, et que nous soyons ressuscités pour la vie éternelle» (Concile Œcuménique Vatican II, Constitution dogmatique sur la Révélation divine *Dei Verbum*, 4).

[35] Cf. Congrégation pour la Doctrine de la Foi, *Note doctrinale sur certains aspects de l'évangélisation* (03.12.2007), 2 : *AAS* 100 (2008) 490.

[36] Benoît XVI, Lettre Encyclique *Deus caritas est* (25.12.2005), 1 : *AAS* 98 (2006) 217.

[37] Cf. Congrégation pour le Clergé, *Directoire général pour la Catéchèse* (15.08.1997), 100.

[38] Cf. *ibid.*, 141.

[39] Cf. Jean-Paul II, Constitution Apostolique *Fidei depositum* (11.11.1992) : *AAS* 86 (1994) 113-118; repris dans Congrégation pour le Clergé, *Directoire général pour la Catéchèse* (15.08.1997), 122.

[40] Jean-Paul II, Exhortation Apostolique *Christifideles laici* (30.12.1988), 34 : *AAS* 81 (1989) 455. Cf. aussi Jean-Paul II, Exhortation Apostolique post-synodale *Ecclesia in America* (22.01.1999), 66 : *AAS* 91 (1999) 801; Benoît XVI, Exhortation Apostolique post-synodale *Verbum Domini* (30.09.2010), 94 : *L'Osservatore Romano* supplément au n. 261 (12.11.2010) 91-92.

[41] Cf. Congrégation pour le Clergé, *Directoire général pour la Catéchèse* (15.08.1997), 47 : « Le décret conciliaire *Ad gentes* a bien expliqué la dynamique du processus d'évangélisation: témoignage chrétien, dialogue et présence de la charité [AG 11-12], annonce de l'Évangile et appel à la conversion [AG 13], catéchuménat et initiation chrétienne [AG 14], formation de la communauté chrétienne par le moyen des sacrements et des ministères [AG 15-18]. C'est le dynamisme de l'implantation et de l'édification de l'Église ».

[42] *Ibid.*, 48. Le texte du Directoire construit une description lucide et précise de ces éléments, en composant dans une synthèse originale les textes du Décret conciliaire *Ad gentes*, de l'Exhortation Apostolique *Evangelii nuntiandi* de Paul VI et l'Encyclique *Redemptoris missio* de Jean-Paul II.

[43] Cf. Concile Œcuménique Vatican II, Constitution dogmatique sur la Révélation divine *Dei Verbum*, 7 et suiv.

[44] Cf. XII^{ème} Assemblée Générale Ordinaire du Synode des Évêques, *Message au Peuple de Dieu* (24.10.2008), troisième partie.

[45] Cf. Benoît XVI, Exhortation Apostolique post-synodale *Verbum Domini* (30.09.2010), 10.75 : *L'Osservatore Romano* supplément au n. 261 (12.11.2010) 15. 74.

-
- ³⁵ Xem Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, *Lưu ý giáo lý về một số khía cạnh của việc Loan báo Tin Mừng* (3-12-2007) 2: *AAS* 100 (2008) 490.
- ³⁶ Bênêđiô XVI, Thông Điệp *Deus caritas est* (25-12-2005) 1: *AAS* 98 (2006) 217.
- ³⁷ Xem Thánh Bộ Giáo Sĩ, *Tổng Niên Giám Huấn Giáo* (15-8-1997) 100:
http://www.vatican.va/roman_curia/congregations/cclergy/documents/rc_con_ccatheduc_doc_17041998_diretory-for-catechesis_en.html.
- ³⁸ Xem *nt.*, 141:
http://www.vatican.va/roman_curia/congregations/cclergy/documents/rc_con_ccatheduc_doc_17041998_diretory-for-catechesis_en.html.
- ³⁹ Xem Gioan Phaolô II, Tông Huấn *Fidei depositum* (11-10-1992): *AAS* 86 (1994) 113-118; được nhắc đến trong Thánh Bộ Giáo Sĩ, *Tổng Niên Giám Huấn Giáo* (15-8-1997) 122:
http://www.vatican.va/roman_curia/congregations/cclergy/documents/rc_con_ccatheduc_doc_17041998_diretory-for-catechesis_en.html.
- ⁴⁰ Gioan Phaolô II, Tông Huấn hậu-THĐ *Christifideles laici* (30-12-1988), 34: *AAS* 81 (1989) 455; x. Gioan Phaolô II, Tông Huấn hậu-THĐ *Ecclesia in America* (22-1-1999) 6, 66: *AAS* 91 (1999) 801; Bênêđiô XVI, Tông Huấn hậu-Thượng Hội Đồng *Verbum Domini* (30-9-2010) 94:
http://www.vatican.va/holy_father/benedict_xvi/apost_exhortations/documents/hf_ben-xvi_exh_20100930_verbum-domini_en.html.
- ⁴¹ Xem Thánh Bộ Giáo Sĩ, *Tổng Niên Giám Huấn Giáo* (15-8-1997) 100:
http://www.vatican.va/roman_curia/congregations/cclergy/documents/rc_con_ccatheduc_doc_17041998_diretory-for-catechesis_en.html. “Sắc Lệnh Công Đồng *Ad Gentes* nêu rõ hoạt năng của tiến trình phúc âm hóa: chứng tá Kitô giáo, đối thoại và hiện diện trong đức ái (11-12), loan báo Tin Mừng và kêu gọi hoán cải (13), thời kỳ dự tòng và Khai Tâm Kitô giáo (14), thiết lập các cộng đoàn Kitô giáo nhờ các bí tích và các thừa tác viên (15-18). Đây là hoạt năng để thiết lập và xây dựng Hội Thánh.”
- ⁴² *nt.*, 48. Cuốn *Tổng Niên Giám* tóm tắt rõ ràng những yếu tố có trong Sắc Lệnh Công Đồng *Ad gentes*, Tông Huấn *Evangelii nuntiandi* của ĐGH Phalô VI, và Tông Thư của ĐGH Gioan Phaolô II, *Redemptoris missio*.
- ⁴³ Vaticanô II, Hiến Chế Tín Lý về Mạc Khải *Dei Verbum* số 7tt.
- ⁴⁴ Xem Đại Hội Thường Kỳ lần thứ XII của THĐ Giám Mục, *Sứ điệp gửi Dân Chúa* (24-10-2008), phần III.
- ⁴⁵ Xem Bênêđiô XVI, Tông Huấn hậu-THĐ *Verbum Domini* (30-9-2010) 102:
http://www.vatican.va/holy_father/benedict_xvi/apost_exhortations/documents/hf_ben-xvi_exh_20100930_verbum-domini_en.html.
- ⁴⁶ Xem *nt.*, 58-60: http://www.vatican.va/holy_father/benedict_xvi/apost_exhortations/documents/hf_ben-xvi_exh_20100930_verbum-domini_en.html.
- ⁴⁷ Xem *nt.*, 90-98, 110:
http://www.vatican.va/holy_father/benedict_xvi/apost_exhortations/documents/hf_ben-xvi_exh_20100930_verbum-domini_en.html.
- ⁴⁸ Xem *nt.*, 104: http://www.vatican.va/holy_father/benedict_xvi/apost_exhortations/documents/hf_ben-xvi_exh_20100930_verbum-domini_en.html.
- ⁴⁹ Đại Hội Thường Kỳ lần thứ XII của THĐ Giám Mục, *Bảng liệt kê các Đề Nghị chung cuộc* (25-10-2008), Đề Nghị 38; Bênêđiô XVI, Tông Huấn hậu-THĐ *Verbum Domini* (30-9-2010) 74, 105:
http://www.vatican.va/holy_father/benedict_xvi/apost_exhortations/documents/hf_ben-xvi_exh_20100930_verbum-domini_en.html.
- ⁵⁰ Bênêđiô XVI, Tông Huấn hậu-THĐ *Verbum Domini* (30-9-2010) 93:
http://www.vatican.va/holy_father/benedict_xvi/apost_exhortations/documents/hf_ben-xvi_exh_20100930_verbum-domini_en.html.
- ⁵¹ Xem Gioan Phaolô II, Tông Huấn *Catechesi tradendae* (16-10-1979) 3: *AAS* 71 (1979) 1279: “Thượng Hội Đồng này đã làm việc trong một bầu khí tạ ơn và hi vọng tuyệt vời. THĐ xem việc canh tân huấn giáo

- [46] Cf. *ibid.*, 58-60: *L'Osservatore Romano* supplément au n. 261 (12.11.2010) 62-64.
- [47] Cf. *ibid.*, 90-98. 110: *L'Osservatore Romano* supplément au n. 261 (12.11.2010) 89-95. 103.
- [48] *Ibid.*, 104: *L'Osservatore Romano* supplément au n. 261 (12.11.2010) 98-99.
- [49] XII^{ème} Assemblée Générale Ordinaire du Synode des Évêques, *Liste finale des Propositions* (25.10.2008), Proposition 38. Cf. aussi Benoît XVI, Exhortation Apostolique post-synodale *Verbum Domini* (30.09.2010), 74.105: *L'Osservatore Romano* supplément au n. 261 (12.11.2010) 73-74. 99-100.
- [50] Benoît XVI, Exhortation Apostolique post-synodale *Verbum Domini* (30.09.2010), 93: *L'Osservatore Romano* supplément au n. 261 (12.11.2010) 91.
- [51] Cf. Jean-Paul II, Exhortation Apostolique *Catechesi tradendae* (16.10.1979), 3 : *AAS* 71 (1979) 1279: « Ce Synode a travaillé dans une atmosphère exceptionnelle d'action de grâces et d'espérance. Il a vu dans le renouveau catéchétique un don précieux de l'Esprit Saint à l'Église d'aujourd'hui, un don auquel, partout dans le monde, les communautés chrétiennes, à tous les niveaux, répondent avec une générosité et un dévouement inventif qui suscitent l'admiration. Le nécessaire discernement pouvait dès lors s'opérer sur une réalité bien vivante et bénéficier dans le peuple de Dieu d'une grande disponibilité à la grâce du Seigneur et aux directives du Magistère ». Une évaluation de la situation de la catéchèse, de ses progrès et des points de fatigue peut être trouvée dans le *Directoire général pour la Catéchèse*, n° 29-30.
- [52] Pour une présentation de ces méthodes, voir Congrégation pour le Clergé, *Directoire général pour la Catéchèse* (15.08.1997), troisième partie, chapitre deux; quatrième partie, chapitres quatre et cinq.
- [53] Cf. Jean-Paul II, Exhortation Apostolique *Catechesi tradendae* (16.10.1979), 55 : *AAS* 71 (1979) 1322-1323.
- [54] Cf. *ibid.*, 30-31: *AAS* 71 (1979) 1302-1304.
- [55] Cf. Congrégation pour le Clergé, *Directoire général pour la Catéchèse* (15.08.1997), 78.
- [56] Jean-Paul II, Exhortation Apostolique *Catechesi tradendae* (16.10.1979), 58 : *AAS* 71 (1979) 1324-1325: « Or, il y a aussi une pédagogie de la foi et l'on ne dira jamais assez ce qu'une telle pédagogie de la foi peut apporter à la catéchèse. Il est normal en effet d'adapter au profit de l'éducation de la foi les techniques perfectionnées et éprouvées de l'éducation tout court. Il importe cependant de tenir compte à chaque instant de l'originalité foncière de la foi. Quand on parle de pédagogie de la foi, il ne s'agit pas de transmettre un savoir humain, même le plus élevé; il s'agit de communiquer dans son intégrité la Révélation de Dieu. Or, Dieu lui-même, tout au long de l'histoire sainte et surtout dans l'Évangile, s'est servi d'une pédagogie qui doit rester un modèle pour la pédagogie de la foi. Une technique n'a de valeur en catéchèse que dans la mesure où elle se met au service de la foi à transmettre et à éduquer; elle n'en a pas dans le cas contraire ». Cf. la reprise et la réélaboration faite dans Congrégation pour le Clergé, *Directoire général pour la Catéchèse* (15.08.1997), 143-144.
- [57] Cf. Congrégation pour le Clergé, *Directoire général pour la Catéchèse* (15.08.1997), 105.
- [58] *Ibid.*, 68.
- [59] Cf. Concile Œcuménique Vatican II, Décret sur l'activité missionnaire de l'Église *Ad gentes*, 14 : « Ceux qui ont reçu de Dieu, par l'intermédiaire de l'Église, la foi au Christ, doivent être admis au catéchuménat par des cérémonies liturgiques. Le catéchuménat n'est point un simple exposé des dogmes et des préceptes, mais une formation à la vie chrétienne intégrale et un apprentissage par lesquels les disciples sont unis au Christ leur Maître. Les catéchumènes doivent donc être initiés, de façon appropriée, au mystère du salut et à la pratique des mœurs évangéliques, et introduits, par des rites sacrés, à célébrer à des époques successives, dans la vie de la foi, de la liturgie et de la charité du Peuple de Dieu. Ensuite, délivrés de la puissance des ténèbres, par les sacrements de l'initiation chrétienne, morts avec le Christ, ensevelis avec lui et ressuscités avec lui, ils reçoivent l'Esprit d'adoption filiale et célèbrent avec tout le Peuple de Dieu le mémorial de la mort et de la résurrection du

là một món quà quý báu Chúa Thánh Thần ban tặng Hội Thánh hôm nay, một món quà mà các cộng đoàn Kitô ở mọi cấp trên khắp thế giới đang đáp lại với một lòng quảng đại và hi sinh rất đáng cảm phục. Việc phân định cần thiết có thể dựa trên một thực tế rất sống động và hữu ích từ thái độ rất cởi mở của Dân Thiên Chúa đối với ân sủng của Chúa và những hướng dẫn của Huấn Quyền.” Một sự đánh giá về hiện tình huấn giáo, bước tiến và các vấn đề của huấn giáo có thể tìm thấy trong Thánh Bộ Giáo Sĩ, *Tổng Niên Giám Huấn Giáo* (15-8-1997), 29-30:

http://www.vatican.va/roman_curia/congregations/ccclergy/documents/rc_con_ccatheduc_doc_17041998_diretory-for-catechesis_en.html.

⁵² Một trình bày về các phương pháp này có thể tìm thấy trong Thánh Bộ Giáo Sĩ, *Tổng Niên Giám Huấn Giáo* (15-8-1997), 29-30:

http://www.vatican.va/roman_curia/congregations/ccclergy/documents/rc_con_ccatheduc_doc_17041998_diretory-for-catechesis_en.html.

⁵³ Xem Gioan Phaolô II, Tông Huấn *Catechesi tradendae* (16-10-1979) 3: *AAS* 71 (1979) 1322, 1323.

⁵⁴ Xem *nt.*, 30, 31: *AAS* 71 (1979) 1302, 1304.

⁵⁵ Thánh Bộ Giáo Sĩ, *Tổng Niên Giám Huấn Giáo* (15-8-1997), 78:

http://www.vatican.va/roman_curia/congregations/ccclergy/documents/rc_con_ccatheduc_doc_17041998_diretory-for-catechesis_en.html.

⁵⁶ Xem Gioan Phaolô II, Tông Huấn *Catechesi tradendae* (16-10-1979) 58: *AAS* 71 (1979) 1324, 1325: “Cũng có một khoa sư phạm đức tin, và chúng ta không thể coi nhẹ những lợi ích nó có thể cống hiến cho huấn giáo. Trên thực tế, các kỹ thuật đã được hoàn chỉnh và thử nghiệm cho giáo dục nói chung cần phải được áp dụng thích nghi để phục vụ việc giáo dục đức tin, đó là điều đương nhiên. Nhưng cần phải luôn luôn lưu ý về tính độc đáo của đức tin. Khoa sư phạm đức tin không phải là việc truyền đạt tri thức nhân loại, dù là loại tri thức cao nhất; nhưng là việc thông truyền mạc khải của Thiên Chúa trong sự toàn vẹn của nó. Trong toàn thể lịch sử thánh, đặc biệt trong Tin Mừng, chính Thiên Chúa đã sử dụng một khoa sư phạm phải được tiếp tục dùng làm mẫu mực cho khoa sư phạm đức tin. Một kỹ thuật chỉ có giá trị trong huấn giáo khi nó phục vụ cho đức tin được truyền lại và được học biết; nếu không, nó chẳng có giá trị gì cả.” Vấn đề này đã được trình bày và diễn tả lại trong Thánh Bộ Giáo Sĩ, *Tổng Niên Giám Huấn Giáo* (15-8-1997), 78:

http://www.vatican.va/roman_curia/congregations/ccclergy/documents/rc_con_ccatheduc_doc_17041998_diretory-for-catechesis_en.html.

⁵⁷ Xem Thánh Bộ Giáo Sĩ, *Tổng Niên Giám Huấn Giáo* (15-8-1997), 78:

http://www.vatican.va/roman_curia/congregations/ccclergy/documents/rc_con_ccatheduc_doc_17041998_diretory-for-catechesis_en.html.

Xem thêm Sách *Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo*, 4-10.

⁵⁸ *nt.*, 68:

http://www.vatican.va/roman_curia/congregations/ccclergy/documents/rc_con_ccatheduc_doc_17041998_diretory-for-catechesis_en.html.

⁵⁹ Xem Vaticanô II, Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Hội Thánh *Ad gentes*, 14: “Những người nhờ Hội Thánh được Thiên Chúa ban ơn tin Chúa Kitô phải được nhận vào lớp dự tòng bằng những lễ nghi phụng vụ. Lớp dự tòng này không phải chỉ là trình bày tín lý và các giới răn, nhưng huấn luyện một đời sống Kitô hữu đầy đủ và thời gian tập sự được kéo dài thích đáng để nhờ đó môn đệ liên kết với Chúa Kitô là Thầy mình. Vậy các người dự tòng phải được khai tâm một cách thích hợp về mầu nhiệm cứu rỗi, tập sống theo Phúc Âm, và qua các nghi lễ thánh được cử hành theo từng giai đoạn liên tục, họ được đưa vào đời sống đức tin, phụng vụ và bác ái của Dân Chúa. Rồi khi đã chịu các bí tích gia nhập Kitô giáo, họ được giải thoát khỏi quyền lực tối tăm, cùng chết, cùng được an táng và sống lại với Đức Kitô, họ lãnh nhận Chúa Thánh Thần, Đấng làm cho họ thành nghĩa tử, và cùng với toàn thể Dân Chúa họ cử hành lễ kính nhớ việc Chúa chịu chết và sống lại. [...] Lớp khai tâm Kitô giáo trong thời gian dự tòng đó không phải chỉ là việc riêng của các giảng viên giáo lý hay của các linh mục, mà còn là của cộng đoàn tín hữu, nhất là của những người đỡ đầu, để nhờ đó, ngay từ đầu, các dự tòng cảm thấy mình thuộc về Dân Chúa. Và vì đời sống của Hội Thánh là đời sống tông đồ, nên người dự tòng cũng phải học biết cộng tác tích cực vào việc rao giảng Phúc Âm và xây dựng Hội Thánh bằng chứng tích đời sống và việc tuyên xưng đức tin.

Seigneur. [...] Cette initiation chrétienne au cours du catéchuménat doit être l'œuvre non pas des seuls catéchistes ou des seuls prêtres, mais celle de toute la communauté des fidèles, spécialement celle des parrains, en sorte que dès le début les catéchumènes sentent qu'ils appartiennent au Peuple de Dieu. La vie de l'Église étant apostolique, les catéchumènes doivent de même apprendre à coopérer activement par le témoignage de leur vie et la profession de leur foi à l'évangélisation et à l'édification de l'Église ».

[60] Congrégation pour le Clergé, [Directoire général pour la Catéchèse](#) (15.08.1997), 91 : « La catéchèse post-baptismale, sans se calquer sur la configuration du catéchuménat baptismal, et en reconnaissant aux catéchisés leur état de baptisés, fera bien de s'inspirer de cette 'école préparatoire à la vie chrétienne', en se laissant féconder par les principaux éléments qui la caractérisent ».

[61] Cf. *ibid.*, 90-91.

[62] Concile Œcuménique Vatican II, Constitution dogmatique sur l'Église [Lumen gentium](#), 26. Texte cité et assumé par le [Directoire général pour la Catéchèse](#), au n° 217, pour entamer le traitement des sujets de l'action de catéchèse dans l'Église.

[63] Une présentation du rôle et des tâches de chacun de ces sujets en vue de l'annonce de la foi est faite par Congrégation pour le Clergé, [Directoire général pour la Catéchèse](#) (15.08.1997), 219-232.

[64] Cf. Benoît XVI, [Discours aux participants du IV^{ème} Congrès national de l'Église italienne](#) (Vérone, 19.10.2006) : *AAS* 98 (2006) 804-817.

[65] Benoît XVI, [Homélie de la Messe pour le début du ministère pétrin](#) (Vatican, 24.04.2005) : *AAS* 97 (2005) 710.

[66] Cf. Concile Œcuménique Vatican II, Déclaration sur la liberté religieuse [Dignitatis humanae](#), 6.

[67] Paul VI, Exhortation Apostolique [Evangelii nuntiandi](#) (08.12.1975), 46: *AAS* 68 (1976) 36.

[68] *Ibid.*, 15: *AAS* 68 (1976) 14-15.

[69] Cf. Concile Œcuménique Vatican II, Décret sur l'activité missionnaire de l'Église [Ad gentes](#), 14.

[70] Dans ce processus, un rôle important a été joué par la publication de l'*Ordo Initiationis Christianae Adultorum*, editio typica 1972, reimpressio emendata 1974. Dans son travail de révision de la pratique catéchétique, la réflexion catéchétique s'est particulièrement inspirée de ce rituel.

[71] Le [Directoire général pour la Catéchèse](#) a placé tous ces efforts sous l'intitulé « catéchuménat baptismal » : cf. *DGC* (15.08.1997), 88-91.

[72] Cf. Benoît XVI, Exhortation Apostolique post-synodale [Sacramentum caritatis](#) (22.02.2007), 18: *AAS* 99 (2007) 119: « À cet égard, il est nécessaire de porter attention à la question de l'ordre des sacrements de l'initiation. Dans l'Église, il existe des traditions différentes. Une telle diversité se manifeste avec évidence dans les traditions ecclésiales de l'Orient, et dans la pratique occidentale elle-même en ce qui concerne l'initiation des adultes, par rapport à celle des enfants. Néanmoins, de telles différences ne sont pas proprement d'ordre dogmatique, mais de nature pastorale. Concrètement, il est nécessaire de vérifier quelle pratique peut en réalité aider au mieux les fidèles à mettre au centre le sacrement de l'Eucharistie, comme réalité vers laquelle tend toute l'initiation. En étroite collaboration avec les Dicastères compétents de la Curie romaine, les Conférences épiscopales vérifieront l'efficacité des parcours actuels d'initiation, afin que, par l'action éducative de nos communautés, le chrétien soit aidé à mûrir toujours davantage, en parvenant à donner à sa vie une authentique assise eucharistique, de sorte qu'il soit en mesure de rendre raison de son espérance d'une manière adaptée à notre temps (cf. *I P* 3, 15) ».

[73] Cf. Paul VI, Exhortation Apostolique [Evangelii nuntiandi](#) (08.12.1975), 51: *AAS* 68 (1976) 40.

[74] Cf. Jean-Paul II, Lettre Apostolique [Redemptoris missio](#) (07.12.1990), 44 : *AAS* 83 (1991) 290-291.

- ⁶⁰ Xem Thánh Bộ Giáo Sĩ, *Tổng Niên Giám Huấn Giáo* (15-8-1997), 78:
http://www.vatican.va/roman_curia/congregations/cclergy/documents/rc_con_ccatheduc_doc_17041998_diretory-for-catechesis_en.html.
- “Huấn giáo sau Rửa Tội, mặc dù không hoàn toàn rập theo mẫu cấu trúc của thời kỳ huấn giáo dự tông, và nhìn nhận tư cách đã rửa tội của người học giáo lý, song rất nên lấy cảm hứng từ ‘trường học dự bị cho đời sống Kitô giáo này’, và để mình được thêm phong phú bởi những yếu tố chính của thời kỳ dự tông.”
- ⁶¹ Xem *nt.*, 90, 91:
http://www.vatican.va/roman_curia/congregations/cclergy/documents/rc_con_ccatheduc_doc_17041998_diretory-for-catechesis_en.html.
- ⁶² Vaticanô II, Hiến Chế Tín Lý về Hội Thánh *Lumen Gentium*, 26. Bản văn này được trích lại và ghép vào trong cuốn *Tổng Niên Giám Huấn Giáo*, 217, mở đầu cho một trình bày về những người chịu trách nhiệm về hoạt động huấn giáo trong Hội Thánh.
- ⁶³ Một trình bày về vai trò và trách nhiệm của những người này trong việc rao giảng đức tin có thể tìm thấy trong Thánh Bộ Giáo Sĩ, *Tổng Niên Giám Huấn Giáo* (15-8-1997), 219-232:
http://www.vatican.va/roman_curia/congregations/cclergy/documents/rc_con_ccatheduc_doc_17041998_diretory-for-catechesis_en.html.
- ⁶⁴ Xem Bênêđiô XVI, *Diễn văn cho Đại Hội Hội Thánh Toàn Quốc tại Ý* (19-10-2006), Verona: *L'Osservatore Romano*: ấn bản hằng tuần tiếng Anh, 25-10-2006, tr. 6, 8: AAS 98 (2006) 804-817.
- ⁶⁵ Bênêđiô XVI, *Bài giảng Thánh Lễ nhậm chức Giáo Hoàng* (24-4-2005): *L'Osservatore Romano*: ấn bản hằng tuần tiếng Anh, 27-4-2005, tr. 1, 8: AAS 97 (2005) 710.
- ⁶⁶ Xem Vaticanô II, Tuyên Ngôn về Tự Do Tôn Giáo *Dignitatis Humanae* 6.
- ⁶⁷ Phalô VI, Tông Huấn *Evangelii nuntiandi* (8-12-1975) 46: AAS 68 (1976) 36.
- ⁶⁸ *nt.*, 15: AAS 68 (1976) 14, 15.
- ⁶⁹ Xem Vaticanô II, Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo của Hội Thánh *Ad gentes* 14.
- ⁷⁰ Việc xuất bản cuốn *Ordo Initiationis Christianae Adultorum* –Nghị thức gia nhập Kitô giáo của người lớn– (ấn bản gốc 1972, hiệu đính và tái bản 1974) đã giúp ích rất nhiều cho tiến trình này. Trong quá trình duyệt lại việc thực hành huấn giáo, nghị thức này phản ánh rất rõ lối suy nghĩ huấn giáo lúc bấy giờ
- ⁷¹ Tất cả các đề tài này được trình bày trong Thánh Bộ Giáo Sĩ, *Tổng Niên Giám Huấn Giáo* (15-8-1997), dưới tiêu đề “Huấn giáo dự tông”: xem *nt.*, 88-91:
http://www.vatican.va/roman_curia/congregations/cclergy/documents/rc_con_ccatheduc_doc_17041998_diretory-for-catechesis_en.html.
- ⁷² Xem Bênêđiô XVI, Tông Huấn hậu-THĐ *Sacramentum caritatis* (22-2-2007) 18: AAS 99 (2007) 119:
 “Về phương diện này, cần lưu ý tới thứ tự các Bí Tích Khai Tâm. Trong Hội Thánh có các truyền thống khác nhau. Một mặt, có sự khác biệt rõ rệt giữa các tập tục của Hội Thánh phương Đông và lối thực hành của phương Tây về việc khai tâm cho người lớn, và mặt khác, có những khác biệt trong thủ tục khai tâm đối với trẻ em. Nhưng những khác biệt này không trực tiếp liên quan tới khía cạnh tín lý mà chỉ thuộc lãnh vực mục vụ. Cụ thể, chúng ta cần phải xét xem lối thực hành nào thích hợp hơn để giúp tín hữu coi bí tích Thánh Thể là trung tâm và là mục tiêu của toàn thể tiến trình khai tâm. Hợp tác chặt chẽ với các văn phòng chuyên trách của giáo triều Rôma, các Hội Đồng Giám Mục phải xem xét tính hiệu quả của các phương thức hiện hành trong việc khai tâm Kitô giáo, để giúp tín hữu vừa trưởng thành nhờ việc đào luyện nhận được trong các cộng đoàn của chúng ta, vừa tạo cho họ một định hướng Thánh Thể đích thực cho đời họ, nhờ đó họ có thể lý giải về niềm hi vọng nơi họ bằng những cách thích hợp với thời đại chúng ta (x. 1 P 3:15).”
- ⁷³ Xem Phalô VI, Tông Huấn *Evangelii nuntiandi* (8-12-1975) 51: AAS 68 (1976) 40.
- ⁷⁴ Xem Gioan Phaolô II, Thông Điệp *Redemptoris missio* (7-12-1990) 44: AAS 83 (1991) 290-291.
- ⁷⁵ Xem Thánh Bộ Giáo Sĩ, *Tổng Niên Giám Huấn Giáo* (15-8-1997) 61, 62:
http://www.vatican.va/roman_curia/congregations/cclergy/documents/rc_con_ccatheduc_doc_17041998_diretory-for-catechesis_en.html.

[75] Cf. Congrégation pour le Clergé, [Directoire général pour la Catéchèse](#) (15.08.1997), 61-62.

[76] Cf. Benoît XVI, [Discours aux Évêques du Brésil en visite 'ad limina apostolorum'](#) (Rome, 07.09.2009) : *L'Osservatore Romano*, E.H.L.F. 3101 (2009) 4 : « dans les décennies qui suivirent le [Concile Vatican II](#), certains ont interprété l'ouverture au monde non comme une exigence de l'ardeur missionnaire du Cœur du Christ, mais comme un passage à la sécularisation, en trouvant dans celle-ci plusieurs valeurs d'une grande profondeur chrétienne, comme l'égalité, la liberté et la solidarité, et se montrant disponibles à faire des concessions et à découvrir des domaines de collaboration. On a ainsi assisté à des interventions de certains responsables ecclésiaux dans des débats éthiques, en réponse aux attentes de l'opinion publique, mais on a cessé de parler de certaines vérités fondamentales de la foi, comme le péché, la grâce, la vie théologale et les quatre fins de l'homme. On est tombé inconsciemment dans l'autosécularisation de nombreuses communautés ecclésiales; celles-ci, espérant attirer ceux qui étaient loin, ont vu s'en aller, dépouillés et déçus, ceux qui y participaient déjà : nos contemporains, lorsqu'ils nous rencontrent, veulent voir ce qu'ils ne voient nulle part ailleurs, c'est-à-dire la joie et l'espérance qui naissent du fait d'être avec le Seigneur ressuscité ».

[77] Le renvoi est dû au Conseil Pontifical de la Culture, sur une suggestion du Pape Benoît XVI. Les « parvis des gentils » sont les lieux où ouvrir une confrontation mutuellement enrichissante et culturellement stimulante entre les chrétiens et ceux qui sentent l'existence une distance entre eux et la religion mais qui veulent s'approcher de Dieu, du moins comme de quelqu'un à connaître.

[78] Cf. Concile Œcuménique Vatican II, Constitution pastorale sur l'Église dans le monde de ce temps [Gaudium et spes](#), 22.

[79] Benoît XVI, [Discours à l'Université catholique d'Amérique](#) (Washington D.C. [États-Unis d'Amérique], 17.04.2008) : *L'Osservatore Romano*, E.H.L.F. 3030 (2008) 2.

[80] Benoît XVI, [Discours à l'ouverture du Congrès du Diocèse de Rome](#) (Rome, 11.06.2007) : *L'Osservatore Romano*, E.H.L.F. 2987 (2007) 6.

[81] Benoît XVI, Lettre Encyclique [Caritas in veritate](#) (29.06.2009), 51: *AAS* 101 (2009) 687-688.

[82] Paul VI, Exhortation Apostolique [Evangelii nuntiandi](#) (08.12.1975), 41: *AAS* 68 (1976) 31-32. Cf. Benoît XVI, Exhortation Apostolique post-synodale [Sacramentum caritatis](#) (22.02.2007), 85 : *AAS* 99 (2007) 170-171.

[83] Cf. [Catéchisme de l'Église Catholique](#), 2685.

[84] Cf. Jean-Paul II, *Audience générale* (21.10.1992) : *L'Osservatore Romano*, E.H.L.F. 2235 (1992) 12.

[85] Jean-Paul II, Lettre Apostolique [Novo millennio ineunte](#) (06.01.2001), 40: *AAS* 93 (2001) 294.

[86] Benoît XVI, Lettre Encyclique [Spe salvi](#) (30.11.2007), 31: *AAS* 99 (2007) 1010.

[87] Paul VI, Exhortation Apostolique [Evangelii nuntiandi](#), (08.12.1975), 80: *AAS* 68 (1976) 75.

© Copyright 2011 - Secrétairerie Générale du Synode des Évêques et *Libreria Editrice Vaticana*.

Ce texte peut être reproduit par les Conférences épiscopales, ou avec leur autorisation, à condition que son contenu ne soit pas modifié et que deux exemplaires de la publication soient envoyés à la Secrétairerie Générale du Synode des Évêques, 00120 Cité du Vatican.

-
- ⁷⁶ Xem Bênêđiô XVI, *Diễn văn cho các Giám Mục Brazil nhân chuyến viếng thăm ad limina* (7-9-2009): *L'Osservatore Romano*: ấn bản tiếng Anh, 16-9-2009, tr. 5: “Vào những thập niên sau Công Đồng Vaticanô II, một số người đã giải thích thái độ mở ra với thế giới không phải như một đòi hỏi của nhiệt tình truyền giáo của Thánh Tâm Đức Kitô, mà như một chặng đường dẫn tới tiến trình tục hóa. Họ nhìn thấy ở đó một số giá trị mang đậm tính chất Kitô giáo, như bình đẳng, tự do và liên đới, và họ cho thấy họ sẵn sàng có những thỏa hiệp và khám phá ra những lãnh vực để hợp tác. Thế nên một số giáo sĩ lãnh đạo đã tham gia các cuộc tranh luận để đáp lại những mong đợi của công luận, nhưng lại thôi không còn nói đến một số chân lý đức tin cơ bản, như tội lỗi, ân sủng, đời sống hướng thần và cánh chung. Một cách vô tình họ bị mắc kẹt vào tình trạng tự-tục hóa của nhiều cộng đoàn giáo hội; những cộng đoàn này, trong khi muốn lôi kéo những người ở ngoài đến với mình, thì lại phải chứng kiến cảnh bỏ đi của những người đã ở trong cộng đoàn, mất tất cả và thất vọng: những người đương thời của chúng ta khi gặp chúng ta, họ muốn được thấy những gì mà họ không thể tìm thấy ở đâu khác, nghĩa là niềm vui và hi vọng phát sinh từ sự kiện chúng ta ở với Chúa phục sinh.”
- ⁷⁷ Diễm tham chiếu này phát xuất từ một sáng kiến của Hội Đồng Giáo Hoàng về Văn Hóa, do gợi ý của Đức Giáo Hoàng Bênêđiô XVI. Các “Sân của Dân Ngoại” là những nơi để khai mào một cuộc gặp gỡ làm giàu cho nhau và kích thích văn hóa giữa những người Kitô hữu và những người không theo một đạo nào nhưng ước ao đến gần Thiên Chúa, ít là như một điều gì đó mà họ không biết trong cuộc đời họ.
- ⁷⁸ Xem Vaticanô II, Hiến Chế Mục Vụ về Hội Thánh trong Thế Giới Hôm Nay *Gaudium et Spes*, 22.
- ⁷⁹ Bênêđiô XVI, *Diễn văn cho các nhà giáo dục Công Giáo* (17-4-2008), Đại Học Công Giáo Hoa Kỳ, Washington, D.C.: *L'Osservatore Romano*: ấn bản tiếng Anh, 23-4-2008, tr. 7-8.
- ⁸⁰ Bênêđiô XVI, *Diễn văn khai mạc Đại Hội Giáo Phận Rôma* (11-6-2007): *L'Osservatore Romano*: ấn bản tiếng Anh, 20-6-2007, tr. 3.
- ⁸¹ Bênêđiô XVI, Thông Điệp *Caritatis in veritate* (29-6-2009) 51: *AAS* 101 (2009) 687, 688.
- ⁸² Phalô VI, Tông Huấn *Evangelii nuntiandi* (8-12-1975) 41: *AAS* 68 (1976) 31, 32; xem Bênêđiô XVI, Tông Huấn hậu-THĐ *Sacramentum caritatis* (22-2-2007) 85: *AAS* 99 (2007) 170, 171.
- ⁸³ Xem Sách *Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo*, 2685.
- ⁸⁴ Xem Gioan Phaolô II, *Diễn văn trong cuộc triều yết chung ngày thứ tư* (21-10-1992); *L'Osservatore Romano* : ấn bản tiếng Anh, 28-10-1992, tr. 11.
- ⁸⁵ Gioan Phaolô II, Tông Thư *Novo millennio ineunte* (6-1-2001) 40: *AAS* 93 (2001) 294.
- ⁸⁶ Bênêđiô XVI, Thông Điệp *Spe salvi* (30-11-2007) 31: *AAS* 99 (2007) 1010.
- ⁸⁷ Phalô VI, Tông Huấn *Evangelii nuntiandi* (8-12-1975) 80: *AAS* 68 (1976) 75.

**ỦY BAN LOAN BÁO TIN MỪNG
HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC VIỆT NAM**